

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

GIANG LƯƠNG KIÊN

**HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
TẠI NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

GIANG LƯƠNG KIÊN

**HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
TẠI NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 8340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. VŨ THỊ THANH THỦY

HÀ NỘI - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi là Giang Lương Kiên, học viên lớp Cao học K4.KT. Trong quá trình làm việc tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt, tôi đã lựa chọn thực hiện luận văn thạc sĩ với đề tài “Hoàn thiện kiểm toán nội bộ tại ngân hàng TMCP Bảo Việt”.

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học, độc lập của tôi, với sự hướng dẫn của giảng viên TS. Vũ Thị Thanh Thủy. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được sự cho phép của Ngân hàng mà tôi đang làm việc.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm với những nội dung được nêu ra trong luận văn.

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Tác giả

Giang Lương Kiên

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian nghiên cứu lý luận và thực tế, tác giả đã hoàn thành luận văn thạc sĩ kế toán với đề tài “Hoàn thiện kiểm toán nội bộ tại ngân hàng TMCP Bảo Việt”.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới TS. Vũ Thị Thanh Thủy đã tận tình hướng dẫn, quan tâm giúp đỡ, chỉ bảo và đóng góp nhiều ý kiến quý báu giúp tác giả hoàn thiện luận văn này.

Tác giả cũng xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo, các anh chị đã dìu dắt, hỗ trợ trong suốt khóa học. Xin cảm ơn gia đình và bạn bè, những người luôn khuyến khích và giúp đỡ tác giả trong mọi hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành của mình đến các anh chị phòng kiểm toán nội bộ – Ngân hàng TMCP Bảo Việt đã cung cấp số liệu để tác giả hoàn thành luận văn này.

Trong thời gian thực hiện, mặc dù đã nỗ lực hết sức mình trong quá trình học tập và nghiên cứu nhưng khó có thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế, vì vậy tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy, cô giáo để luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2019

Tác giả

Giang Lương Kiên

MỤC LỤC

| | |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----|
| DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT | V |
| DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ SƠ ĐỒ | VI |
| CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU | 1 |
| 1.1. Lý do chọn đề tài | 1 |
| 1.2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài..... | 2 |
| 1.3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu..... | 4 |
| 1.4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu..... | 4 |
| 1.5. Phương pháp nghiên cứu | 5 |
| 1.6. Những đóng góp mới của luận văn | 5 |
| CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI | 6 |
| 2.1. Những vấn đề chung về kiểm toán nội bộ | 6 |
| 2.1.1. Các quan niệm về kiểm toán nội bộ | 6 |
| 2.1.2. Vai trò kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng thương mại | 8 |
| 2.1.3. Quy tắc đạo đức và ứng xử của kiểm toán nội bộ | 10 |
| 2.1.4. Chuẩn mực kiểm toán nội bộ | 12 |
| 2.2. Kiểm toán nội bộ tại ngân hàng thương mại | 13 |
| 2.2.1. Cơ cấu tổ chức..... | 14 |
| 2.2.2. Nội dung kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng thương mại..... | 15 |
| 2.2.3. Phương pháp tiếp cận của kiểm toán nội bộ..... | 16 |
| 2.2.4. Quy trình kiểm toán nội bộ | 18 |
| 2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm toán nội bộ ngân hàng thương mại. | 26 |
| 2.3.1. Nhân tố khách quan..... | 26 |
| 2.3.2. Nhân tố chủ quan thuộc ngân hàng | 28 |

| | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 2.4. Kinh nghiệm về kiểm toán nội bộ tại các tổ chức tín dụng và bài học rút ra | 30 |
| 2.4.1. Kinh nghiệm về kiểm toán nội bộ tại các tổ chức tín dụng..... | 30 |
| 2.4.2. Bài học kinh nghiệm rút ra | 33 |
| KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 | 36 |
| CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT | 37 |
| 3.1. Khái quát về ngân hàng TMCP Bảo Việt | 37 |
| 3.1.1. Quá trình hình thành, phát triển của Ngân hàng TMCP Bảo Việt | 37 |
| 3.1.2. Mô hình tổ chức và mạng lưới hoạt động của Ngân hàng TMCP Bảo Việt | 39 |
| 3.1.3. Các kết quả hoạt động chính của Ngân hàng TMCP Bảo Việt | 41 |
| 3.2. Thực trạng kiểm toán nội bộ tại ngân hàng TMCP Bảo Việt | 45 |
| 3.2.1. Thực trạng về cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm toán nội bộ..... | 45 |
| 3.2.2. Thực trạng về cơ cấu tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt | 47 |
| 3.2.3. Thực trạng về nội dung kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt | 48 |
| 3.2.4. Thực trạng về phương pháp tiếp cận trong kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt..... | 49 |
| 3.2.5. Thực trạng về quy trình kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt | 50 |
| 3.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới thực trạng kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt | 62_Toc24445601 |
| 3.4. Đánh giá thực trạng kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt | 65 |
| 3.4.1. Kết quả đạt được | 65 |

| | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 3.4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân..... | 67 |
| 3.4.3. Nguyên nhân của các hạn chế..... | 73 |
| KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 | 80 |
| CHƯƠNG 4: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI NGÂN HÀNG BẢO VIỆT | 81 |
| 4.1. Sự cần thiết hoàn thiện kiểm toán nội bộ tại ngân hàng thương mại | 81 |
| 4.2. Định hướng hoạt động của Ngân hàng TMCP Bảo Việt trong thời gian tới | 82 |
| 4.2.1. Định hướng và mục tiêu của các hoạt động chung..... | 82 |
| 4.2.2. Định hướng hoàn thiện công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ..... | 82 |
| 4.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức, hoạt động kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt..... | 83 |
| 4.2.4. Yêu cầu đối với công tác kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt..... | 84 |
| 4.3. Giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt | 85 |
| 4.3.1. Hoàn thiện nội dung kiểm toán..... | 85 |
| 4.3.2. Hoàn thiện phương pháp tiếp cận kiểm toán..... | 86 |
| 4.3.3. Hoàn thiện quy trình kiểm toán nội bộ..... | 87 |
| 4.3.4. Nâng cao trách nhiệm, sự ủng hộ của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thiết lập và vận hành một hệ thống KSNB hiệu lực, hiệu quả. | 89 |
| 4.3.5. Tăng cường sự phối hợp của các đơn vị được kiểm toán..... | 92 |
| 4.3.6. Kiện toàn về nhân sự..... | 93 |
| 4.3.7. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy..... | 93 |
| 4.4. Kiến nghị nhằm hoàn thiện kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt | 95 |
| 4.4.1. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước..... | 95 |

| | |
|---------------------------------------------------------------------|-----|
| 4.4.2. Kiến nghị với Chính phủ và với cơ quan quản lý nhà nước..... | 96 |
| KẾT LUẬN CHƯƠNG 4 | 97 |
| KẾT LUẬN | 98 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 100 |
| PHỤ LỤC | |

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| Từ viết tắt | Nguyên nghĩa |
|-------------|--------------------------------------|
| KSNB | Kiểm soát nội bộ |
| KTKSNB | Kiểm tra kiểm soát nội bộ |
| KTNB | Kiểm toán nội bộ |
| KTV | Kiểm toán viên |
| KTVNB | Kiểm toán viên nội bộ |
| NHNN | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| NHTM | Ngân hàng thương mại |
| NH | Ngân hàng |
| TCTD | Tổ chức tín dụng |
| QLRR | Quản lý rủi ro |
| ACCA | Hiệp hội kế toán viên công chứng Anh |
| IIA | Viện kiểm toán nội bộ Hoa Kỳ |
| TMCP | Thương mại cổ phần |

DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ SƠ ĐỒ

| | |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Hình 3.1: Tình hình tăng trưởng tài sản của Ngân hàng TMCP Bảo Việt giai đoạn 2015-2017 | 42 |
| Hình 3.2: Tình hình tăng trưởng huy động của Ngân hàng TMCP Bảo Việt giai đoạn 2015-2017 | 43 |
| Bảng 3.1: Thực trạng lập kế hoạch kiểm toán nội bộ tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Bảo Việt..... | 51 |
| Bảng 3.2: Nguồn thông tin để Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện đánh giá rủi ro | 52 |
| Bảng 3.3: Phương pháp đo lường rủi ro của kiểm toán nội bộ..... | 53 |
| Bảng 3.4: Thực trạng sử dụng các công cụ đánh giá định lượng tại ngân hàng ... | 54 |
| Bảng 3.5: Đánh giá việc thực hiện kiểm toán nội bộ tại ngân hàng Bảo Việt | 56 |
| Bảng 3.6: Đánh giá việc lập báo cáo kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt..... | 58 |
| Bảng 3.7: Những kiến nghị chủ yếu..... | 59 |
| Bảng 3.8: Thực trạng công tác giám sát các kiến nghị..... | 62 |
| Bảng 3.9: Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt..... | 64 |

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Lý do chọn đề tài

Kiểm toán nội bộ tại các doanh nghiệp nói chung và các ngân hàng thương mại nói riêng có vai trò hết sức quan trọng trong quản trị kinh doanh và quản trị rủi ro, đóng vai trò là tuyến phòng thủ thứ ba theo thông lệ quốc tế nhằm kiểm tra, đánh giá, giám sát tính hữu hiệu, phù hợp, đầy đủ của hệ thống Kiểm soát nội bộ. Kiểm toán nội bộ đã được áp dụng tại nhiều NHTM ở các nước phát triển và đang phát triển trên thế giới. Trở thành nội dung cốt lõi của Basel II. Sự ra đời và phát triển của kiểm toán nội bộ chính là do nhu cầu tất yếu khách quan để tăng cường quản trị, giám sát trong bối cảnh kinh tế, xã hội... biến động mạnh mẽ và khó lường.

Ở Việt Nam, hệ thống NHTM sau thời kỳ phát triển nhanh về quy mô và số lượng đã bộc lộ nhiều vấn đề về tăng trưởng nóng, mức độ rủi ro cao trong khi tính minh bạch về hoạt động kinh doanh và các vấn đề sở hữu đã và đang gây ra những tác động tiêu cực không nhỏ đến sự ổn định và tăng trưởng của nền kinh tế đất nước. Một trong những nguyên nhân cơ bản là do công tác kiểm toán nội bộ tại các NHTM chưa được tổ chức một cách hiệu quả, chưa đảm bảo những nguyên tắc và yêu cầu chung trong quá trình vận hành.

Là một NHTM có quy mô nhỏ và ra đời muộn nhất trong hệ thống NHTM, Ngân hàng TMCP Bảo Việt còn nhiều yếu kém trong công tác quản lý và vận hành. Còn xảy ra nhiều vi phạm và cũng được chấn chỉnh và đã nhiều lần tái cơ cấu, thay đổi mô hình. Tuy nhiên các sai phạm, tổn thất mới vẫn tiếp tục diễn ra trong thời gian qua khiến người ta phải đặt câu hỏi về trách nhiệm của Phòng kiểm toán nội bộ với vai trò là tuyến phòng thủ cuối cùng ngăn chặn, phát hiện rủi ro. Tư vấn đề cơ cấu tổ chức bộ máy kiểm toán, đến nội dung, phương pháp, quy trình kiểm toán, chất lượng nguồn nhân lực

vẫn bộ lộ nhiều bất cập và chưa đáp ứng được các thông lệ quốc tế khiến kiểm toán nội bộ ít đóng góp được cho sự phát triển an toàn, lành mạnh của đơn vị, thậm chí vai trò của kiểm toán nội bộ chưa được các cán bộ cho đến lãnh đạo Ngân hàng nhận thức đầy đủ, sâu trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của mình.

Với những lý do trên đây, việc nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt” là việc làm cần thiết, không những có ý nghĩa về mặt lý luận, mà còn góp phần giải quyết những yêu cầu đặt ra trong thực tế để hoàn thiện hơn nữa hoạt động kiểm toán nội bộ trong các NHTM nói chung và Ngân hàng TMCP Bảo Việt nói riêng.

1.2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.

Nghiên cứu về kiểm toán nội bộ nói chung

Cho đến nay, KTNB đã có những bước phát triển mạnh mẽ và trở thành hoạt động mang tính chuyên nghiệp trên thế giới. Hoạt động của bộ phận này đã trợ giúp đắc lực cho lãnh đạo cấp cao, không những đảm bảo độ tin cậy của thông tin mà còn đánh giá tính kinh tế, tính hiệu quả trong các hoạt động khác nhau. Từ những ngày đầu manh nha của KTNB, cũng có một số khái niệm về KTNB, tuy nhiên tới năm 1999, Viện kiểm toán nội bộ Hoa Kỳ IIA đã chính thức đưa ra một khái niệm về KTNB trên toàn thế giới, bắt đầu một kỷ nguyên mới của nghề Kiểm toán nội bộ, vốn được coi là nghề bảo vệ giá trị doanh nghiệp. Khái niệm đó sau nhiều lần sửa đổi, với lần gần đây nhất là tháng 10/2010, chính thức áp dụng từ 01/01/2011 có nội dung như sau:

“ KTNB là hoạt động xác nhận và tư vấn mang tính độc lập, khách quan được thiết lập nhằm tạo ra giá trị gia tăng, nâng cao hiệu quả hoạt động của một tổ chức. KTNB giúp cho tổ chức đạt được các mục tiêu của mình thông qua việc tạo ra một cách tiếp cận có hệ thống, có tính kỷ luật để

đánh giá, nâng cao hiệu lực của quy trình quản trị doanh nghiệp, quy trình kiểm soát và quản lý rủi ro”.

Trên thế giới, KTNB đã được hình thành và phát triển với những hành lang pháp lý rõ ràng. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay hoạt động KTNB cũng chưa được quan tâm, gần đây Chính phủ đã ban hành nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về kiểm toán nội bộ. Nghị định này quy định về công tác kiểm toán nội bộ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp. Đây được xem là văn bản chính thống của nhà nước về hoạt động KTNB, và đây cũng được xem là cơ sở để các tổ chức đơn vị thực hiện triển khai hoạt động KTNB tại đơn vị mình.

Nghiên cứu về quy trình kiểm toán

(Võ Đỗ Dũng, 2012) trong luận văn thạc sĩ với đề tài: “Cải tiến quy trình kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong” cũng đã đưa ra quy trình kiểm toán nội bộ gồm các bước sau: (1) Chuẩn bị cho đợt kiểm toán, (2) Thực hiện kiểm toán, (3) Lập báo cáo kiểm toán nội bộ và đưa ra các kiến nghị, (4) Theo dõi sau kiểm toán. Tuy nhiên, trong nghiên cứu của mình, tác giả chưa đề cập đến bước lưu hồ sơ kiểm toán, đây là khoảng trống mà học viên sẽ đề cập trong luận văn thạc sĩ.

Nghiên cứu tổng quan về kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng Nông nghiệp

(Nguyễn Minh Phương, 2016) trong luận văn tiến sĩ với đề tài “ Hoàn thiện kiểm toán nội bộ tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam” đã phân nào phản ánh được tất cả các tồn tại của kiểm toán nội bộ trong ngân hàng thương mại nói chung và thực trạng kiểm toán nội bộ tại ngân hàng nông nghiệp nói riêng. Từ đó đã đưa ra được những giải pháp để hoàn thiện kiểm toán nội bộ.

1.3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

1.3.1. Về khía cạnh lý luận

Luận văn nghiên cứu lý luận về Kiểm toán nội bộ nói chung, Kiểm toán nội bộ NHTM nói riêng, các nhân tố bên trong và bên ngoài NHTM tác động tới kiểm toán nội bộ... từ đó có một hệ thống cơ sở lý thuyết vững chắc có tác dụng khảo cứu cho sinh viên, đồng nghiệp, những người quan tâm. Đề tài cũng tập trung bám sát các nguyên tắc của Basel II, các chuẩn mực, thông lệ quốc tế và kiểm toán nội bộ để thấy được sự phát triển mạnh mẽ không ngừng cũng như những đòi hỏi ngày càng khắt khe hơn với kiểm toán nội bộ nói chung và tại NHTM nói riêng.

1.3.2. Về khía cạnh thực tiễn

Học viên lựa chọn phương pháp nghiên cứu thực tiễn về kiểm toán nội bộ bằng bảng câu hỏi và phỏng vấn sâu. Mục đích chủ yếu của học viên là đi trả lời các câu hỏi:

- Thực trạng Kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt hiện nay như thế nào?
- Những nhân tố nào ảnh hưởng tới kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt?
- Giải pháp nào để hoàn thiện Kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt?

1.4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng thương mại nói chung và thực tiễn kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Phạm vi nghiên cứu được tập trung vào kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt và thực trạng của kiểm toán nội bộ tại đây.

Thời gian nghiên cứu là hoạt động KTNB tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt 4 năm 2015; 2016; 2017; 2018

1.5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu bao gồm các giai đoạn như phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá và khái quát hoá những lý thuyết cũng như những công trình nghiên cứu thực tiễn của các tác giả ở trong nước về những vấn đề liên quan đến Kiểm toán nội bộ tại NHTM.

- Học viên sử dụng Bảng câu hỏi tiến hành nghiên cứu đánh giá thực trạng kiểm toán nội bộ tại một số ngân hàng TMCP tại Việt Nam.

- Đặc biệt, để làm tăng tính thuyết phục cho các nhận định, học viên đã sử dụng phương pháp Bảng hỏi để tiến hành nghiên cứu thực trạng kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt, trong đó:

+ Mẫu nghiên cứu (Đối tượng khảo sát) là các kiểm toán viên nội bộ, lãnh đạo bộ phận kiểm toán, một số thành viên Ban kiểm soát. Đây là những đối tượng trực tiếp liên quan đến công tác kiểm toán và vì vậy họ hiểu rõ về thực trạng, chất lượng của kiểm toán nội bộ, các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm toán nội bộ. Học viên tiến hành lấy phiếu trực tiếp 08 người thuộc phòng kiểm toán nội bộ và ban kiểm soát tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

+ Thiết kế câu hỏi khảo sát gồm 08 câu hỏi liên quan đến: nội dung, phương pháp, quy trình kiểm toán nội bộ, các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

1.6. Những đóng góp mới của luận văn

Về mặt lý luận, Luận văn làm rõ cơ sở lý luận về kiểm toán nội bộ trong ngân hàng thương mại;

Về mặt thực tiễn, qua mô tả và phân tích thực trạng, nêu ra những kết quả đạt được và hạn chế, nguyên nhân dẫn đến các hạn chế của kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt, để từ đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện kiểm toán nội bộ của Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

2.1. Những vấn đề chung về kiểm toán nội bộ

2.1.1. Các quan niệm về kiểm toán nội bộ

Cho đến nay có khá nhiều quan niệm khác nhau về kiểm toán nội bộ, chẳng hạn như:

Theo Ủy ban Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo Quốc tế IAASB, “*Kiểm toán nội bộ là một chức năng của tổ chức thực hiện các hoạt động đảm bảo và tư vấn để đánh giá và cải thiện tính hiệu quả của quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của đơn vị*”.

Theo Hiệp hội kế toán viên công chứng Anh (ACCA), “*Kiểm toán nội bộ là hoạt động đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ để quản trị rủi ro một cách hiệu quả theo khẩu vị rủi ro của đơn vị*”. Quan niệm này cho thấy đối tượng của kiểm toán nội bộ chính là toàn bộ hệ thống kiểm soát trong đơn vị, với vai trò là quản trị rủi ro.

Tháng 6/1999, IIA đã cung cấp một định nghĩa mới khá toàn diện về loại hình nghề nghiệp này, trong đó xem “*KTNB là hoạt động đảm bảo và tư vấn mang tính độc lập, khách quan được thiết lập nhằm tạo ra giá trị gia tăng và cải thiện hoạt động của một tổ chức. KTNB giúp cho tổ chức đạt được các mục tiêu của mình thông qua việc tạo ra một cách tiếp cận có hệ thống, có tính kỷ luật để đánh giá, nâng cao hiệu quả của quy trình quản trị doanh nghiệp, quy trình kiểm soát và việc quản lý rủi ro. Có thể xem định nghĩa năm 1999 của IIA về kiểm toán nội bộ là một định nghĩa bản lề, then chốt mô tả được tất cả mục tiêu, bản chất, phạm vi cần thiết của kiểm toán nội bộ, trong đó có thể làm rõ định nghĩa như sau:*

- Độc lập: Kiểm toán nội bộ không thể tồn tại nếu không thực hiện độc lập. Các chức năng kiểm toán cần phải đứng ngoài các hoạt động kinh doanh để xem xét, đánh giá mới có thể mang lại kết quả khách quan cao nhất.

- Đảm bảo và tư vấn: Đây chính là sự thay đổi lớn lao về vai trò của kiểm toán nội bộ. Kiểm toán nội bộ có thể cung cấp tư vấn và hỗ trợ đối với quản lý doanh nghiệp một cách phù hợp nhất.

- Là một “hoạt động” độc lập, khách quan, vì vậy kiểm toán nội bộ không nhất thiết phải được thành lập trong một tổ chức mà có thể thuê các KTV bên ngoài để thực hiện hoạt động KTNB.

- Được thiết lập nhằm tạo giá trị gia tăng: Kiểm toán nội bộ hướng đến khách hàng và hiểu rõ nhu cầu của một tổ chức, hướng đến lợi ích của tổ chức hơn là những mục tiêu bí ẩn của riêng mình. Việc làm gia tăng giá trị cho tổ chức luôn được đặt ra xuyên suốt từ lãnh đạo của bộ phận kiểm toán và thể hiện trong toàn bộ quá trình kiểm toán.

- Cải thiện hoạt động của tổ chức: Đạt được điều này là do kiểm toán nội bộ luôn tiến hành những cải tiến liên tục. Các kiểm toán viên phải cố gắng để làm cho mọi việc tốt hơn chứ không đóng vai trò là người điều tra và xử lý vi phạm. Thậm chí, nếu trưởng kiểm toán không chứng minh được vai trò của kiểm toán nội bộ đối với tổ chức thì cũng có rất ít lý do để duy trì dịch vụ này.

- Giúp tổ chức đạt được mục tiêu của mình: Nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ được thiết lập vững chắc xung quanh mục tiêu của tổ chức.

- Cách tiếp cận có tính kỷ luật và tính hệ thống: Kiểm toán nội bộ có một hệ thống chuẩn mực chuyên nghiệp và có thể thực hiện công việc với chất lượng dịch vụ cao nhất. Là một hoạt động chuyên tư vấn và đảm bảo, chuẩn mực thực hành kiểm toán nội bộ của IIA số 2040 yêu cầu: các Trưởng kiểm toán phải xây dựng chính sách và quy trình để hướng dẫn hoạt động kiểm toán.

- Đánh giá, nâng cao hiệu quả: Kiểm toán nội bộ tập trung vào việc cải thiện tổ chức và một phần quan trọng chính là đánh giá. Kiểm toán nội bộ sẽ sắp xếp các phát hiện trong quá trình kiểm toán để tiến hành đánh giá để tiến tới một hệ thống kiểm soát nội bộ tốt nhất. Nếu hoạt động kiểm tra, giám sát trong đơn vị chỉ dừng lại ở việc thực hiện một số câu hỏi, kiểm tra một số dữ liệu khiến kết quả không thuyết phục thì ngược lại kiểm toán nội bộ phải tiến hành đánh giá một cách chính thống để thực hiện các bước hỗ trợ và cải thiện hoạt động của tổ chức.

- Hiệu quả: Hiệu quả là một khái niệm mấu chốt khi nhà quản lý xây dựng các mục tiêu và hệ thống kiểm soát nội bộ. Sự phức tạp đằng sau khái niệm hiệu quả rất lớn, chính vì vậy khi đưa vấn đề này vào định nghĩa, thì tầm bao quát của kiểm toán nội bộ trở nên rất rộng.

2.1.2. Vai trò kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng thương mại

Thời gian qua, các ngân hàng tại Việt Nam đang cho thấy những bước chuyển biến rõ rệt trên nhiều phương diện. Để quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, tháng 12/2011 NHNN đã ban hành Thông tư số 44/2011/TT-NHNN để từng bước giúp các ngân hàng xây dựng và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ. Nhưng Thông tư 44 còn mang tính khái quát và chưa thật sự đầy đủ, chưa đáp ứng được vai trò thật sự của một hệ thống kiểm soát nội bộ trong hoạt động ngân hàng.

Thông tư 13 được NHNN ban hành ngày 15/08/2018 đã góp phần giải quyết được những vấn đề khó khăn trong thực tế xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ cho hoạt động ngân hàng trong thời gian qua. Các quy định trong Thông tư 13 rất cụ thể và rõ ràng, đặc biệt là đã thật sự tiệm cận với các thông lệ quốc tế về việc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ.

Theo đó, hệ thống kiểm soát nội bộ được quy định nổi bật theo ba tuyến bảo vệ độc lập nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro trong hoạt động ngân hàng như sau:

Tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro do các bộ phận nghiệp vụ có liên quan thực hiện; Tuyến bảo vệ thứ hai có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản lý rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật; và Tuyến bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ do bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện.

Thông tư 13 cũng quy định hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện 5 chức năng là: giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đầy đủ vốn và kiểm toán nội bộ.

Nhìn chung, bộ phận kiểm toán nội bộ vẫn thực hiện theo các nguyên tắc độc lập, nguyên tắc khách quan và nguyên tắc chuyên nghiệp căn cứ theo các quy định về cơ chế phối hợp, tiêu chuẩn và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên nội bộ.

Về nguyên tắc chuyên nghiệp, Thông tư 44 và Thông tư 13 đều có một yêu cầu cụ thể là bộ phận kiểm toán nội bộ phải có ít nhất một kiểm toán viên nội bộ để thực hiện kiểm toán công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ. Theo các quy định mới trong Thông tư 13 về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ cũng có những thay đổi về nội dung nhằm thực hiện chức năng là tuyến bảo vệ thứ ba của mình.

Theo đó, công việc kiểm toán nội bộ sẽ bao gồm việc kiểm tra, đánh giá độc lập về việc tuân thủ cơ chế, chính sách, quy định nội bộ về hệ thống kiểm soát nội bộ ngân hàng theo quy định của Thông tư 13 bao gồm: giám sát quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và đánh giá nội bộ mức đủ vốn nhằm xác định tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Ngoài ra, kiểm toán nội bộ còn thực hiện rà soát, đánh giá độc lập tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật của cơ chế, chính sách, quy định nội bộ về hệ thống kiểm soát nội bộ.

Tóm lại, vai trò của kiểm toán nội bộ phải đáp ứng kỳ vọng ngày càng tăng của Ban Lãnh đạo và Ban kiểm soát ngân hàng nhằm giúp ngân hàng đối phó rủi ro và nắm bắt cơ hội trong việc tuân thủ các quy định của luật pháp cũng như giúp cung cấp đầy đủ thông tin hỗ trợ quá trình ra quyết định của Ban Lãnh đạo.

Vai trò của kiểm toán nội bộ cần phải thay đổi từ việc chỉ là “kiểm toán viên” (vai trò đảm bảo) trở thành “cố vấn tin cậy” (vai trò tư vấn và tạo lập giá trị) thông qua việc nâng cao giá trị của hoạt động kiểm toán nội bộ tập trung vào việc đạt được các mục tiêu tuân thủ, tính hiệu quả và tính kinh tế đối với các hoạt động ngân hàng.

2.1.3. Quy tắc đạo đức và ứng xử của kiểm toán nội bộ

Nhằm đạt được sứ mệnh của kiểm toán nội bộ là: “tăng cường và bảo vệ giá trị của tổ chức bằng cách cung cấp các đảm bảo, tư vấn khách quan dựa trên đánh giá rủi ro” Viện kiểm toán nội bộ (IIA) đã công bố các quy tắc đạo đức cần thiết cho các kiểm toán viên nội bộ khi hành nghề, bao gồm:

- Tính chính trực: Là nền tảng cho sự tín nhiệm và độ tin cậy dành cho các đánh giá của họ. Để đảm bảo được điều này, kiểm toán viên cần:

- Phải hoàn thành nhiệm vụ với sự trung thực, cẩn thận và có trách nhiệm.

- Phải tuân thủ luật pháp và phải tiết lộ thông tin khi luật pháp và các quy định nghề nghiệp yêu cầu.

- Không được tiến hành riêng một cách có chủ ý các hoạt động phi pháp hoặc dẫn thân vào các hành động gây mất danh dự đối với nghề kiểm toán hoặc đối với tổ chức.

Ù Phải tuân thủ và góp sức cho các mục tiêu đạo đức và hợp pháp của tổ chức.

- Tính khách quan: Các KTVNB thể hiện mức độ khách quan nghề nghiệp cao nhất khi thu thập, đánh giá và truyền tải các thông tin liên quan đến hoạt động hoặc quy trình được xem xét. Các KTVNB đánh giá một cách công minh tất cả các yếu tố chuẩn xác và trong quá trình đánh giá không để bị ảnh hưởng bởi các lợi ích các nhân hoặc bởi người khác:

Ù Không được tiến hành riêng các hoạt động hoặc thiết lập các mối quan hệ có thể làm sai lệch các đánh giá chuyên môn của mình.

Ù Không được chấp nhận bất cứ thứ gì có thể làm nguy hại hoặc gây nguy cơ làm sai lệch các đánh giá chuyên môn của mình.

Ù Phải công bố tất cả các sự kiện trọng yếu và đó là các sự kiện nếu không được công bố sẽ có thể gây ra hậu quả là làm sai lệch báo cáo về hoạt động được xem xét.

- Bảo mật: Kiểm toán nội bộ cần tôn trọng giá trị và tính riêng biệt của các thông tin nhận được, không công bố các thông tin này khi không được phép, trừ khi có quy định khác của pháp luật. Cụ thể là:

Ù Phải sử dụng thận trọng và bảo vệ các thông tin thu thập được.

Ù Không được sử dụng những thông tin này vì lợi ích cá nhân hoặc trái với quy định của pháp luật gây thiệt hại cho các mục tiêu đạo đức và hợp pháp của tổ chức.

- Chuyên môn: KTVNB sử dụng kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm cần thiết để thực hiện công việc của mình. Do đó, KTVNB:

Chỉ được dấn thân vào những công việc mà họ có hiểu biết, kỹ năng và có kinh nghiệm.

Phải thực hiện công việc kiểm toán nội bộ theo các chuẩn mực quốc tế dành cho hành nghề kiểm toán nội bộ.

Luôn phải nỗ lực để cải thiện khả năng, hiệu quả và chất lượng công việc.

2.1.4. Chuẩn mực kiểm toán nội bộ

Chuẩn mực kiểm toán là những nguyên tắc cơ bản về nghiệp vụ và về việc xử lý các mối quan hệ phát sinh trong quá trình kiểm toán. Chuẩn mực kiểm toán bao gồm những hướng dẫn, những giải thích về các nguyên tắc cơ bản để kiểm toán viên có thể áp dụng trong thực tế, để đo lường và đánh giá chất lượng công việc kiểm toán.

Cho đến nay, Viện kiểm toán nội bộ Hoa Kỳ vẫn là cơ quan duy nhất ban hành một cách đầy đủ và chỉnh sửa thường xuyên các chuẩn mực kiểm toán nội bộ nhằm áp dụng hoặc tham khảo trên toàn thế giới. Hiện nay, bộ chuẩn mực kiểm toán nội bộ năm 2013 đang được sử dụng phổ biến, tuy nhiên IIA đã dự thảo ban hành bổ sung một số chuẩn mực vào cuối năm 2016. Chuẩn mực kiểm toán nội bộ IIA hiện gồm 41 chuẩn mực chia thành 6 nhóm chính có tác dụng đưa ra các nguyên tắc cơ bản tiêu biểu cho việc hành nghề của kiểm toán nội bộ.

Các nhóm chính trong bộ chuẩn mực bao gồm:

- Nhóm chuẩn mực về mục tiêu, quyền hạn, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ (nhóm chuẩn mực 1000;1100;1130;1200), cụ thể là:

- 1000 - Mục đích, trách nhiệm và quyền hạn: Mục đích, trách nhiệm và quyền hạn của KTNB phải quy định rõ và được phê chuẩn.

- 1120 – Khách quan

- 1130 - Những tình huống làm ảnh hưởng đến tính độc lập và khách quan.

- 1200 – Trình độ chuyên môn thành thạo.

- Nhóm chuẩn mực về quản lý chất lượng kiểm toán nội bộ số 1300 – đánh giá chất lượng kiểm toán.

- Nhóm chuẩn mực về quản lý hoạt động kiểm toán nội bộ số 2000, trong đó có các chuẩn mực như:

- ù 2010 - Lập kế hoạch

- ù 2020 – Trao đổi thông tin và phê duyệt

- ù 2030 - Quản lý các nguồn lực

- ù 2040 – Các chính sách và quy trình

- ù 2050 – Hợp tác

- ù 2060 – Báo cáo cho các nhà quản lý cấp cao

- ù 2070 – Nhà cung cấp dịch vụ độc lập và trách nhiệm của KTNB

- Nhóm chuẩn mực về bản chất hoạt động kiểm toán nội bộ số 2100 bao gồm:

- ù 2110 - Hệ thống quản trị

- ù 2120 - Quản lý rủi ro

- ù 2130 - Kiểm soát

- Nhóm chuẩn mực về quy trình thực hiện một cuộc kiểm toán:

- ù 2200: Lập kế hoạch kiểm toán

- ù 2300: Thực hiện kiểm toán

- ù 2400: Trao đổi thông tin về kết quả kiểm toán

- ù 2500: Giám sát sau kiểm toán

- Nhóm chuẩn mực về quyết nghị chấp nhận rủi ro của các nhà quản lý cấp cao số 2600.

2.2. Kiểm toán nội bộ tại ngân hàng thương mại

Là một doanh nghiệp đặc thù hoạt động trong lĩnh vực tài chính, đặc trưng hoạt động là tiếp nhận và chuyển hóa rủi ro thành lợi nhuận, cấu trúc tổ chức thường có quy mô lớn, nhiều chi nhánh, phòng giao dịch hoạt động trên

diện rộng, nhiều nghiệp vụ kinh doanh tài chính phức tạp và không ngừng biến động, thì hoạt động kiểm toán nội bộ với NHTM trở nên vô cùng cần thiết. Trong hầu hết các tài liệu liên quan đến KTNB trên thế giới, khó có thể tìm thấy riêng một khái niệm nào về kiểm toán nội bộ cho ngành ngân hàng, vì các nhà khoa học cho rằng ngân hàng cũng là một loại hình doanh nghiệp và do đó, khái niệm Kiểm toán nội bộ nói chung, đặc biệt khái niệm do IIA thiết lập vẫn được sử dụng phổ biến ngay khi áp dụng đối với ngành ngân hàng.

Liên quan đến kiểm toán nội bộ trong một NHTM nổi lên một số vấn đề chủ yếu cần sự quan tâm làm rõ, đó là:

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của kiểm toán nội bộ
- Nội dung kiểm toán
- Phương pháp tiếp cận
- Quy trình kiểm toán nội bộ

Học viên sẽ tiếp tục làm rõ trong các phần sau đây:

2.2.1. Cơ cấu tổ chức

Khác với kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ là một bộ phận trong tổng thể cơ cấu tổ chức của ngân hàng, nên để đảm bảo tính khách quan cần thiết, kiểm toán nội bộ phải được đảm bảo vị thế độc lập của mình, tuân theo sự chỉ đạo chuyên môn của cấp cao nhất trong ngân hàng.

Chuẩn mực kiểm toán nội bộ quốc tế số 1100 chỉ rõ độc lập về tổ chức có nghĩa là trưởng kiểm toán nội bộ phải báo cáo lên cấp đảm bảo cho bộ phận kiểm toán thực hiện đầy đủ nhất chức trách của mình. Đây là cấp cao nhất có trách nhiệm chỉ đạo hoạt động và quản lý tổ chức, vì vậy, đó có thể là hội đồng quản trị, đại hội đồng cổ đông, hoặc bộ phận đứng đầu của tổ chức.

Thông tư 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 và thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ

và kiểm toán nội bộ đã chỉ rõ Kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng (trong đó có NHTM) được tổ chức thành hệ thống thống nhất và kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban kiểm soát và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban kiểm soát.

Mô hình cơ cấu của công ty thường trở nên vững mạnh nếu duy trì được “thế kiềng 3 chân” khi có sự tách biệt thẩm quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ cho 3 đối tượng trong tổ chức:

Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên: Đại diện cho chủ sở hữu, thực hiện phê chuẩn các chiến lược kinh doanh, chịu trách nhiệm thiết lập cũng như duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ, hiệu quả nhằm đảm bảo được quyền lợi cho cổ đông.

Ban điều hành: Chịu trách nhiệm xây dựng quy trình hoạt động nhằm điều hành hiệu quả hoạt động kinh doanh, thực hiện các chiến lược, chính sách đã được thông qua bởi HĐQT

Ban kiểm soát: có thể không trực thuộc hội đồng quản trị mà trực thuộc Đại hội đồng cổ đông (nếu đây là cấp cao nhất), thực hiện chức năng giám sát và đảm bảo các hoạt động kinh doanh, các hoạt động kiểm soát và quản trị đang được diễn ra một cách hiệu quả. Giúp việc cho Ban kiểm soát chính là bộ phận kiểm toán nội bộ.

2.2.2. Nội dung kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng thương mại

Theo Điều 71 của thông tư 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Nội dung kiểm toán nội bộ bao gồm:

- Kiểm tra, đánh giá độc lập việc tuân thủ cơ chế, chính sách, quy định nội bộ về giám sát quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), cá nhân, bộ phận, bao gồm cả việc xác định tồn tại, hạn chế và nguyên nhân;

- Rà soát, đánh giá độc lập tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật của cơ chế, chính sách, quy định nội bộ về giám sát quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn, bao gồm cả việc xác định các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân;

- Đề xuất, kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền và các bộ phận liên quan để xử lý các tồn tại, hạn chế;

- Các nội dung khác theo quy định nội bộ của bộ phận kiểm toán nội bộ.

2.2.3. Phương pháp tiếp cận của kiểm toán nội bộ

Trước mỗi một cuộc kiểm toán, kiểm toán viên phải xác định được phương pháp tiếp cận tổng quát. Phương pháp luận này sẽ là kim chỉ nam định hướng toàn bộ cách thức, công việc, sự tập trung của kiểm toán viên trong suốt quá trình kiểm toán sau này. Trên thế giới có một số cách tiếp cận kiểm toán nội bộ sau:

Tuân thủ:

Đây là điểm xuất phát của kiểm toán nội bộ và cho đến nay thì cách tiếp cận này vẫn còn tồn tại nhưng hạn chế lớn nhất là chỉ tập trung nỗ lực tìm hiểu liệu quy trình, quy định có được tuân thủ hay không do đó sẽ không phù hợp với một môi trường đầy biến động và thách thức như hiện nay. Chính vì thế mà cách tiếp cận này không tối ưu hóa được tiềm năng của hoạt động kiểm toán nội bộ

Kiểm toán định hướng hệ thống:

Đây là một phương pháp khá được kiểm toán nội bộ hiện đại quan tâm. Cách tiếp cận nhằm đánh giá hệ thống và quy trình, xem xét các hoạt động xuyên suốt tổ chức để thấy được sự mâu thuẫn hoặc bất hợp lý chứ không đặt trọng tâm vào từng chi nhánh hoặc khu vực nào, tức là tiếp cận theo chiều ngang chứ không phải theo chiều dọc.

Kiểm toán định hướng rủi ro:

Cách tiếp cận này được xây dựng dựa trên cơ sở phương pháp tiếp cận định hướng hệ thống và tập trung vào những vùng có rủi ro cao nhất, luôn coi rủi ro là xuất phát điểm, hướng tới mục tiêu của tổ chức. Các khuyến nghị cũng định hướng rủi ro nhằm tối đa hóa lợi ích cho ngân hàng.

Kiểm toán dựa trên đảm bảo:

Đây là phương pháp tiếp cận hiện đại và rất hữu ích đối với kiểm toán nội bộ. Phương pháp này sử dụng phương pháp tiếp cận định hướng rủi ro để phối hợp tất cả hoạt động đảm bảo trong doanh nghiệp, giảm thiểu sự trùng lặp và đảm bảo cao nhất phục vụ cho đơn vị, nhà nước và các bên thứ 3, trong đó chủ yếu là các nhà đầu tư, nhà cung cấp...

Chuẩn mực kiểm toán nội bộ IIA cũng hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch kiểm toán trên cơ sở rủi ro và việc này phải được thực hiện ít nhất một năm một lần để lựa chọn ưu tiên trong kiểm toán sao cho phù hợp với mục tiêu của ngân hàng.

Thông tư 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng cũng nêu rõ phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ trong NHTM là: *“phương pháp kiểm toán định hướng theo rủi ro, ưu tiên nguồn lực để kiểm toán các đơn vị, bộ phận, quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao. Kiểm toán nội bộ phải xác định, phân tích, đánh giá những rủi ro và xây dựng hồ sơ rủi ro cho từng hoạt động của tổ chức tín dụng. Hồ sơ rủi ro bao gồm toàn bộ các rủi ro tiềm tàng, tác động có thể có của các rủi ro đó đối với hoạt động của tổ chức tín dụng và khả năng xảy ra những rủi ro đó. Dựa trên đánh giá về tác động, khả năng xảy ra của các rủi ro, từng rủi ro được phân loại thành rủi ro cao, trung bình hoặc thấp. Việc đánh giá, phân loại rủi ro phải được thực hiện ít nhất một năm một lần. Kết quả đánh giá rủi ro sẽ là căn cứ để Trưởng kiểm toán*

nội bộ làm việc với Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên trong quá trình lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm. Các hoạt động có rủi ro sẽ được xếp hạng theo thứ tự từ cao đến thấp, trong đó những hoạt động được coi là có rủi ro cao sẽ được ưu tiên tập trung nhiều nguồn lực, thời gian hơn để kiểm toán, được kiểm toán trước và được kiểm toán thường xuyên hơn các hoạt động có rủi ro thấp hơn. Kế hoạch kiểm toán nội bộ phải được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro và phải được cập nhật, thay đổi, điều chỉnh phù hợp với các diễn biến, thay đổi trong hoạt động của tổ chức tín dụng.. và sự thay đổi của các rủi ro đi kèm theo”.

2.2.4. Quy trình kiểm toán nội bộ

Quy trình kiểm toán nội bộ quy định và hướng dẫn chi tiết về các bước thực hiện kiểm toán, trong đó thể hiện rõ các công việc phải làm làm gì, ai là người chịu trách nhiệm chính, ai là người kiểm soát và kết quả của từng bước công việc là gì. Quy trình kiểm toán nội bộ thông thường được chia làm 5 bước như sau:

- Lập kế hoạch kiểm toán
- Thực hiện kiểm toán
- Lập báo cáo
- Lưu hồ sơ kiểm toán
- Giám sát sau kiểm toán

2.2.4.1. Lập kế hoạch kiểm toán

Chuẩn mực kiểm toán nội bộ quốc tế của IIA số 2010 yêu cầu trưởng nhóm kiểm toán nội bộ phải lập kế hoạch dựa trên các rủi ro để xác định các ưu thế hoạt động kiểm toán nội bộ, phù hợp với mục tiêu của đơn vị. Trưởng kiểm toán nội bộ cần tính đến khung quản lý rủi ro của doanh nghiệp hoặc tham vấn rủi ro với Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị. Trưởng kiểm toán phải tổng hợp, xem xét, chỉnh sửa kế hoạch khi có sự thay đổi về rủi ro, hoạt

động, chương trình, hệ thống và kiểm soát. Kế hoạch kiểm toán phải dựa vào việc đánh giá rủi ro thực hiện hàng năm.

Lập kế hoạch kiểm toán bao gồm 02 loại:

- Ù Kế hoạch kiểm toán năm

- Ù Kế hoạch kiểm toán theo đợt

Kế hoạch kiểm toán phải được xây dựng trên cơ sở sự hiểu biết về đơn vị cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ. Một số bước cơ bản khi xây dựng kế hoạch kiểm toán dựa trên rủi ro là:

- Ù Xác định và thu thập các rủi ro kinh doanh tại chính mỗi đơn vị kinh doanh;

- Ù Đánh giá rủi ro của từng quy trình kinh doanh;

- Ù Xác định mức độ ưu tiên và thu thập ý kiến của các bên liên quan về những lĩnh vực có rủi ro cao;

- Ù Xác định tần suất kiểm toán và lập kế hoạch hàng năm;

- Ù Xác định phạm vi kiểm toán và lập chương trình kiểm toán.

Thông tư 44/2011/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng cũng chỉ rõ kế hoạch kiểm toán nội bộ phải được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro và phải xác định được mức rủi ro tóm tắt (cao – trung bình - thấp) của mỗi đơn vị. Kết quả tự đánh giá rủi ro của mỗi đơn vị và kết quả phân tích, đánh giá rủi ro của phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ là một trong những nguồn thông tin quan trọng phục vụ cho công tác đánh giá rủi ro của bộ phận kiểm toán nội bộ. Muốn có bảng đánh giá rủi ro thì bộ phận kiểm toán nội bộ cần xây dựng bảng hỏi xuống các đơn vị để lãnh đạo các đơn vị trả lời.

- 1- Xác định được danh mục đối tượng kiểm toán: ví dụ như chi nhánh, phòng giao dịch, các quy trình....

- 2- Xác định được mục tiêu cho đối tượng kiểm toán

3- Xác định danh mục rủi ro

4- Đo lường rủi ro: Điểm bắt đầu của đo lường rủi ro là rủi ro tiềm tàng. Tiếp đó là đo lường rủi ro kiểm soát để xác định rủi ro còn lại, làm cơ sở lập kế hoạch kiểm toán. Đo lường mang tính chủ quan và dựa vào phán đoán. Mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra của hầu hết các rủi ro không thể tính toán hoặc đo lường chính xác. Đo lường rủi ro tiềm tàng được tính toán bằng công thức: $R = \text{Mức độ tác động} \times \text{Khả năng xảy ra}$

Trong đó:

Mức độ tác động được cho điểm từ 1 đến 5 với các mức độ như sau:

- 1 - Không ảnh hưởng
- 2 - Ít ảnh hưởng
- 3 - Tương đối
- 4 - Lớn
- 5 - Rất lớn

Khả năng xảy ra được cho tiềm từ 1 đến 5 với các mức độ như sau:

- 1 - Rất ít khả năng xảy ra
- 2 - Ít khả năng xảy ra
- 3 - Có khả năng xảy ra
- 4 - Khả năng lớn xảy ra
- 5 - Chắc chắn xảy ra

Giá trị rủi ro tiềm tàng được thể hiện dưới ma trận sau:

| | | | | | |
|-------------|---|----|----|----|----|
| 5 | 5 | 10 | 15 | 20 | 25 |
| Xác suất | 4 | 8 | 12 | 16 | 20 |
| 3 | 3 | 6 | 9 | 14 | 15 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|----|
| 2 | 2 | 4 | 6 | 8 | 10 |
| 1 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |

Tác động

Rủi ro tiềm tàng được chia làm 3 mức độ:

| Mức độ | Màu sắc |
|------------|---------|
| Cao | |
| Trung bình | |
| Thấp | |

2.2.4.2. Thực hiện kiểm toán

Trước tiên, kiểm toán nội bộ cần thiết kế chương trình kiểm toán cụ thể bao gồm các thủ tục cần thiết tiến hành để đạt mục tiêu kiểm toán theo kế hoạch. Chuẩn mực kiểm toán nội bộ quốc tế số 2240 mô tả: “ một chương trình kiểm toán phải chỉ rõ phạm vi kiểm toán, mục tiêu, phân bổ nguồn lực. Tiếp theo, kế hoạch chi tiết này phải nêu rõ các thử nghiệm kiểm toán, việc thu thập bằng chứng kiểm toán và việc lập các hồ sơ kiểm toán. Đối với các thử nghiệm kiểm toán, kiểm toán viên nội bộ cần vận dụng, phối hợp hai thử nghiệm kiểm toán là kiểm toán hệ thống và kiểm toán riêng lẻ.

Thử nghiệm kiểm toán hệ thống

Là phương pháp kiểm toán trong đó các thủ tục, kỹ thuật kiểm toán được thiết lập để thu thập các bằng chứng về tính hiệu quả của hệ thống KSNB tại đơn vị được kiểm toán, xét trên 2 khía cạnh:

- Tính thích hợp, khoa học (hệ thống được thiết kế đủ hiệu quả để ngăn chặn, phát hiện và sửa chữa các sai phạm);

- Tính hiệu lực (hệ thống được duy trì, tuân thủ trên thực tế)

Nội dung thứ nhất: Phân tích hệ thống (nhằm kiểm chứng tính thích hợp, khoa học của hệ thống KSNB)

Ù Là đánh giá tính hiệu quả (thích hợp) của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán thông qua việc mô tả hoặc mô hình hóa;

Û Sử dụng lưu đồ hoặc bảng tường thuật hoặc bảng hỏi;

Ü Có 4 bước trong phân tích hệ thống:

(1). Hình dung quy trình nghiệp vụ lý tưởng (tốt nhất) về nghiệp vụ đang được kiểm toán. Tính lý tưởng phụ thuộc kiến thức, trình độ, am hiểu của KTV.

(2). Xem xét quy trình nghiệp vụ hiện tại của đơn vị được kiểm toán. Quy trình nghiệp vụ hiện tại được thể hiện bằng văn bản là các chế độ, quy trình xử lý nghiệp vụ của đơn vị;

(3). So sánh quy trình nghiệp vụ hiện tại với quy trình nghiệp vụ lý tưởng, trên cơ sở đó tìm ra điểm mạnh, điểm yếu của đơn vị được kiểm toán, vùng tiềm ẩn rủi ro trong quy trình;

(4). Sau khi tìm ra điểm mạnh, yếu sẽ dự đoán, khoanh vùng các rủi ro

Nội dung thứ hai: Xác nhận hệ thống (để kiểm chứng tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ)

Là kiểm tra đánh giá tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm tra tính tuân thủ trong thực tế, gồm 4 bước:

(1). nắm vững và mô tả rõ ràng, chi tiết quy trình nghiệp vụ hiện hành được quy định (bằng văn bản);

(2). Kiểm tra, áp dụng các thử nghiệm kiểm soát để biết trong thực tế quy trình nghiệp vụ đó diễn ra như thế nào;

(3). Chỉ ra sự khác biệt giữa quy trình nghiệp vụ đã được quy định với quy trình nghiệp vụ diễn ra trong thực tế.

(4). Phân tích nguyên nhân của sự khác biệt, hậu quả của sự khác biệt

Đặc trưng của thử nghiệm kiểm toán hệ thống: Các thử nghiệm và kiểm tra đều dựa vào các quy chế kiểm soát của đơn vị. Nếu hệ thống KSNB được đánh giá là mạnh, là hiệu quả và KTVNB có thể tin tưởng được thì công việc kiểm toán cần dựa vào các quy chế kiểm soát. Vì vậy, phương pháp kiểm toán hệ thống còn được gọi là bước kiểm nghiệm dựa vào kiểm soát.

Thử nghiệm này cần được chú trọng vận dụng, nhất là đối với loại hình kiểm soát tuân thủ và kiểm toán hoạt động. Khi thu thập bằng chứng kiểm toán đánh giá tính hiệu quả của hệ thống KSNB, KTV cần:

• Xem xét tài liệu hiện có, ví dụ như các văn bản liên quan đến quy trình chính sách của Ngân hàng và các văn bản pháp lý liên quan đến các nghiệp vụ để thực hiện tìm hiểu, so sánh, cập nhật, đánh giá tính đầy đủ, phù hợp của các văn bản quy định nội bộ với các văn bản pháp lý liên quan;

• Phòng vấn cán bộ trên cơ sở chọn mẫu: để biết cán bộ đã nắm được quy trình, đã thực hiện quy trình đến đâu, xác định vùng nào có thể phát sinh rủi ro do cán bộ không hiểu, không nắm vững quy trình, cán bộ có đề xuất gì để xử lý rủi ro;

• Thiết kế các mẫu thử nghiệm kiểm soát và thực hiện thử nghiệm kiểm soát. Có thể sử dụng các câu hỏi về hệ thống KSNB nói chung và các câu hỏi về từng thủ tục kiểm soát riêng lẻ để đánh giá các hoạt động kiểm soát cài đặt trong các quy trình nghiệp vụ;

• Tổng hợp các vấn đề liên quan đến hệ thống quản lý rủi ro và các kiến nghị.

Thử nghiệm kiểm toán cơ bản:

Là thử nghiệm được sử dụng nhằm mục đích thu thập các bằng chứng về sự hoàn chỉnh, chính xác và hiệu quả của các dữ liệu do hệ thống xử lý. Các thủ tục kiểm toán áp dụng trong phương pháp này gọi là các thử nghiệm cơ bản. Thử nghiệm cơ bản gồm thủ tục phân tích và thủ tục kiểm tra chi tiết;

Đặc trưng cơ bản của phương pháp này là việc tiến hành các thử nghiệm. Các đánh giá đều dựa vào các số liệu, các thông tin trên BCTC và hệ thống kế toán của đơn vị, vì vậy còn được gọi là phương pháp thử nghiệm theo số liệu;

2.2.4.3. Lập báo cáo

Trong báo cáo kiểm toán cần đề cập đến các nội dung sau:

- Thông tin khái quát và tóm tắt về đơn vị/ nghiệp vụ;
- Mục tiêu của cuộc kiểm toán;
- Phạm vi kiểm toán;
- Tổng hợp các phát hiện kiểm toán;
- Dẫn chiếu bằng chứng kiểm toán;
- Nguyên nhân;
- Ảnh hưởng;
- Kiến nghị;
- Ý kiến của đơn vị.

Báo cáo kiểm toán cần đảm bảo chính xác, khách quan, rõ ràng, mang tính xây dựng, hoàn chỉnh và đúng hạn. Các vấn đề ghi nhận từ quá trình kiểm toán là cơ sở cho các kết luận và kiến nghị của kiểm toán nội bộ và cần được đưa vào báo cáo kiểm toán nội bộ. Ghi nhận và kiến nghị kiểm toán thường đi kèm với việc so sánh giữa thực tế với thông lệ tiên tiến nhất. Dù có sự khác biệt hay không thì đó cũng sẽ là cơ sở để xây dựng báo cáo kiểm toán;

Cuối cùng, kiểm toán viên nội bộ phải đưa ra kết luận và kiến nghị. Đây là những đánh giá về ảnh hưởng của các vấn đề ghi nhận và ý kiến đối với các hoạt động được rà soát. Kết luận có thể cho toàn bộ phạm vi kiểm toán hoặc của từng lĩnh vực cụ thể. Ý kiến kiểm toán có thể bao gồm đánh giá tổng quan về công tác kiểm soát hoặc về lĩnh vực được rà soát, hoặc có thể chỉ về một số công tác kiểm soát, hay các lĩnh vực kiểm toán nhất định;

Kiến nghị được đưa ra dựa trên các vấn đề ghi nhận và kết luận, yêu cầu khắc phục và cải thiện các vấn đề đó. Kiến nghị có thể đề xuất phương pháp khắc phục hoặc biện pháp tăng cường hoạt động cũng như những hướng dẫn cho Ban lãnh đạo đơn vị đạt được kết quả mong muốn. Kiến nghị đưa ra có thể cho các vấn đề tổng quan hoặc các vấn đề cụ thể;

Báo cáo kiểm toán cần nêu lên các hoạt động cải tiến đã được đơn vị thực hiện, đề cập tới những thành tựu của đơn vị, những tiến độ đạt được kể từ đợt kiểm toán trước, hoặc thiết lập hoạt động kiểm soát chặt chẽ hơn. Báo cáo kiểm toán nội bộ cần trình bày ý kiến của đơn vị về các kết luận, ý kiến hoặc kiến nghị của kiểm toán viên. Trong trường hợp kiểm toán nội bộ và đơn vị không thống nhất được kết quả kiểm toán, báo cáo có thể trình bày tình trạng và nguyên nhân của sự bất đồng. Ý kiến phản hồi của đơn vị có thể được trình bày trong phần chính hoặc phụ lục của báo cáo.

2.2.4.4. Lưu hồ sơ kiểm toán

Sau khi kết thúc cuộc kiểm toán, đoàn kiểm toán có trách nhiệm hoàn thiện, lưu trữ toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến đợt kiểm toán từ giai đoạn lập kế hoạch đến thực hiện và phát hành báo cáo. Hồ sơ từng cuộc kiểm toán bao gồm những tài liệu chính và những giấy tờ làm việc liên quan phải được lưu trữ đầy đủ và khoa học trong thời gian nhất định theo quy định từng thời kỳ về lưu trữ.

2.2.4.5. *Giám sát sau kiểm toán*

Theo IIA, Trưởng kiểm toán nội bộ phải thiết lập và duy trì một hệ thống giám sát và đảm bảo rằng hoạt động quản lý đã được thực hiện hiệu quả cũng như kết quả của các hợp đồng tư vấn theo thỏa thuận với khách hàng. Nếu quyết định về rủi ro đó không được giải quyết thì phải báo cáo cấp cao nhất là Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông. Do đó, các công việc vẫn làm là:

- Yêu cầu đơn vị được kiểm toán báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện kiến nghị của kiểm toán nội bộ;
- Tiến hành phúc tra việc thực hiện kiến nghị tại đơn vị được kiểm toán.

2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm toán nội bộ ngân hàng thương mại

2.3.1. Nhân tố khách quan

2.3.1.1. Môi trường kinh tế

Khi nền kinh tế vĩ mô trở nên bất ổn thì sẽ tác động đến hoạt động của ngân hàng nói chung và các đối tượng khách hàng bởi lúc này hoạt động tín dụng, thanh toán, đầu tư... của ngân hàng có độ rủi ro cao, nhiều loại rủi ro mới phát sinh khó dự đoán trước;

Xu hướng toàn cầu hóa đang diễn ra sôi động trên thế giới, trong bối cảnh ấy nền kinh tế của khu vực và Việt Nam cũng không tránh khỏi suy thoái và khủng hoảng, khả năng chống đỡ khó khăn của các doanh nghiệp thấp, hệ quả là tỷ lệ nợ xấu tăng cao, chất lượng cho vay giảm sút. Khi rủi ro ngày càng gia tăng thì công tác kiểm toán nội bộ sẽ đương đầu với nhiều thách thức hơn, rủi ro kiểm toán sẽ lớn hơn, nhiều sai sót, gian lận có thể bị bỏ qua nhiều hơn.

2.3.1.2. Môi trường xã hội

Đạo đức xã hội liên quan tới rủi ro trên một số khía cạnh như trình độ dân trí, thói quen tập quán, ý thức xã hội. Bản thân khách hàng trong bối cảnh đạo đức xã hội chưa được nâng cao thì sẽ có nhiều khả năng chây ì hoàn trả vốn vay, từ đó gây ra khó khăn cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng nói chung và hoạt động kiểm toán nội bộ nói riêng. Riêng đối với cán bộ ngân hàng trong bối cảnh ấy có nhiều xu hướng lạm dụng quyền hạn, móc ngoặc, cấu kết với nhau, thậm chí với khách hàng để tư lợi. Đó là những rào cản rất lớn đối với công tác quản trị và kiểm toán nội bộ.

2.3.1.3. Môi trường pháp lý

Môi trường pháp lý thể hiện ở tính đồng bộ, khoa học của hệ thống pháp luật, tính đầy đủ, thống nhất của văn bản dưới luật, đồng thời gắn liền với quá trình chấp hành, thực thi pháp luật. Pháp luật là bộ phận không thể thiếu được của nền kinh tế thì trường có sự điều tiết của nhà nước. Chỉ có trong điều kiện các chủ thể tham gia quan hệ tín dụng, thanh toán, đầu tư... tuân thủ pháp luật một cách nghiêm chỉnh thì quan hệ tín dụng mới đem lại lợi ích cho các bên, hoạt động ngân hàng thuận lợi hơn thì sẽ góp phần giảm bớt áp lực cho hoạt động kiểm toán nội bộ.

Ngân hàng là doanh nghiệp đặc biệt kinh doanh tiền tệ, gắn liền với nó là một loạt các đặc thù riêng có đã được phân tích ở trên. Do vậy, để tạo hành lang pháp lý cho ngân hàng hoạt động, các ngân hàng không chỉ dựa vào các văn bản pháp lý bàn hành chung cho các doanh nghiệp phi tài chính trong nền kinh tế mà còn cần có một hệ thống các văn bản pháp lý, các chế độ, thể lệ hướng dẫn nghiệp vụ riêng của ngành. Môi trường pháp lý sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới định hướng, quan điểm phát triển của ngành ngân hàng trong từng thời kỳ. Sự thay đổi của chính sách, cơ chế, chuẩn mực, chế độ... sẽ tác động

tới hoạt động chung của toàn hệ thống ngân hàng, trong đó có công tác kiểm toán nội bộ

2.3.2. Nhân tố chủ quan thuộc ngân hàng

2.3.2.1. Trách nhiệm và sự ủng hộ của Ban lãnh đạo cấp cao

Một nhân tố thiết yếu của hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả là văn hóa kiểm soát vững mạnh. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị/ Đại hội cổ đông/Hội đồng thành viên và Ban tổng giám đốc là tập trung vào tầm quan trọng của kiểm soát nội bộ thông qua các hoạt động và các phát ngôn. Điều này bao gồm các giá trị đạo đức thể hiện trong các giao dịch trong các giao dịch cả trong và ngoài ngân hàng. Các phát ngôn, thái độ và hành động của lãnh đạo cấp cao chính là thể hiện tính liêm chính, đạo đức và các khía cạnh của văn hóa kiểm soát trong ngân hàng. Chính họ chứ không ai khác phải chịu trách nhiệm đẩy mạnh các chuẩn mực trung thực và đạo đức cao, thiết lập một văn hóa thể hiện và nhấn mạnh đến tầm quan trọng của kiểm soát nội bộ đối với tất cả các cấp cán bộ. Mọi nhân viên của ngân hàng cần hiểu được vai trò của mình trong quá trình kiểm soát nội bộ và tham gia đầy đủ vào quá trình này.

Còn riêng với kiểm toán nội bộ, sự hỗ trợ của các lãnh đạo cấp cao được thể hiện dưới nhiều hình thức, chẳng hạn như quyết tâm thiết lập chính sách tổng thể, xây dựng khung quản trị rủi ro hiệu quả, xây dựng tốt chính sách nhân lực, xây dựng đầy đủ chính sách của ngân hàng đối với kiểm toán nội bộ từ vấn đề bổ nhiệm, đề bạt, lương, thưởng, hỗ trợ các nguồn tài liệu, kinh phí, quan tâm tới các kết luận của kiểm toán nội bộ, quyết liệt chỉ đạo thực hiện những kiến nghị đó... sẽ giúp kiểm toán nội bộ có vị thế xứng đáng và nhận được sự phối hợp tốt từ các bộ phận khác.

2.3.2.2. Sự phối hợp từ đơn vị được kiểm toán (trình độ chuyên môn, nhận thức về kiểm toán nội bộ, mức độ phối hợp)

Trong quá trình kiểm toán đơn vị, một nhân tố cũng có ảnh hưởng đến kết quả của cuộc kiểm toán chính là sự phối hợp của đơn vị được kiểm toán. Một sự thật là bất kỳ đơn vị nào được kiểm tra đều có ý không hợp tác hoặc có ý che dấu những khuyết điểm của đơn vị mình mắc phải. Mặc dù kiểm toán viên có đầy đủ quyền hạn để truy cập một cách không hạn chế vào tất cả các hoạt động, hồ sơ, tài sản, nhưng với những ý định không hợp tác bằng việc kéo dài thời gian cung cấp hồ sơ tài liệu... của đơn vị được kiểm toán sẽ phần nào gây ảnh hưởng đến kết quả của cuộc kiểm toán.

2.3.2.3. Chất lượng đội ngũ kiểm toán viên nội bộ (năng lực, trình độ, phẩm chất)

Trong mọi nguồn lực, nguồn nhân lực là yếu tố hết sức quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến thành công của mỗi một đơn vị, bộ phận. Năng lực chuyên môn, thái độ nghề nghiệp, trách nhiệm và phẩm chất đạo đức KTV... sẽ quyết định rất lớn tới sự thành công của hoạt động kiểm toán nội bộ. Vấn đề kiểm toán nội bộ đã là một loại hình nghề nghiệp phức tạp, thêm vào đó đối tượng kiểm toán lại là NHTM nên áp lực thường lớn hơn rất nhiều. Các khó khăn do phải kiểm toán các nghiệp vụ phức tạp, số lượng giao dịch lớn, chi nhánh phân tán rộng khắp cả nước... đòi hỏi sự tỉ mỉ, khoa học, tận tâm, độc lập, khách quan của KTV rất nhiều.

2.3.2.4. Cơ cấu tổ chức quản trị của Ngân hàng và bộ máy kiểm toán nội bộ

▼ Cơ cấu tổ chức quản trị của ngân hàng

Kiểm toán nội bộ là một bộ phận trong ngân hàng, thực hiện nhiệm vụ đánh giá hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng. Chính vì thế, mô hình tổ chức và hoạt động của ngân hàng sẽ tác động trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả của kiểm toán nội bộ. Các nhà lãnh đạo ngân hàng cần

lựa chọn cho mình một phương án tổ chức bộ máy quản trị tốt nhất và có tính ổn định để không những mang lại hiệu quả cho hoạt động của ngân hàng, tránh tình trạng chông chéo về chức năng, nhiệm vụ, gây lãng phí mà còn tạo điều kiện, hỗ trợ tối đa cho bộ phận kiểm toán nội bộ.

▼ Cơ cấu tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ

Bất cứ tổ chức nào muốn hoạt động có hiệu quả thì cũng cần có cơ cấu tổ chức tốt. Bộ máy kiểm toán nội bộ cũng không nằm ngoài quy luật đó. Xây dựng một hệ thống kiểm toán nội bộ với các chức năng, phạm vi hoạt động cùng với tính chuyên nghiệp và độc lập cao sẽ giúp ngân hàng đánh giá được toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị, nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống.

Bộ máy kiểm toán nội bộ nên xây dựng theo mô hình tập trung, hoạt động KTNB nên tập trung tại Hội sở chính của các ngân hàng. Tùy thuộc vào mức độ phát triển của mạng lưới ngân hàng mà hoạt động nội bộ có thể xem xét mở rộng tại các khu vực...

2.4. Kinh nghiệm về kiểm toán nội bộ tại các tổ chức tín dụng và bài học rút ra

2.4.1. Kinh nghiệm về kiểm toán nội bộ tại các tổ chức tín dụng

2.4.1.1. Về Nội dung kiểm toán

Ngày 17 tháng 3 năm 2014, Ngân hàng nhà nước đã lựa chọn 10 NHTM tốt nhất tại Việt Nam để thí điểm triển khai Basel II nhằm mục đích nâng cao năng lực quản trị rủi ro cũng như tăng cường tính lành mạnh, minh bạch trong hệ thống Ngân hàng Việt Nam. Do vậy, kiểm toán nội bộ trong các Ngân hàng cũng cần tuân thủ hướng dẫn của Basel II về nội dung kiểm toán.

Theo khảo sát và kinh nghiệm làm việc tại 02 tổ chức tín dụng trước đây (Ngân hàng TMCP Quân Đội và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng). Thời gian qua bộ phận kiểm toán nội bộ tại các NHTM Việt Nam đã

phát huy tính chủ động, tích cực trong công tác kiểm toán, tuy nhiên vẫn đặt trọng tâm vào kiểm toán tuân thủ nhằm phát hiện sai sót, vi phạm trong quá trình hoạt động của NH để kiến nghị các biện pháp xử lý kịp thời, tránh được các rủi ro và tổn thất cho NH. Phần lớn các ngân hàng, kiểm toán nội bộ chưa đánh giá công việc của quản lý rủi ro và giám sát tuân thủ, chưa thực hiện đầy đủ việc rà soát độc lập để đánh giá hiệu quả, hiệu lực của khung chính sách, quy trình quản lý và mô hình đo lường rủi ro theo yêu cầu của IIA hoặc Basel II. Kiểm toán hoạt động phần lớn diễn ra ở cấp độ kiểm toán nghiệp vụ cụ thể tại các chi nhánh, từ đó đánh giá các chốt kiểm soát trong quy trình (nội dung xác nhận hệ thống) và tính phù hợp, đầy đủ của các quy định hiện hành (nội dung phân tích hệ thống) và chỉ được thực hiện thường là 1 năm 1 lần theo quy định của NHNN.

2.4.1.2. Về phương pháp tiếp cận của kiểm toán nội bộ

Do chưa có mô hình định lượng để đo lường, ước tính rủi ro, vì vậy việc đánh giá rủi ro để lập kế hoạch kiểm toán tại các NHTM chủ yếu căn cứ vào các chỉ tiêu do kiểm toán nội bộ tự xây dựng dựa trên việc thu thập các thông tin về quy mô hoạt động, kết quả kinh doanh, số lượng nhân sự, sự cố, dữ liệu tổn thất trong quá khứ, thông tin từ báo cáo tự đánh giá rủi ro của đơn vị, các báo cáo giám sát/quản trị của các bộ phận khác trong NH, rủi ro tiềm tàng được xác định thông qua hồ sơ/kết quả của những cuộc kiểm toán trước, có nghĩa là kiểm toán nội bộ đang dựa vào các dữ liệu đã thu thập được trong quá khứ để dự báo rủi ro trong tương lai. Phương pháp định lượng thông qua tính toán các tỉ số, tỉ lệ...rất ít được áp dụng. Điều đó cũng có nghĩa là kiểm toán nội bộ đang lúng túng trong việc đánh giá rủi ro và xây dựng hồ sơ rủi ro một cách bài bản, chủ yếu kết luận về rủi ro dựa trên những thông tin có sẵn từ nhiều nguồn khác nhau, dẫn đến việc khó định hướng được rủi ro tổng thể của NH.

2.4.1.3. Về quy trình kiểm toán nội bộ

Đa số các NHTM Việt Nam thực hiện kế hoạch kiểm toán định hướng rủi ro theo quy định tại Thông tư 44/2011/TT-NHNN và thông tư 13/2018/TT-NHNN. Do thông tư chưa quy định cụ thể về cách thức lập kế hoạch kiểm toán theo rủi ro, vì vậy việc này do NH tự thực hiện và thực tế đang hạn chế khi tuân theo chuẩn mực, hướng dẫn của IIA về lập kế hoạch kiểm toán trên cơ sở rủi ro. Trong quá trình kiểm toán, việc dựa trên phân tích rủi ro để thiết kế và chọn mẫu để có các bằng chứng kiểm toán đầy đủ, xác thực, phù hợp và hữu ích là rất quan trọng, thường gồm hai phương pháp là chọn mẫu thống kê (sử dụng kỹ thuật xác suất thống kê) và chọn mẫu phi thống kê (dựa trên kinh nghiệm và kiến thức của bản thân để xác định kích thước mẫu). Tuy nhiên khảo sát thực tế, hiện nay công việc chọn mẫu của kiểm toán nội bộ chủ yếu sử dụng phương pháp phi thống kê, chưa sử dụng các phương pháp tính toán để có kết quả chọn mẫu chính xác, đại diện cho tổng thể. Như vậy có thể thấy trình độ kiểm toán nội bộ tại các NHTM ở Việt Nam mới đang ở cấp độ cơ bản, tức là:

- Các nguyên tắc thực hành, quy trình kiểm toán nội bộ có được xây dựng và duy trì.
- Chủ yếu thực hiện kiểm toán tuân thủ.
- Kế hoạch kiểm toán và ngân sách hoạt động hàng năm cho kiểm toán được phê duyệt.

Ngoài ra, kiểm toán nội bộ tại các NHTM còn:

- Chưa hoặc ít kiểm toán đánh giá hiệu quả hoạt động và thực hiện tư vấn cho NH.
- Chưa hoặc ít đánh giá rủi ro theo hướng dẫn của IIA, COSO.
- Chưa hoặc ít phát triển khung đánh giá kết quả hoạt động kiểm toán nội bộ.

- Chưa hoặc ít đề xuất sự cải cách, thay đổi trong NH; tính độc lập, thẩm quyền, quyền hạn của kiểm toán nội bộ được đảm bảo ở mức cao.

2.4.2. Bài học kinh nghiệm rút ra

Từ các khảo sát và tổng kết kinh nghiệm trên đây cho thấy: Kiểm toán nội bộ trên thế giới đã có lịch sử phát triển lâu dài và có bước tiến mạnh mẽ trong nhiều thập kỷ qua, ngày càng có vị trí quan trọng, then chốt đối với cơ cấu quản trị doanh nghiệp. Có được sự phát triển như vậy là do một hệ thống cơ sở pháp lý vững chắc, đầy đủ, đồng bộ được xây dựng cộng với việc áp dụng các thông lệ tốt nhất về kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro. Trong khi đó, Việt Nam là một nước đang phát triển, thể chế kinh tế thị trường chưa đầy đủ, hệ thống tài chính ngân hàng còn yếu kém, tính minh bạch thấp, quản trị doanh nghiệp còn non trẻ trong cơ chế và thực thi, chưa tự nguyện áp dụng các thông lệ tiên tiến về quản trị để có thể tham gia sâu rộng vào thị trường quốc tế trong quá trình hội nhập.

Do đó, khi học tập kinh nghiệm trong nước để áp dụng cho Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Bảo Việt cần xác định rõ các điều kiện, khả năng hiện nhằm vạch ra lộ trình thích hợp để có những cải tiến phù hợp. Sau đây, Học viên sẽ đưa tám bài học kinh nghiệm mà các NHTM Việt Nam nói chung, Ngân hàng TMCP Bảo Việt nói riêng có thể xem xét trong thời gian tới.

Thứ nhất, cần xây dựng bộ máy tổ chức KTNB phù hợp với quy mô, tổ chức của các NHTM để đảm bảo vị thế, tính độc lập khách quan của KTNB. KTNB cần được trực thuộc ban lãnh đạo cao nhất trong doanh nghiệp. Mô hình tổ chức của KTNB cần được xây dựng phù hợp với cơ cấu tổ chức chung của doanh nghiệp.

Thứ hai, về phạm vi, KTNB cần bao quát tất cả các hoạt động trong ngân hàng, đặc biệt không thể coi thường các khu vực như công nghệ thông

tin, kinh doanh ngoại hối, chính sách nhân sự, mua sắm tài sản, xây dựng cơ bản... Về nội dung, KTNB hiện đại cần chú trọng tới kiểm toán hoạt động đánh giá hiệu quả các quy trình kiểm soát, quản trị rủi ro, đánh giá hiệu quả hiệu năng các hoạt động của đơn vị, đặc biệt là khung quản trị rủi ro toàn diện theo khuyến nghị của Basel II.

Thứ ba, về phương pháp, quy trình kiểm toán, cần chú trọng thực hiện phương pháp tiếp cận kiểm toán trên cơ sở rủi ro một cách bài bản, thực chất. Đặc biệt đối với các NHTM là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính – tín dụng, phương pháp tiếp cận này giúp KTVNB định hướng các lĩnh vực nhiều rủi ro cần chú trọng. Đây là phương pháp tiếp cận còn khá mới và chưa được thực hiện một cách chuyên nghiệp ở Việt Nam, do vậy cần được quan tâm nghiên cứu để áp dụng vào thực tế hoạt động kiểm toán.

Thứ tư, cần đảm bảo tính chuyên nghiệp trong tổ chức và hoạt động KTNB. Việc thực hành kiểm toán cần tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp phù hợp. Các KTVNB cần tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp như độc lập, khách quan, trung thực, bảo mật thông tin.

Thứ năm, cần xây dựng ngay tầm nhìn và sứ mệnh của bộ phận kiểm toán nội bộ, hoàn thiện quy chế hoạt động kiểm toán, Sổ tay kiểm toán nội bộ. Chừng nào xác định được chiến lược dài hạn thì hoạt động kiểm toán nội bộ mới có vị thế tương xứng và có “đất” để phát triển. Ngoài ra, vị thế của Kiểm toán nội bộ cần được nâng cao bằng cách thiết lập các quy định cụ thể trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của KTNB về: Trách nhiệm của Đoàn kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán; tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Đoàn kiểm toán và các Kiểm toán viên; tổ chức theo dõi và giám sát việc xử lý, khắc phục các kiến nghị, đề xuất của KTNB; kiến nghị xử lý người đứng đầu đơn vị, cá nhân có liên quan đến vụ việc tiêu cực, thiệt hại tài sản; đặc biệt

cần thiết lập chế tài xử lý nghiêm đối với đơn vị, cá nhân không thực hiện các kiến nghị của Đoàn kiểm toán;...

Thứ sáu, thực hiện chuẩn mực kiểm toán nội bộ của IIA và các khuyến nghị của Basel. Trên thế giới, chuẩn mực kiểm toán nội bộ của IIA đã được phổ biến và thực hiện, đặc biệt là ở các quốc gia phát triển. Chuẩn mực quốc tế cho việc hành nghề chuyên nghiệp của kiểm toán nội bộ (các chuẩn mực) do IIA ban hành. IIA là một tổ chức phi chính phủ, các chuẩn mực do IIA ban hành không có tính chất pháp lý.

Thứ bảy, nâng cao trình độ của kiểm toán viên nội bộ. Kiểm toán viên nội bộ cần được trang bị những chuyên môn cơ bản. Những tiêu chuẩn chuyên môn bao gồm trình độ học vấn lẫn kinh nghiệm. Về mặt học vấn phải có được các chứng chỉ bằng cấp theo quy định, về mặt kinh nghiệm cần từng tham gia các hoạt động nghiệp vụ. Ngoài ra, sẽ rất hữu ích nếu kiểm toán viên nội bộ thông thạo về kỹ năng về máy tính, hiểu biết về nhiều lĩnh vực khác nhau từ vĩ mô, bất động sản, chứng khoán, đầu tư, luật pháp... để có kiến thức sâu rộng, dễ dàng lý giải các vấn đề liên quan đến ngân hàng.

Thứ tám, ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm toán. Các đơn vị nên xem xét việc sử dụng phần mềm kiểm toán để nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ kiểm toán thông qua việc tăng năng suất lao động, cũng như đảm bảo sự chính xác, khoa học hơn trong kiểm toán.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Như vậy với chương 2, Học viên đã tổng kết các vấn đề mang tính lý luận liên quan đến Kiểm toán nội bộ nói chung, kiểm toán nội bộ trong ngân hàng thương mại nói riêng, những kinh nghiệm và những vấn đề khái quát về trình độ phát triển kiểm toán nội bộ tại Việt Nam về xây dựng, duy trì và phát triển kiểm toán nội bộ, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho các NHTM nói chung và Ngân hàng TMCP Bảo Việt nói riêng. Đây là sơ sở lý luận cần thiết để Học viên căn cứ vào đó tìm hiểu thực trạng kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt trong chương 3.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT

3.1. Khái quát về ngân hàng TMCP Bảo Việt

3.1.1. *Quá trình hình thành, phát triển của Ngân hàng TMCP Bảo Việt*

Ngân hàng TMCP Bảo Việt là thành viên của Tập đoàn Bảo Việt. Năm 2006 BAOVIET thành lập Ban dự án thành lập ngân hàng TMCP Bảo Việt. Sau một quá trình chuẩn bị đến năm 2007 BAOVIET đệ trình hồ sơ lên Ngân hàng Nhà nước xin thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Đến 11/12/2008, Ngân hàng TMCP Bảo Việt được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 328/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Ngân hàng TMCP Bảo Việt) là thành viên trẻ nhất của tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt cũng là ngân hàng thương mại trẻ nhất trong hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Sự ra đời của Ngân hàng TMCP Bảo Việt góp phần hình thành thế chân kiềng vững chắc giữa Bảo hiểm – Ngân hàng – Chứng khoán, tạo nên sức mạnh tổng hợp, đảm bảo cho sự phát triển bền vững, toàn diện cho toàn hệ thống Bảo Việt. Với các cổ đông sáng lập là Tập đoàn Bảo Việt (tỷ lệ 52%), Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk) – tỷ lệ góp vốn 8% và Công ty CP tập đoàn công nghệ CMC (tỷ lệ góp vốn là 9,9%) cùng một số cổ đông là các tổ chức có uy tín khác trong nước. Ngân hàng TMCP Bảo Việt có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc phát triển quan hệ đối tác với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, ứng dụng ngân hàng tiên tiến và hiệu quả nhất để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho ngân hàng, tạo tiền đề để trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam.

Ngân hàng TMCP Bảo Việt hiện nay có trụ sở chính tại Tầng 5, tòa nhà Corner Stone số 16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm, Hà Nội. Bao gồm hội sở

chính và gần 60 điểm giao dịch trên toàn quốc. Với tư cách là ngân hàng thương mại, Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt có đầy đủ các hoạt động dịch vụ kinh doanh ngân hàng, bao gồm:

- Huy động vốn: Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.

- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận. Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của các tổ chức tín dụng nước ngoài. Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Hoạt động tín dụng: Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ: Cung ứng các phương tiện thanh toán. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng. Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ. Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật. Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng. Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước. Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.

Cơ sở khách hàng lớn, phân khúc khách hàng cũng đa dạng:

• Số lượng hiện tại : gần 200.000 CIF

• Cơ sở khách hàng tiềm năng lớn: Khách hàng bảo hiểm (khoảng 20.000.000 khách hàng)

• Phân khúc khách hàng đa dạng (DN lớn, SME, cá nhân, hộ kinh doanh)

Năng lực cung cấp dịch vụ tài chính trọn gói, đa dạng:

• Hệ thống danh mục sản phẩm đa dạng, trọn gói

• Đi đầu trong phát triển các sản phẩm ngân hàng điện tử

• Tích cực phát triển sản phẩm đặc thù theo ngành, khu vực, đối tượng khách hàng.

Vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Bảo Việt được huy động trên cơ sở phát hành cổ phiếu. Sau 9 năm thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt đã tăng vốn từ 1.500.000.000.000đ năm 2009 và hiện nay là 3.150.000.000.000đ

3.1.2. Mô hình tổ chức và mạng lưới hoạt động của Ngân hàng TMCP Bảo Việt



“Nguồn: Tài liệu đào tạo dẫn nhập năm 2018”

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Ngân hàng có quyền quyết định về chiến lược phát triển của ngân hàng và bầu ra cơ quan quản lý: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông tiến hành họp định kỳ hàng năm hoặc có thể tổ chức bất thường giữa hai kỳ đại hội thường niên.

- Hội đồng Quản trị: Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm. chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ngân hàng thông qua Ban điều hành và các Hội đồng.

- Ban Kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ triển khai hoạt động tài chính của Ngân hàng: giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Ngân hàng.

- Các Ủy ban: Do HĐQT thành lập, làm tham mưu cho HĐQT trong việc quản trị ngân hàng, thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh. đảm bảo sự phát triển hiệu quả, an toàn và đúng mục tiêu đã đề ra. Hiện nay, Ngân hàng có 3 Ủy ban, bao gồm:

+ Thứ nhất: Ủy ban nhân sự có chức năng tư vấn cho HĐQT các vấn đề về chiến lược quản lý và phát triển nguồn nhân lực của Ngân hàng để phát huy cao nhất sức mạnh của nguồn nhân lực, phục vụ hiệu quả cho nhu cầu phát triển của Ngân hàng.

+ Thứ hai: Ủy ban tín dụng có chức năng xét cấp tín dụng, phê duyệt hạn mức tiền gửi của Ngân hàng tại các tổ chức tín dụng khác, phê duyệt việc

áp dụng các biện pháp xử lý nợ và miễn giảm lãi. Quyết định về chính sách tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng trên toàn hệ thống.

+ Thứ ba: Ủy ban Quản lý rủi ro có chức năng hỗ trợ Phòng sản phẩm chính sách xây dựng, triển khai và giám sát các chính sách quy định, quy trình tín dụng trong toàn Ngân hàng. Kiểm soát, đánh giá và/ hoặc có những kiến nghị cần thiết đối với các rủi ro, hạn chế trong các quy trình, quy định dành cho khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân trước khi ban hành. Thẩm định hồ sơ tín dụng vượt mức phán quyết của các Giám đốc.

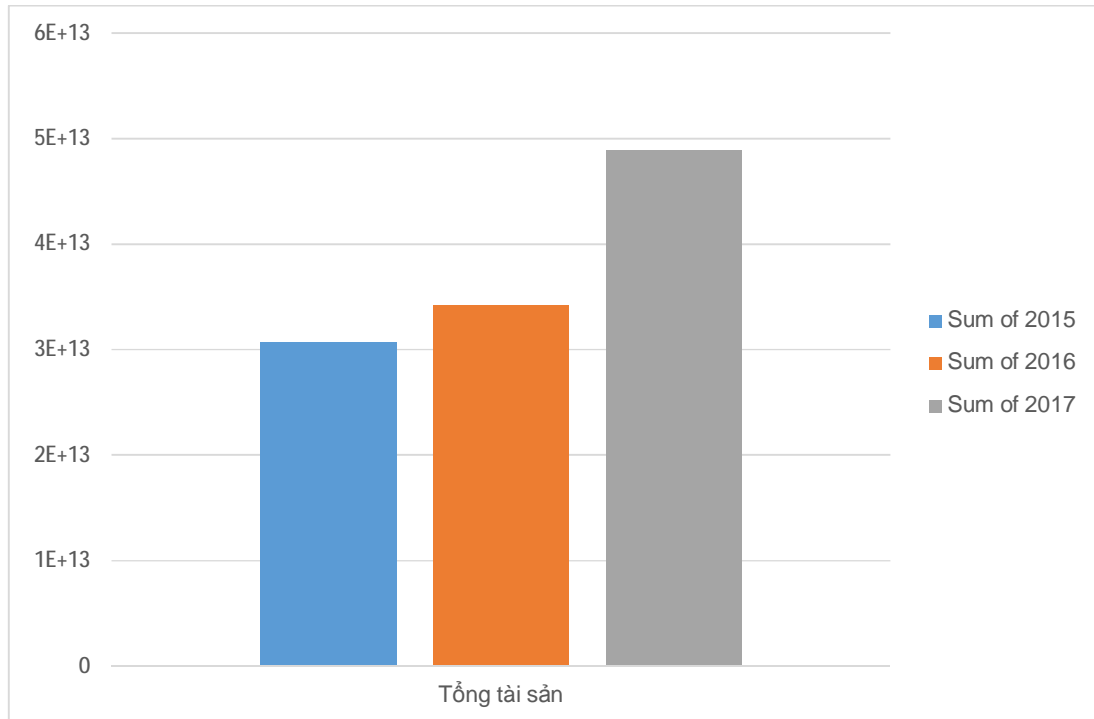
- Ban Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc khối, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Tổng Giám đốc thống nhất chỉ đạo, kiểm tra, hỗ trợ toàn diện với mọi hoạt động của tất cả các đơn vị trong toàn hệ thống, trong đó có Sở giao dịch, Chi nhánh các cấp và Phòng giao dịch.

- Các khối, phòng ban Hội sở và các chi nhánh : Các Khối, phòng ban chức năng của Hội sở được tổ chức phân cấp ngành dọc hỗ trợ và quản lý nghiệp vụ theo chức năng đã được phân công đối với các chi nhánh và trung tâm kinh doanh. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các Khối, các Phòng chức năng tại Hội sở có quyền hạn, trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, hỗ trợ với hoạt động của các đơn vị khác trong toàn hệ thống, trong đó có Chi nhánh các cấp và Phòng giao dịch.

3.1.3. Các kết quả hoạt động chính của Ngân hàng TMCP Bảo Việt

Với tầm nhìn và chiến lược đúng đắn, chính xác trong đầu tư công nghệ và nguồn lực, nhạy bén trong điều hành và tinh thần đoàn kết nội bộ, trong điều kiện ngành ngân hàng có những bước phát triển mạnh mẽ và môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện cùng sự phát triển của nền kinh tế Việt

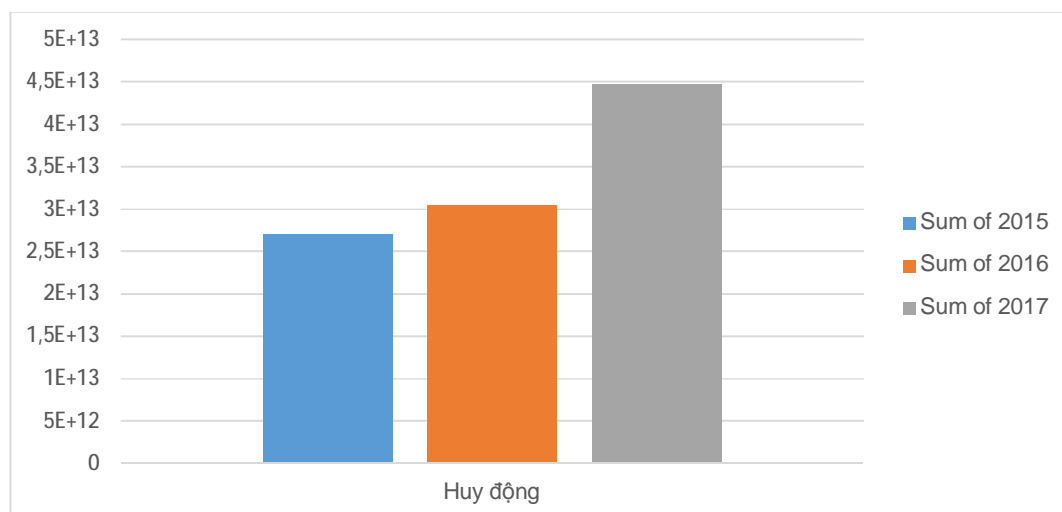
Nam, Ngân hàng TMCP Bảo Việt đã có những bước phát triển, ổn định, an toàn và hiệu quả. Ngân hàng TMCP Bảo Việt luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng và ổn định liên tiếp qua các năm cả về chiều sâu và chiều rộng. Điều này thể hiện qua tốc độ tăng trưởng tổng tài sản qua các năm. Cụ thể như hình 3.1



Hình 3.1: Tình hình tăng trưởng tài sản của Ngân hàng TMCP Bảo Việt giai đoạn 2015-2017

“Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán dang tóm tắt năm 2015,2016,2017”

Tốc độ tăng trưởng của vốn huy động tăng đều đặn và song song với tốc độ tăng trưởng hoạt động tín dụng tăng qua các thời kỳ. Các sản phẩm huy động của Ngân hàng Bảo Việt đáp ứng nhu cầu đa dạng của mọi thành phần kinh tế, tổng huy động tăng đều qua các thời kỳ (thể hiện qua Hình 3.2)



Hình 3.2: Tình hình tăng trưởng huy động của Ngân hàng TMCP Bảo Việt giai đoạn 2015-2017

“Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán dang tóm tắt năm 2015,2016,2017”

Bảng kết quả kinh doanh 03 năm gần nhất của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Số liệu đã được kiểm toán)

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|----------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 1,802,754,787,254 | 2,002,548,710,966 | 2,733,459,016,832 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự | 1,328,978,974,419 | 1,387,879,797,249 | 1,852,479,980,618 |
| Thu nhập lãi thuần | 473,775,812,835 | 614,668,913,717 | 880,979,036,214 |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 16,778,069,136 | 24,266,348,171 | 47,143,169,057 |
| Chi phí hoạt động dịch vụ | 6,362,766,444 | 9,391,897,661 | 14,845,939,202 |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 10,415,302,692 | 14,874,450,510 | 32,297,229,855 |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 5,023,465,356 | 13,553,133,539 | 1,110,705,774 |
| Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt | 76,879,977,372 | 12,125,526,138 | 129,292,117,929 |

| | | | |
|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| động mua bán chứng khoán kinh doanh | | | |
| Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư | | | |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 587,591,638 | 71,538,630,399 | 4,425,889,342 |
| Chi phí hoạt động khác | 102,583,811 | 101,056,466 | 2,161,333,981 |
| Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác | 485,007,827 | 71,437,573,933 | 2,264,555,361 |
| Thu nhập từ vốn góp mua cổ phần | | | |
| Chi phí hoạt động | 339,842,171,084 | 395,352,728,673 | 497,936,006,422 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 226,737,394,998 | 331,306,869,164 | 548,007,638,711 |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 115,786,571,549 | 214,632,781,106 | 400,970,859,585 |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 110,950,823,449 | 116,674,088,058 | 147,036,779,126 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 24,441,788,121 | 23,366,744,945 | 29,442,475,873 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | | |
| Chi phí thuế TNDN | 24,441,788,121 | 23,366,744,945 | 29,442,475,873 |
| Lợi nhuận sau thuế | 86,509,035,328 | 93,307,343,113 | 117,594,303,253 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 257 | 279 | 356 |

“Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán đang tóm tắt năm 2015,2016,2017”

Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như bảng trên, Lợi nhuận sau thuế qua các năm có sự tăng trưởng, tuy nhiên chưa có sự đột phá. Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế thấp hơn tỷ lệ tăng về chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Đây là mặt yếu kém của Ngân hàng Bảo Việt trong việc quản trị rủi ro để gây phát sinh nhiều khoản nợ xấu, dẫn đến chi phí trích lập cho những khoản nợ xấu tăng cao. Năm 2015 chi phí dự phòng tín dụng là : 115.786.571.549đ tăng lên : 400.970.859.585đ năm 2017. Từ bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh này, có thể nói hệ thống quản trị rủi ro còn gặp nhiều lỗ hổng, không cảnh báo kịp thời rủi ro dẫn đến không có hành động ngăn chặn rủi ro do vậy phải trích lập dự phòng rất nhiều gây ảnh hưởng xấu trực tiếp đến lợi nhuận của Ngân hàng.

3.2. Thực trạng kiểm toán nội bộ tại ngân hàng TMCP Bảo Việt

3.2.1. Thực trạng về cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm toán nội bộ

Hoạt động kiểm toán nội bộ của Ngân hàng TMCP Bảo Việt hiện nay dựa vào các cơ sở pháp lý sau:

- Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, trong đó điều 40 quy định về Hệ thống Kiểm soát nội bộ và ở điểm 3 có quy định hoạt động của hệ thống KSNB của TCTD phải được kiểm toán nội bộ đánh giá định kỳ. Tiếp đến trong điều 41: ngoài việc quy định TCTD phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc Ban kiểm soát thì còn yêu cầu “Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong TCTD; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm TCTD hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật”

- Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các tổ chức tín dụng;

- Thông tư 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ. Điểm quan trọng trong thông tư là nhấn mạnh lại điểm 3 điều 40 Luật các TCTD là hoạt động của hệ thống KSNB cần được đánh giá độc lập bởi kiểm toán nội bộ nhằm rà soát, đánh giá và báo cáo về tính đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến các hoạt động, lĩnh vực được kiểm toán thông qua việc xác định và đánh giá rủi ro, xác định các tồn tại của hệ thống kiểm soát nội bộ và chỉ ra các thay đổi cần thiết đối với hệ thống kiểm soát nội bộ để xử lý, khắc phục. Báo cáo đánh giá độc lập là một phần của Báo cáo kiểm toán nội bộ hằng năm.

- Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Quy chế kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng, ban hành kèm theo Quyết định số 37/2006/QĐ-NHNN ngày 01/08/2006 của Thống đốc NHNN Việt Nam;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Bảo Việt ban hành kèm theo quyết định số 515/2015/QĐ-HĐQT ngày 09/03/2015 của Hội đồng quản trị.

- Quy chế 804/2015/QC-HĐQT ngày 13/04/2015 của Hội đồng quản trị, ban hành quy chế về kiểm toán nội bộ của Ngân hàng TMCP Bảo Việt;

Như vậy, kể từ khi thông tư 44/2011/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước chính thức ban hành, thì cho đến 2015 (phải gần 4 năm sau thông tư 44 , tuy khá chậm trễ trong việc cập nhật quy định mới của cơ quan quản lý, nhưng cuối cùng Ngân hàng TMCP Bảo Việt cũng đã ban hành khá đầy đủ, đồng bộ các quyết định liên quan đến tổ chức bộ máy, mục tiêu, nguyên tắc, phạm vi, nội dung, phương pháp kiểm toán nội bộ, tạo hành lang pháp lý quan

trọng cho hoạt động kiểm soát nói chung, kiểm toán nội bộ nói riêng tại ngân hàng.

3.2.2. Thực trạng về cơ cấu tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt

Phòng KTNB được chính thức thành lập vào hoạt động từ ngày thành lập, được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát, độc lập với các bộ phận nghiệp vụ, các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng Bảo Việt. Trưởng phòng kiểm toán, kiểm toán viên chuyên trách thuộc Phòng KTNB không kiêm nhiệm các công việc khác của Ngân hàng Bảo Việt. Hoạt động KTNB là hoạt động kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán các hoạt động kinh doanh, các báo cáo tài chính, kế toán của toàn hệ thống Ngân hàng Bảo Việt bao gồm: Hội sở, Chi nhánh và phòng giao dịch. Hoạt động KTNB được thực hiện một cách khách quan, trung thực và kịp thời, nhằm đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Bảo Việt tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ; đánh giá việc chấp hành các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc; đánh giá, kiểm soát và hạn chế rủi ro, bảo vệ an toàn tài sản trong hoạt động của Ngân hàng Bảo Việt.

Nhân sự của kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bảo Việt, hiện nay số nhân sự của kiểm toán nội bộ còn khá khiêm tốn. Cụ thể: quy mô của kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt mới đang dừng lại ở cấp phòng và với số nhân sự là 7 người. Số lượng KTV hiện tại chưa đáp ứng được với quy mô gần 60 chi nhánh và phòng giao dịch phân bố trên cả nước.

3.2.3. Thực trạng về nội dung kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt

Theo điều 12, Quy chế số 804/2015/QC-HĐQT ngày 13/04/2015 về kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt, quy định rõ nội dung chính hoạt động của kiểm toán nội bộ là:

- Đánh giá tính đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ

- Căn cứ vào quy mô, mức độ rủi ro và/hoặc theo yêu cầu cụ thể của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một số nội dung sau:

- Ù Việc áp dụng, tính hiệu quả của việc triển khai các chính sách và quy trình quản lý rủi ro của Ngân hàng TMCP Bảo Việt bao gồm cả các quy trình được thực hiện bằng hệ thống công nghệ thông tin;

- Ù Tính đầy đủ, chính xác và an toàn của hệ thống thông tin quản lý và hệ thống thông tin tài chính, bao gồm cả hệ thống thông tin điện tử và dịch vụ ngân hàng điện tử;

- Ù Tính đầy đủ, kịp thời, trung thực, hợp lý và mức độ chính xác của hệ thống hạch toán kế toán và các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật;

- Ù Cơ chế đảm bảo sự tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng TMCP Bảo Việt, các quy định nội bộ, các quy trình, quy tắc tác nghiệp, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng TMCP Bảo Việt;

- Ù Các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng TMCP Bảo Việt;

- Ù Các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản, đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống, quy trình, quy định, góp phần đảm bảo Ngân hàng TMCP Bảo Việt hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật;

Ù Đánh giá tính kinh tế và hệ quả của các hoạt động, của việc sử dụng các nguồn lực, qua đó xác định mức độ phù hợp, giữa kết quả hoạt động đạt được và mục tiêu hoạt động đề ra;

Ù Thực hiện các nội dung khác có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị.

Thực tế hiện tại Phòng kiểm toán nội bộ vẫn đang tập trung thực hiện theo hướng kiểm tra tuân thủ là chính, chưa định hướng kiểm toán theo nội dung chính là đánh giá được tính đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Giá trị tư vấn cho Ban kiểm soát, hội đồng quản trị và Ban điều hành chưa nhiều.

3.2.4. Thực trạng về phương pháp tiếp cận trong kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt

Tại điều 13 của quy chế số 804/2015/QC-HĐQT ngày 13/4/2015 của hội đồng quản trị về kiểm toán nội bộ chỉ rõ phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt là:

- Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ là phương pháp kiểm toán “định hướng theo rủi ro”, ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các đơn vị, bộ phận, quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao.

- Kiểm toán nội bộ phải xác định, phân tích, đánh giá những rủi ro và xây dựng hồ sơ rủi ro cho từng hoạt động của Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Hồ sơ rủi ro bao gồm toàn bộ các rủi ro tiềm tàng, tác động có thể có của các rủi ro đó đối với hoạt động của Ngân hàng TMCP Bảo Việt và khả năng xảy ra những rủi ro đó. Dựa trên đánh giá về tác động, khả năng xảy ra của các rủi ro; từng rủi ro được phân loại thành rủi ro cao, trung bình hoặc thấp. Việc đánh giá, phân loại rủi ro phải được thực hiện ít nhất một năm một lần.

- Kết quả đánh giá rủi ro sẽ là căn cứ để Trưởng kiểm toán nội bộ làm việc với Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên trong quá trình lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm. Các hoạt động có rủi ro sẽ được xếp hạng theo thứ tự từ cao đến thấp, trong đó những hoạt

động được coi là có rủi ro cao sẽ được ưu tiên tập trung nhiều nguồn lực, thời gian hơn để kiểm toán, được kiểm toán trước và được kiểm toán thường xuyên hơn các hoạt động có rủi ro thấp hơn.

- Kế hoạch kiểm toán nội bộ phải được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro và phải được cập nhật, thay đổi, điều chỉnh phù hợp với các diễn biến, thay đổi trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và sự thay đổi của các rủi ro đi kèm theo.

Thực tế hiện tại, phương pháp kiểm toán mà Phòng KTNB Ngân hàng TMCP Bảo Việt sử dụng trong các cuộc kiểm toán chưa phải là phương pháp kiểm toán “định hướng theo rủi ro” tương ứng với quy định của pháp luật hiện nay. Trước khi tiến hành kiểm toán, KTNB chưa đánh giá và phân loại và lập hồ sơ rủi ro đối với từng hoạt động, mảng nghiệp vụ. Mà hiện tại đang thực hiện theo cách kiểm toán tuân thủ là chính, mục đích của kiểm toán nội bộ chỉ tập trung vào phát hiện sai phạm, và coi các quy định và thủ tục là tiêu chuẩn, xem xét tính đầy đủ trong thực hiện nghiệp vụ. Cách làm của kiểm toán nội bộ là chưa nhận xét tính hợp lý, hiệu quả của quy trình.

3.2.5. Thực trạng về quy trình kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt

Hiện tại, Phòng KTNB Ngân hàng TMCP Bảo Việt chưa xây dựng và ban hành quy trình kiểm toán nội bộ. Tuy nhiên, quy trình thực hiện kiểm toán nội bộ hiện tại đang thực hiện theo các bước sau:

- *Lập kế hoạch kiểm toán năm*
- *Thực hiện kiểm toán*
- *Lập và gửi báo cáo kiểm toán*
- *Giám sát việc thực hiện kiến nghị của kiểm toán nội bộ*

Tiến hành khảo sát bằng bảng câu hỏi, Học viên thu được các kết quả sau:

Bước 1: Lập kế hoạch kiểm toán năm

Hàng năm phòng kiểm toán có thực hiện lập kế hoạch kiểm toán năm, kết quả khảo sát cho thấy:

Bảng 3.1: Thực trạng lập kế hoạch kiểm toán nội bộ tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Bảo Việt

| Lập kế hoạch kiểm toán | Tổng cộng | | | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------|---------------|----------------|
| | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng |
| Bộ phận kiểm toán có xây dựng kế hoạch kiểm toán hàng năm | 0% | 0% | 0% | 100% |
| Bộ phận kiểm toán nội bộ có thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro hàng năm để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch kiểm toán, xác định tần suất kiểm toán và xây dựng chương trình kiểm toán. | 0% | 87.5% | 12.5% | 0% |
| Việc đánh giá rủi ro khi lập kế hoạch kiểm toán có được quy định, hướng dẫn bằng văn bản. | 100% | 0% | 0% | 0% |
| Rủi ro sau khi được xác định có được ghi nhận trong hồ sơ kiểm toán | 100% | 0% | 0% | 0% |
| Kiểm toán nội bộ có thể bao quát tất cả các đơn vị và các vấn đề trong ngân hàng | 100% | 0% | 0% | 0% |
| Việc lập kế hoạch kiểm toán năm dựa trên chu trình: Xác định danh mục đối tượng kiểm toán, xác định mục tiêu kiểm toán, xác định danh mục rủi ro | 100% | 0% | 0% | 0% |

“Nguồn: Học viên tổng hợp qua các phiếu khảo sát”

Có tới 87,5% những người được khảo sát cho rằng phần lớn việc lập kế hoạch không được dựa trên các bước đánh giá rủi ro và việc đánh giá rủi ro đó có được quy định thành văn bản không, thì 100% số người được hỏi cho rằng chưa có văn bản hướng dẫn, quy định cụ thể việc đánh giá rủi ro. Ngân hàng chưa triển khai được việc lập hồ sơ rủi ro để ghi nhận, cập nhật, dồn tích qua các năm.

Một tín hiệu tốt là phần lớn các câu trả lời đều khẳng định kế hoạch của kiểm toán khá xuyên suốt các phân hành, nghiệp vụ cũng như các đơn vị trong ngân hàng. Ngoài ra, quy trình lập kế hoạch kiểm toán cũng đã đi đúng theo chu trình: đó là xác định đối tượng kiểm toán, mục tiêu kiểm toán và danh mục rủi ro.

Hiện nay Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện đánh giá rủi ro từ các nguồn thông tin như sau:

Bảng 3.2: Nguồn thông tin để Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện đánh giá rủi ro

| Các nguồn thông tin | Các phương án trả lời (%) | | | |
|---------------------------------------------------|---------------------------|----------|--------------|--------------|
| | Không bao giờ | Hiếm khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên |
| Lấy từ bộ phận quản lý rủi ro | 0% | 100% | 0% | 0% |
| Từ các phòng ban nghiệp vụ thông qua bảng câu hỏi | 0% | 62.5% | 37.5% | 0% |
| Từ xét đoán của bản thân bộ phận kiểm toán | 0% | 0% | 0% | 100% |

“Nguồn: Học viên tổng hợp qua các phiếu khảo sát”

Việc đánh giá rủi ro thì chủ yếu xuất phát từ xét đoán chủ quan của bản thân bộ phận kiểm toán (100%). Hiện bộ phận kiểm toán ít thực hiện việc khảo sát thông tin từ các đơn vị qua bảng hỏi vì cho rằng cách làm này không hiệu quả.

Việc đánh giá rủi ro được thực hiện định tính hay định lượng là câu hỏi mà Học viên tiếp tục đưa ra. Trả lời câu hỏi này có 100% người được hỏi cho rằng họ làm việc một cách định tính, tức là dựa vào kinh nghiệm là chủ yếu chứ không sử dụng các công cụ đánh giá rủi ro như ma trận rủi ro, đo lường rủi ro trên hai phương diện là mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra rủi ro đó. Mặc dù đã qua tư vấn, đào tạo rất nhiều từ kiểm toán độc lập và các đơn vị chuyên nghiệp nhưng hiện tại ngân hàng vẫn chưa chủ động trong việc đưa ra các tiêu chí thế nào là rủi ro cao, thấp, trung bình để xác định trọng tâm kiểm toán. Để xác nhận về vấn đề này, học viên đã phỏng vấn sâu đối với người có trách nhiệm trong công tác kiểm toán thì được trả lời rằng hiện nay bộ phận kiểm toán nội bộ chưa tiếp cận với cách đánh giá rủi ro một cách khoa học, hệ thống, bài bản, thường là kết hợp cả định tính và định lượng.

Bảng 3.3: Phương pháp đo lường rủi ro của kiểm toán nội bộ

| | | % |
|------------------|-------------|-------------|
| Phân loại | Định tính | 100% |
| | Định lượng | 0% |
| | Tổng | 100% |

“Nguồn: Học viên tổng hợp qua các phiếu khảo sát”

Bảng 3.4: Thực trạng sử dụng các công cụ đánh giá định lượng tại ngân hàng

| Các công cụ đánh giá | Mức độ sử dụng | | | |
|---------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|--------------|--------------|
| | Không bao giờ | Hiếm khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên |
| Ma trận rủi ro | 100% | 0% | 0% | 0% |
| Tính điểm rủi ro | 100% | 0% | 0% | 0% |
| Bảng câu hỏi về rủi ro đối với các đơn vị kinh doanh | 0% | 87.5% | 12.5% | 0.0% |
| Đo lường rủi ro trên hai phương diện: khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng | 100% | 0% | 0% | 0% |

“Nguồn: Học viên tổng hợp qua các phiếu khảo sát”

Để tính được tần suất kiểm toán, thông lệ quốc tế cho thấy cần dựa trên việc đánh giá rủi ro, đơn vị nào có kết quả đánh giá rủi ro cao thì tần suất kiểm toán lớn, và ngược lại. Tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt, đánh giá rủi ro chưa sử dụng công cụ đánh giá định lượng vào công tác xây dựng kế hoạch kiểm toán năm. Việc đánh giá rủi ro trong việc lập kế hoạch kiểm toán năm đang sử dụng phương pháp đo lường định tính và kinh nghiệm của kiểm toán nội bộ. Việc nhận diện thế nào là mức rủi ro cao, mức rủi ro trung bình, mức rủi ro thấp thì đơn vị chưa có tiêu chí rõ ràng, mặc dù đã qua nhiều lần tư vấn của kiểm toán độc lập nhưng chưa thể xây dựng được một cách khoa học, điều này thể hiện ở các câu trả lời “Không bao giờ” hoặc “Hiếm khi” là khá cao khi áp dụng các công cụ định lượng trong kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Bước 2: Thực hiện kiểm toán

Các công việc chính của thực hiện kiểm toán là :

- Thực hiện kiểm toán
- Lập biên bản kiểm toán và phát hành kết quả kiểm toán

Để đảm bảo công việc kiểm toán đạt được mục tiêu và thực hiện theo đúng kế hoạch, chương trình đã đề ra, quá trình thực hiện kiểm toán phải nhằm thực hiện các yêu cầu sau:

- Việc thực hiện kiểm toán phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, khách quan, trung thực trong việc đánh giá, xác nhận và lập báo cáo kiểm toán;

- Phải xem xét, thu thập đầy đủ các bằng chứng cần thiết có liên quan đến các cuộc kiểm toán;

- Tổng hợp, lập biên bản, báo cáo kết quả thực hiện kiểm toán; kịp thời điều chỉnh kế hoạch, nội dung, tiến độ của cuộc kiểm toán nhằm đạt được kết quả tốt;

- Thông qua biên bản, báo cáo kiểm toán.

Ngân hàng TMCP Bảo Việt chưa đề cập đến các phương pháp, kỹ thuật kiểm toán mà KTVNB có thể áp dụng, cách thức ghi chép lại nhật ký kiểm toán, quản lý hồ sơ giấy tờ, tổ chức cuộc họp kiểm toán...Đặc biệt, Ngân hàng TMCP Bảo Việt cũng chưa đưa ra các kỹ thuật kiểm toán cụ thể để thu thập bằng chứng với từng đối tượng, đơn vị kiểm toán để hướng dẫn KTV. Ngoài ra, một công việc rất quan trọng trong bước thực hiện kế hoạch kiểm toán là khảo sát thực địa, đánh giá lại rủi ro để xác định phạm vi kiểm toán cho phù hợp cũng không được Ngân hàng TMCP Bảo Việt quy định.

Về thực tế triển khai:

- Ngân hàng TMCP Bảo Việt đã xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm toán theo nhóm các chuyên đề và kiểm toán toàn diện đơn vị;

- Trong mỗi cuộc kiểm toán, Thành phần Đoàn kiểm toán gồm có Trưởng đoàn, Phó đoàn (nếu có) và các thành viên. Số lượng thành viên Đoàn kiểm toán được quy định trong quyết định kiểm toán, căn cứ vào yêu cầu, nội dung của cuộc kiểm toán.

- Hiện nay Ngân hàng TMCP Bảo Việt chưa ban hành Quy trình kiểm toán, Sổ tay kiểm toán, Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán nội bộ;

theo tinh thần Thông tư 44/2011/TT-NHNN và TT13/2018/TT-NHNN cũng như theo yêu cầu của Chuẩn mực quốc tế cho việc hành nghề chuyên nghiệp của kiểm toán nội bộ số 1000 và nguyên tắc mà Ủy ban Basel II đã khuyến nghị

- Hiện nay, ngân hàng cũng chưa có phần mềm chuyên dụng phục vụ việc quản lý chu trình làm việc hoặc phân tích dữ liệu dành riêng cho kiểm toán nội bộ, mọi thông tin muốn thu thập sẽ được chiết xuất từ phần mềm MIS và T24 của NH.

Bảng 3.5: Đánh giá việc thực hiện kiểm toán nội bộ tại ngân hàng Bảo Việt

| Thực hiện kiểm toán | Các phương án trả lời (%) | | | |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|
| | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng |
| Phòng KTNB có lập kế hoạch kiểm toán chi tiết cho mỗi cuộc kiểm toán | 0.0% | 0.0% | 0.0% | 100.0% |
| Phòng KTNB có lập chương trình kiểm toán cho từng quy trình nghiệp vụ | 100.0% | 0.0% | 0.0% | 0.0% |
| Phòng KTNB thường áp dụng phương pháp kiểm toán " theo định hướng rủi ro " | 12.5% | 87.5% | 0.0% | 0.0% |
| Phòng KTNB thường áp dụng phương pháp kiểm toán tuân thủ | 0.0% | 12.5% | 75.0% | 12.5% |
| Phòng KTNB có sử dụng phần mềm kiểm toán cho hoạt động kiểm toán | 100.0% | 0.0% | 0.0% | 0.0% |
| Kỹ năng công nghệ thông tin của anh chị là rất thành thạo | 25.0% | 62.5% | 12.5% | 0.0% |

“Nguồn: Học viên tổng hợp qua các phiếu khảo sát”

Khi phỏng vấn về việc lập kế hoạch kiểm toán chi tiết, tất cả các ý kiến đều nhất trí rằng trước mỗi cuộc kiểm toán đều có kế hoạch, tuy nhiên chưa có chương trình kiểm toán chi tiết cho từng phần trong mỗi cuộc kiểm toán (100%). Trước khi kiểm toán, Bộ phận Kiểm toán nội bộ đều có khảo sát đơn vị được kiểm toán về vị trí, tầm quan trọng của đơn vị hoặc nghiệp vụ được kiểm toán, quy mô nghiệp vụ, mức độ ổn định, hoàn thiện của nghiệp vụ.

Trong quá trình kiểm toán, việc lựa chọn phương pháp kiểm toán nào cũng rất quan trọng, bởi lẽ điều này giúp khắc phục được những hạn chế về mặt thời gian, số lượng nhân viên, chi phí... Tuy nhiên, đa phần KTVNB cho rằng họ vẫn thực hiện kiểm toán riêng lẻ, tức là kiểm toán cụ thể từng hợp đồng, từng giao dịch để kết luận xem số liệu kế toán có trung thực không hoặc có kiểm toán hệ thống thì cũng ở mức độ rà soát từng hồ sơ xem có tuân thủ đúng quy trình hay không chứ khá hạn chế khi thực hiện phân tích hệ thống để đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Bởi vậy, kết quả làm việc của hai bộ phận kiểm toán và kiểm tra kiểm soát nội bộ có nhiều nét tương đồng, đôi khi còn bị gộp chung vào nhau, không thấy được sự khác biệt rõ rệt.

Bước 3: Lập Báo cáo kiểm toán

Thời gian qua, bộ phận KTVNB đã phát hiện, chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục nhiều tồn tại, sai phạm trong quản trị điều hành, tín dụng, kho quỹ, hạch toán kế toán... Giai đoạn lập báo cáo kiểm toán này sẽ không có ý nghĩa nếu các bước trước đó không được thực hiện một cách chuyên nghiệp bởi sẽ không có nguyên liệu để lập báo cáo kiểm toán với ý kiến trung thực, hợp lý. Tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi, NCS thu được các kết quả sau:

Một là: Chưa tiến hành phân tích nguyên nhân sai phạm

Bảng 3.6: Đánh giá việc lập báo cáo kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt

| Việc lập báo cáo kiểm toán | Các phương án trả lời (%) | | | |
|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|
| | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng |
| Trong các báo cáo có phân tích nguyên nhân của các sai phạm | 0.0% | 100.0% | 0.0% | 0.0% |
| Báo cáo kiểm toán được văn bản hóa, có tính liên quan và đầy đủ | 0.0% | 0.0% | 0.0% | 100.0% |
| Trong báo cáo có kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và xử lý vi phạm | 0.0% | 0.0% | 0.0% | 100.0% |
| Nội dung của kiến nghị chi tiết cụ thể | 0.0% | 100.0% | 0.0% | 0.0% |

“Nguồn: Học viên tổng hợp qua các phiếu khảo sát”

Lập báo cáo kiểm toán là khâu rất quan trọng trong cuộc kiểm toán, học viên đã tìm hiểu liệu KTV có tiến hành phân tích nguyên nhân của những sai phạm, rủi ro hay không. Kết quả nhận được có 100% cho rằng họ không hoàn toàn tìm hiểu nguyên nhân của các sai phạm đó.

Hai là: Báo cáo kiểm toán thường hướng đến các sai phạm là chủ yếu

Bảng 3.7: Những kiến nghị chủ yếu

| Các vấn đề | Các phương án trả lời (%) | | | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|
| | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng |
| Sai phạm liên quan đến tuân thủ các quy định của quy định nội bộ | 0.0% | 0.0% | 100.0% | 0.0% |
| Sai phạm liên quan đến tuân thủ các quy định của pháp luật | 0.0% | 100.0% | 0.0% | 0.0% |
| Đánh giá hệ thống thủ tục kiểm soát thiết lập trong từng hoạt động, phát hiện các nguyên nhân sâu xa mang tính hệ thống | 100.0% | 0.0% | 0.0% | 0.0% |

“Nguồn: Học viên tổng hợp qua các phiếu khảo sát”

Như vậy, trong báo cáo kiểm toán đang tập trung nêu ra các sai phạm cụ thể, đánh giá tính trung thực của thông tin 100% hoặc chỉ ra các sai phạm phân lớn liên quan đến tuân thủ các quy định của nội bộ và 100% phần lớn sai phạm không liên quan đến tuân thủ các quy định của pháp luật. Phần rất quan trọng là đánh giá hệ thống kiểm soát nội, hệ thống quản lý rủi ro, khung quản trị của ngân hàng còn khá hạn chế 100%.

Ba là: Thái độ của các đơn vị được kiểm toán thường chưa dễ dàng chấp nhận kết luận của KTNB

Khi phát hành các báo cáo này, KTV sẽ gửi cho đơn vị được kiểm toán để trao đổi về kết quả công việc. Phần lớn các đơn vị được kiểm toán hài lòng, nhưng phần còn lại, kiểm toán viên thường nhận được sự phản ứng từ đơn vị kinh doanh, nhiều trường hợp đơn vị đành phải chấp nhận một cách miễn cưỡng. Điều này cũng không quá khó hiểu vì các đơn vị kinh doanh

thường chạy theo các chỉ tiêu lợi nhuận, doanh số nên phải hi sinh các việc tuân thủ pháp luật, quy định, quy trình. Bởi vậy khi KTV phát hiện và yêu cầu chấp nhận các phát hiện, các đơn vị thường không dễ dàng chấp nhận.

Minh chứng cụ thể cho các kết luận về thực trạng thực hiện kiểm toán qua một số nội dung của báo cáo kiểm toán “ Chi nhánh Hà Nội” năm 2016 như sau:

Vấn đề 2: Việc quản lý vốn sau giải ngân và kiểm tra định kỳ khách hàng

Ý kiến kiểm toán

Theo điều 6 Quy định 1587/2010/QĐ-TGD về Quản lý vốn vay sau giải ngân thì:

- Trong thời hạn 15 ngày đối với các khoản vay ngắn hạn, 30 ngày đối với các khoản vay trung dài hạn, kể từ ngày giải ngân, phòng Quan hệ khách hàng phải tiến hành kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay.

- Kiểm tra định kỳ 3 tháng/lần hoặc định kỳ khác theo phê duyệt tín dụng, đối với cho vay theo hạn mức và cho vay trung dài hạn mà KH có quan hệ tín dụng bình thường, tình hình trả nợ đều đặn, đúng hạn.

- Kiểm tra định kỳ 2 tháng/lần đối với KH phát sinh nợ từ nhóm 2 trở lên.

- Kiểm tra định kỳ tối thiểu 1 tháng/lần đối với KH phát sinh nợ từ nhóm 3 trở lên.

- Định kỳ tối thiểu 6 tháng/lần hoặc định kỳ khác theo phê duyệt tín dụng, phòng Quan hệ khách hàng phải lập báo cáo tín dụng định kỳ nhận xét, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính và khả năng trả nợ đối với các KH có dư nợ từ 1 tỷ đồng trở lên.

Đoàn kiểm toán nhận thấy, đơn vị kinh doanh chưa tuân thủ “ Đầy đủ” các quy định quản lý vốn vay sau giải ngân trên. Chỉ có một số ít hồ sơ tín dụng có Biên bản kiểm tra khách hàng, tuy nhiên cũng không tuân thủ định kỳ trên.

Ý kiến của ĐVKD:

- Đồng ý
 Không đồng ý
 Ý kiến bổ sung

Khuyến nghị của kiểm toán:

Đề nghị Giám đốc ĐVKH và Trưởng phòng KHCN đôn đốc, nhắc nhở các Chuyên viên QHKH nghiêm túc thực hiện việc quản lý vốn sau giải ngân.

Vấn đề 3: Về định giá lại tài sản bảo đảm là bất động sản

Ý kiến kiểm toán

Theo Điều 26, Quy định 1585/2010/QĐ-TGD về Thẩm định TSBĐ là Bất động sản thì định kỳ 12 tháng tính sau thời điểm định giá gần nhất, đơn vị kinh doanh phải định giá lại bất động sản.

Đoàn kiểm toán nhận thấy, tài sản bảo đảm tại chi nhánh hầu hết là bất động sản, tuy nhiên chi nhánh “Chưa tiến hành định giá đầy đủ” theo định kỳ trên.

Ý kiến của ĐVKD:

- Đồng ý
 Không đồng ý
 Ý kiến bổ sung

Khuyến nghị của kiểm toán:

Đề nghị Giám đốc ĐVKD và Trưởng phòng KHCN chỉ đạo tiến hành ngay việc định giá lại bất động sản theo đúng quy định.

Bước 4: Giai đoạn giám sát sau kiểm toán:

Tiến hành khảo sát bằng câu hỏi, học viên thu được các kết quả sau:

Bảng 3.8: Thực trạng công tác giám sát các kiến nghị

| Việc giám sát các kiến nghị | Mức độ thực hiện (%) | | | |
|-----------------------------------------|----------------------|----------|--------------|--------------|
| | Không bao giờ | Hiếm khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên |
| Có, ngay sau khi kết thúc đợt kiểm toán | 0.0% | 0.0% | 62.5% | 37.5% |
| Có, vào đợt kiểm toán sau | 100.0% | 0.0% | 0.0% | 0.0% |
| Có, vào năm sau | 100.0% | 0.0% | 0.0% | 0.0% |
| Không theo dõi | 100.0% | 0.0% | 0.0% | 0.0% |

“Nguồn: Học viên tổng hợp qua các phiếu khảo sát”

Như vậy, Phòng kiểm toán có thường xuyên giám sát các kiến nghị của mình từ năm trước đối với đơn vị để thấy được tiến độ thực hiện xử lý, sửa chữa các sai phạm. Việc thực hiện các khuyến nghị của đơn vị không phải là ngay lập tức, nhưng cũng không quá trễ, thường diễn ra trong khoảng 1 năm kể từ ngày báo cáo kiểm toán được ký chấp nhận.

3.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới thực trạng kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt

Học viên thực hiện khảo sát lấy ý kiến của một số kiểm toán viên và thành viên ban kiểm soát tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt với quy trình như sau:

Bước 1: Thiết kế câu hỏi khảo sát

Qua quá trình tìm hiểu, phân tích từ chương 2, các nhân tố ảnh hưởng tới kiểm toán nội bộ gồm có 3 nhân tố khách quan và 4 nhân tố chủ quan. Mục đích của khảo sát là thu hồi ý kiến đánh giá của đối tượng được khảo sát về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới kiểm toán nội bộ. Bộ câu hỏi liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng gồm 17 ý hỏi với 7 nhân tố chính chia làm 2 nhóm:

▼ Nhóm nhân tố khách quan gồm:

- Nhân tố 1: Môi trường Kinh tế
- Nhân tố 2: Môi trường xã hội
- Nhân tố 3: Môi trường pháp lý

▼ Nhóm nhân tố chủ quan bao gồm:

- Nhân tố 4: Trách nhiệm ủng hộ của lãnh đạo cấp cao
- Nhân tố 5: Sự phối hợp từ đơn vị được kiểm toán
- Nhân tố 6: Trình độ, năng lực, phẩm chất của Kiểm toán viên nội bộ
- Nhân tố 7: Cơ cấu tổ chức bộ máy của ngân hàng và kiểm toán nội bộ.

bộ.

Đối tượng được khảo sát có thể lựa chọn trong một thang đo với 5 mức độ tác động đến kiểm toán nội bộ.

Kết quả khảo sát sau khi được thực hiện sẽ cho biết sự phù hợp của các nhân tố được lựa chọn và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố hoặc cụm nhân tố tới sự hoàn thiện kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Bước 2: Lựa chọn đối tượng khảo sát.

Mẫu nghiên cứu (Đối tượng khảo sát) là các kiểm toán viên nội bộ, lãnh đạo phòng kiểm toán, một số thành viên Ban kiểm soát. Đây là những đối tượng trực tiếp liên quan đến công tác kiểm toán và vì vậy họ hiểu rõ về các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm toán nội bộ, như vậy kết quả khảo sát sẽ có độ tin cậy cao.

Bước 3: Thực hiện khảo sát và thu hồi:

- Lấy phiếu trực tiếp từ 8 người (Phòng KTNB và Ban kiểm soát)

Bước 4: Quá trình hình thành dữ liệu nghiên cứu

Do số lượng mẫu chọn tập trung vào những đối tượng trực tiếp liên quan đến công tác kiểm toán nội bộ nên số lượng mẫu ít. Do đó bằng phương pháp tổng hợp các phương án trả lời, cho ta các kết quả sau:

Bảng 3.9: Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt

| Việc giám sát các kiến nghị | Mức ảnh hưởng (%) | | | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|-----------------------|---------------|
| | Không ảnh hưởng | Ảnh hưởng rất ít | Ảnh hưởng bình thường | Ảnh hưởng lớn |
| (1) Môi trường kinh tế | 0,0% | 75,0% | 25,0% | 0,0% |
| Môi trường kinh tế bất ổn | 0,0% | 75,0% | 25,0% | 0,0% |
| (2) Môi trường xã hội | 0,0% | 75,0% | 25,0% | 0,0% |
| Đạo đức xã hội | 0,0% | 75,0% | 25,0% | 0,0% |
| (3) Môi trường pháp lý | 0,0% | 0,0% | 25,0% | 75,0% |
| Tính đồng bộ, khoa học của hệ thống pháp luật, tính đầy đủ, thống nhất của văn bản dưới luật | 0,0% | 0,0% | 25,0% | 75,0% |
| (4) Sự ủng hộ của của ban lãnh đạo | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Phản ứng, thái độ trước các phát hiện của kiểm toán | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Cam kết đào tạo KTV cập nhật các kiến thức, kỹ năng, chuẩn hóa nội dung kiểm toán, thực hiện phương pháp tiếp cận kiểm toán hiện đại | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| (5) Sự phối hợp từ đơn vị kiểm toán | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Trình độ chuyên môn của đơn vị được kiểm toán | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Thái độ của đơn vị được kiểm toán | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Mức độ phối hợp | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| (6) Trình độ, năng lực của KTV | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Trình độ chuyên môn về nghiệp vụ | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Kỹ năng kiểm toán | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Trình độ tin học, ngoại ngữ | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |

| | | | | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|-------|-------|
| Kỹ năng làm việc theo nhóm | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Kinh nghiệm thâm niên | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Luân chuyển KTV nội bộ trong phòng kiểm toán để đảm bảo tính độc lập | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| (7) Cơ cấu tổ chức | 0,0% | 0,0% | 25,0% | 75,0% |
| Chính sách, thủ tục, quy trình hoạt động ngân hàng rõ ràng, đầy đủ, cập nhật | 0,0% | 0,0% | 25,0% | 75,0% |
| Chính sách, quy định về tổ chức, hoạt động của KTNB rõ ràng, đầy đủ, cụ thể | 0,0% | 0,0% | 25,0% | 75,0% |
| Ngân sách dành cho hoạt động kiểm toán nội bộ được quy định rõ ràng, đảm bảo hoạt động chính thức, lâu dài, bền vững | 0,0% | 0,0% | 25,0% | 75,0% |

“Nguồn: Học viên tổng hợp qua các phiếu khảo sát”

Như vậy, thông qua khảo sát các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt, có thể thấy công tác này chịu sự ảnh hưởng của một số nhân tố chủ quan và khách quan, trong đó, ảnh hưởng mạnh nhất là các nhân tố bên trong như Sự cam kết và ủng hộ của lãnh đạo cấp cao, sự phối hợp của đơn vị được kiểm toán, trình độ năng lực của kiểm toán viên nội bộ, cơ cấu tổ chức bộ máy... Nhận định rút ra từ khảo sát trên chính là cơ sở quan trọng để NCS đề xuất một số giải pháp và kiến nghị ở các phần sau.

3.4. Đánh giá thực trạng kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt

3.4.1. Kết quả đạt được

Trong suốt quá trình hoạt động của mình, Phòng KTNB đã phát hiện được các sai sót, gian lận, góp phần đảm bảo an toàn tài sản của ngân hàng,

nâng cao hiệu quả kinh doanh, đóng góp vào sự phát triển của Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Có được những thành tựu đó là nhờ những kết quả mà Ngân hàng TMCP Bảo Việt đã đạt được trong tổ chức và hoạt động KTNB như sau:

Vị thế pháp lý của bộ phận kiểm toán nội bộ đảm bảo sự độc lập, khách quan cần thiết

Việc đặt vị trí của KTNB ngân hàng dưới sự quản lý của Ban Kiểm soát, do chủ sở hữu trực tiếp quyết định, bổ nhiệm cho phép bộ phận KTNB nói chung và các kiểm toán viên nội bộ nói riêng có được sự độc lập, hạn chế những sự can thiệp làm ảnh hưởng tới tính khách quan hoặc không đầy đủ của các nhận xét. Theo các quy định của nhà nước thì KTNB phải thuộc cơ quan quyền lực cao nhất của ngân hàng. Tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt, KTNB trực thuộc Ban Kiểm soát về cơ bản, hoạt động của Ban Kiểm soát tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt đã đáp ứng được các yêu cầu của thông lệ, đều trực thuộc cơ quan quyền lực cao nhất của ngân hàng là chủ sở hữu.

Về cơ sở pháp lý và cơ sở vật chất phục vụ kiểm toán nội bộ

- Hệ thống các văn bản pháp lý đã được xây dựng và quan hành Ngân hàng TMCP Bảo Việt đã ban hành được khung pháp lý cơ bản để bộ phận KTNB hoạt động đó là Quy chế về kiểm toán nội bộ. Quy chế đã quy định rõ mục tiêu, nguyên tắc, phạm vi, phương pháp KTNB; bộ máy KTNB; nội dung hoạt động của KTNB; tiêu chuẩn đối với KTVNB; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của KTNB cũng như các phòng ban, cá nhân; chế độ báo cáo, lưu giữ hồ sơ, tài liệu KTNB

- Cơ sở vật chất phục vụ công tác kiểm toán nội bộ khá đầy đủ Ban lãnh đạo Ngân hàng TMCP Bảo Việt luôn quan tâm và cung cấp đủ kinh phí cho bộ phận KTNB hoạt động. Các cán bộ KTNB đều được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và phương tiện để phục vụ cho công việc kiểm toán. Chế độ đãi ngộ cũng đã có nhiều cải tiến nhất định.

Đội ngũ cán bộ kiểm toán nội bộ có năng lực, phẩm chất khá tốt

Đội ngũ cán bộ làm công tác KTNB của Ngân hàng TMCP Bảo Việt đều có trình độ từ đại học trở lên, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chính sách tuyển dụng tại chỗ kết hợp tuyển dụng từ bên ngoài vừa tạo được sự ổn định và cố gắng phấn đấu cống hiến cho nhân viên, vừa mang lại cho Phòng KTNB nhiều tư duy, sáng tạo mới trong công việc.

Về hoạt động kiểm toán nội bộ

- Phạm vi kiểm toán nội bộ ngày càng mở rộng

Trong 3 năm gần đây, phạm vi hoạt động của KTNB đã tăng lên đáng kể, ngoài kiểm toán các hoạt động kinh doanh chủ yếu như nghiệp vụ tín dụng, huy động vốn thì đã chú trọng đến các hoạt động khác như kiểm toán công tác quản trị điều hành, xây dựng cơ bản, các đơn vị chức năng tại Hội sở;

- Phương pháp tiếp cận kiểm toán đã dần chuyển sang “định hướng rủi ro”

Một điểm tiến bộ của KTNB Ngân hàng TMCP Bảo Việt đó là các quy định của ngân hàng đã yêu cầu bộ phận tích cực áp dụng phương pháp kiểm toán định hướng theo rủi ro, tức là tập trung kiểm toán những hoạt động, nghiệp vụ, quy trình có rủi ro cao, hoặc có thể kiểm toán mọi hoạt động của đơn vị được kiểm toán nếu cho rằng đơn vị hoạt động với mức độ rủi ro lớn. Đối với những hoạt động, quy trình, nghiệp vụ có rủi ro càng cao thì tần suất kiểm toán càng nhiều.

3.4.2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động KTNB của Ngân hàng TMCP Bảo Việt vẫn còn nhiều hạn chế, có thể khái quát như sau:

Thứ nhất, công tác kiểm toán nội bộ chưa được định hướng phát triển theo hướng thực hiện các chuẩn mực kiểm toán nội bộ cũng như các thông lệ quốc tế về thực hành kiểm toán nội bộ nên kết quả thu được còn khiêm tốn và bộc lộ rõ nhiều khiếm khuyết.

Thứ hai, công tác kiểm toán nội bộ cũng chậm đổi mới trong các năm qua, không có nhiều cải tiến để phát huy hết lợi ích đóng góp cho sự phát triển của NH. Từ phương pháp, nội dung, quy trình kiểm toán, con người... ít được đầu tư, quan tâm.

Thứ ba, so với các Ngân hàng cùng quy mô, trình độ thì kiểm toán nội bộ của Ngân hàng TMCP Bảo Việt còn ở những bước ban đầu mới mẻ, chưa phát triển về bề rộng lẫn chiều sâu, tỏ ra là một bộ phận hết sức mờ nhạt trong tổng thể hệ thống kiểm soát nội bộ. Cụ thể là:

3.4.2.1. Nội dung kiểm toán còn bất cập

Một là, nội dung kiểm toán nội bộ còn phân tán, chưa tập trung nhiều vào kiểm toán hoạt động.

Về cơ bản, chức năng kiểm toán nội bộ gồm: kiểm toán hoạt động, kiểm toán Báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ. Theo quan điểm quốc tế, kiểm toán nội bộ nên tập trung vào chức năng kiểm toán hoạt động nhiều hơn trên cơ sở tìm hiểu những yếu kém trong quy trình vận hành tại đơn vị, từ đó đưa ra các đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động. Thực tế kiểm toán nội bộ của Ngân hàng TMCP Bảo Việt vẫn chưa thực sự đi đúng hướng. Sự lệch lạc thể hiện ở chỗ Phòng KTNB của Ngân hàng TMCP Bảo Việt hầu như chỉ tập trung vào kiểm toán tuân thủ đánh giá việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, NHNN và của bản thân ngân hàng về các hoạt động, nghiệp vụ tại đơn vị, bộ phận được kiểm toán là kiểm toán báo cáo tài chính đánh giá tính trung thực và hợp lý các khoản mục trên báo cáo tài chính, nhằm nâng cao chất lượng thông tin tài chính của ngân hàng.

Hai là, phạm vi của kiểm toán nội bộ còn hạn chế so với yêu cầu của Basel II

Mặc dù thời gian qua bộ phận KTNB của Ngân hàng TMCP Bảo Việt đã mở rộng thêm nhiều lĩnh vực được kiểm toán, tuy nhiên như thế vẫn chưa đủ. Vẫn còn một số mảng hoạt động chưa được quan tâm, chẳng hạn như đầu tư tài chính, đầu tư xây dựng, đặc biệt nghiệp vụ Kinh doanh vốn chưa từng được kiểm toán là một hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới bởi đây là mảng nhạy cảm, nếu rủi ro thì mức độ ảnh hưởng vô cùng nghiêm trọng và đã từng gây ra tổn thất đáng kể cho Ngân hàng.

3.4.2.2. Phương pháp tiếp cận kiểm toán chưa được thực hiện đúng nghĩa

Thứ nhất, quy trình đánh giá rủi ro trước khi lập kế hoạch kiểm toán còn gặp nhiều khó khăn Bộ phận KTNB tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt đã xây dựng phương pháp luận mang tính chủ đạo xuyên suốt là phương pháp định hướng rủi ro. Rủi ro ở đây bao gồm bất cứ trở ngại nào có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu của ngân hàng, bao gồm cả những mối nguy hiểm, các cơ hội và sự không chắc chắn đến từ bên ngoài và nội tại ngân hàng. Với phương pháp luận này, tần suất kiểm toán và mức độ phân bổ nguồn lực của ngân hàng cho hoạt động kiểm toán được quyết định dựa trên kết quả phân loại rủi ro của từng đơn vị kinh doanh, từng hoạt động kinh doanh cụ thể. Mức độ rủi ro càng cao thì tần suất kiểm toán càng lớn và càng được ngân hàng ưu tiên về nguồn lực. Phương pháp này giúp cho KTNB hoạt động hiệu quả và có thể tập trung nhiều thời gian, nguồn lực cho những đối tượng kiểm toán có mức độ rủi ro trung bình và cao. Tuy nhiên, vấn đề nổi lên ở đây là sự lúng túng trong thực hiện phương pháp đánh giá rủi ro. Hiện nay, Ngân hàng TMCP Bảo Việt vẫn chưa xây dựng mô hình đánh giá rủi ro khoa học và phù hợp, dẫn đến việc thiếu những cơ sở đáng tin cậy cho việc lập kế hoạch kiểm toán.

Thứ hai: Chức năng tư vấn so với thông lệ quốc tế và quy định hiện hành còn mờ nhạt. KTNB trong NHTM có 5 chức năng cơ bản: kiểm tra, đánh giá, xác nhận, tư vấn, đào tạo. Tuy nhiên, công tác KTNB ở các NHTM hiện nay hầu như chỉ nặng về kiểm tra, trong khi đó một chức năng quan trọng của KTNB là tư vấn, tức là đưa ra các đề xuất, khuyến nghị đối với các đơn vị được kiểm toán lại hầu như không có, mà chủ yếu tập trung vào việc chấn chỉnh các sai phạm, hoặc các khuyến nghị đưa ra cũng chỉ mang tính chất chung chung, không thật sự chất lượng và chưa có tính xây dựng đối với đơn vị được kiểm toán. Ngân hàng TMCP Bảo Việt cũng không phải là ngoại lệ. Thực tế là có sự chông chéo, nhằm lẫn giữa hoạt động kiểm toán nội bộ với kiểm tra (của kiểm soát nội bộ), bỏ trống hoạt động tư vấn, giúp đỡ các đơn vị. Chính vì vậy mà kết quả làm việc của kiểm toán nội bộ rất hạn chế, nhiều sai phạm không phát hiện được tới khi có sự vào cuộc của các cơ quan bên ngoài như kiểm toán độc lập, thanh tra chính phủ.

3.4.2.3 Quy trình kiểm toán cần được hoàn thiện hơn

Mặc dù Ngân hàng TMCP Bảo Việt chưa ban hành được Quy trình kiểm toán. Xong hiện tại hoạt động kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt đang được thực hiện với quy trình thực tế đã cơ bản đáp ứng được trình tự của cuộc kiểm toán. Tuy nhiên, quy trình KTNB của Ngân hàng TMCP Bảo Việt còn khá chung chung, chưa ban hành được những hướng dẫn cụ thể bằng văn bản. Nội dung quy trình chưa đáp ứng được thông lệ quốc tế và các quy định về hoạt động kiểm toán nội bộ tại các Ngân hàng thương mại.

Bước lập kế hoạch kiểm toán:

Tính toàn diện và định hướng rủi ro trong kiểm toán nội bộ chưa được đáp ứng. Mặc dù trong các văn bản, chính sách kế toán yêu cầu bộ phận kiểm toán nội bộ phải thực hiện kiểm toán định hướng rủi ro và đảm bảo tính toàn diện trong kiểm toán, nhưng trên thực tế, yêu cầu này chưa được đáp ứng triệt

để trong triển khai, nhiều lĩnh vực nghiệp vụ có rủi ro cao hoặc nhiều đơn vị dù là được đánh giá có mức rủi ro thấp chưa bao giờ được kiểm toán nội bộ đánh giá, rà soát.

Bước thực hiện kiểm toán:

Khi thực hiện kiểm toán thì chủ yếu tập trung vào thủ tục kiểm toán riêng lẻ, trong khi đó thủ tục kiểm toán hệ thống vẫn còn bị hạn chế áp dụng.

§ Cụ thể là, tập trung vào kiểm toán riêng lẻ, Ngân hàng TMCP Bảo Việt sẽ tiến hành các thủ tục kiểm toán nhằm thu thập các bằng chứng chứng minh sự trung thực hợp lý của các dữ liệu do hệ thống kế toán xử lý và cung cấp (T24; MIS và hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán...)

§ Về thử nghiệm hệ thống, kiểm toán nội bộ mới chỉ dừng ở mức độ xác nhận chứ ít thực hiện ở nội dung phân tích. Do mục tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ kiểm toán còn mang tính chất của thanh tra, kiểm tra, xác nhận thông tin, tìm ra sai phạm cụ thể nên KTV áp dụng chủ yếu là thủ tục kiểm toán trên từng bộ hồ sơ nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các thông tin hoặc xác nhận có được thực hiện đầy đủ theo quy trình không. Phương pháp kiểm toán hệ thống nhằm đánh giá tính hiệu quả, hiệu lực của hệ thống các thủ tục kiểm soát nội bộ ít được sử dụng hơn, hoặc nếu được sử dụng thì với tỷ trọng rất nhỏ.

Bước lập báo cáo kiểm toán:

Báo cáo kiểm toán còn chung chung, chưa có nhiều giá trị:

Việc đánh giá hệ thống các thủ tục kiểm soát nội bộ gài đặt trong quy trình hoạt động còn rất mờ nhạt. Khi kiểm tra, kiểm toán mới chỉ đơn thuần tìm kiếm các sai phạm bề nổi còn nguyên nhân sâu xa mang tính hệ thống thì chưa tìm thấy, hoặc ít nhất là chưa thấy đề cập cụ thể trong các báo cáo kiểm toán. Thực tế, việc áp dụng phương pháp kiểm toán hệ thống là phương pháp

đánh giá hệ thống các thủ tục kiểm soát nội bộ nhằm đánh giá rủi ro kiểm soát và xác định rủi ro kiểm toán.

Kết quả mà kiểm toán viên thu được là không đầy đủ, nguyên nhân của sai phạm không được chỉ ra tận gốc rễ. Công tác kiểm toán chỉ dừng lại ở mức kiểm tra tính đầy đủ trong hồ sơ, quy trình nghiệp vụ, hơn nữa vì là kiểm tra sau khi có những rủi ro đã xảy ra nên không có tính dự báo để phòng tránh. Đặc biệt, không có hướng dẫn hay yêu cầu cụ thể về việc kiểm tra, rà soát quy trình nghiệp vụ nhằm tìm ra những rủi ro mang tính hệ thống, nhằm xem xét cụ thể các chốt kiểm soát gài đặt trong quy trình... Do đó, giá trị của các đề xuất, khuyến nghị là không cao bởi chỉ đi vào việc xử lý sai phạm bề nổi mà không đi vào cải tiến quy trình hoạt động, cải thiện chất lượng kiểm soát nội bộ gài đặt trong quy trình. Điều đó có nghĩa là KTNB hướng vào phát hiện sai phạm nhiều hơn là ngăn chặn sai phạm.

Bước giám sát thực hiện kiến nghị của kiểm toán :

Chưa có quy định cụ thể về chế tài đối với việc không thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nên các kết luận của KTV chưa được quan tâm và thực hiện quyết liệt tại các đơn vị có sai phạm. Nhiều bộ phận nghiệp vụ, chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng TMCP Bảo Việt chưa nhận thức đúng về ý nghĩa của công tác kiểm toán nội bộ; do đó những bộ phận, chi nhánh này không nghiêm túc thực hiện chỉnh sửa, khắc phục các sai sót theo kiến nghị mà đoàn KTNB đưa ra.

Như vậy, theo đánh giá của Học viên, đến nay, tổ chức và hoạt động kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt còn khá nhiều bất cập rất cần tập trung hoàn thiện. Vậy đâu là nguyên nhân cho những hạn chế trên? Lý giải được những nguyên nhân gây ra các hạn chế cũng giống như tìm căn nguyên của bệnh tật để đưa ra liệu pháp cho phù hợp. Chính vì sự quan trọng

này mà Học viên dành phần còn lại của chương 3 để tìm hiểu kỹ càng về các nguyên nhân đó

3.4.3. Nguyên nhân của các hạn chế

Môi trường kinh doanh

Môi trường kinh doanh thay đổi, hội nhập quốc tế sâu rộng khiến cho rủi ro trong kinh doanh NH ngày càng cao, các sai phạm trong lĩnh vực NH có xu hướng tăng và tinh vi hơn, trong khi hoạt động KTNB còn khá mới mẻ với các NHTM Việt Nam.

Đặc điểm của ngân hàng

Đặc điểm kinh doanh của ngành ngân hàng nói chung, của Ngân hàng TMCP Bảo Việt nói riêng gây khá nhiều khó khăn cho hoạt động kiểm toán nội bộ:

- Ngân hàng TMCP Bảo Việt có mạng lưới rộng, phân tán các vùng miền, các món vay nhỏ lẻ tiềm ẩn nhiều rủi ro.
- Đội ngũ nhân sự còn chưa được chuẩn hoá, đồng bộ, chưa thu hút được nhân sự có chất lượng tốt về.
- Mới tiếp cận với kinh doanh ngân hàng hiện đại và đang trong quá trình tìm kiếm mô hình phù hợp.
- Mô hình của ngân hàng chưa ổn định, vẫn đang quá trình tìm kiếm mô hình phù hợp;
- Hệ thống KSNB của ngân hàng còn nhiều điểm bất cập, các quy trình, quy chế chưa đầy đủ về số lượng và còn nhiều kẽ hở cần được bổ sung, hoàn thiện, ví dụ:

• Ngân hàng chưa xây dựng được khung đánh giá thể nào là một quy trình hiệu quả, được các bên liên quan trong ngân hàng công nhận. Ngân hàng cũng chưa có phương pháp nhận diện rủi ro thống nhất cũng như chưa có phương pháp dự báo rủi ro hữu hiệu.

Ù Hệ thống phần mềm của Ngân hàng hiện nay chưa hỗ trợ để đánh giá theo các tiêu chí tài chính và phi tài chính, đặc biệt chưa có kế toán quản trị tham gia vào việc phân bổ thu nhập, chi phí hay nói cách khác chưa có hệ thống phân tích lợi nhuận, chi phí đa chiều... nên rất khó có thể kết luận một quy trình, quy chế nào đó hiệu quả hay chưa hiệu quả.

Quy định pháp lý chưa đầy đủ và phù hợp

Nước ta chưa có tổ chức nghề nghiệp nào cho kiểm toán nội bộ, chưa có chuẩn mực kiểm toán nội bộ. Các quy định khung về hoạt động kiểm toán nội bộ từ phía Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước còn thiếu và mỏng nên chưa tạo ra lớp đệm vững chắc cho hoạt động này. Hiện nay khung pháp lý cao nhất cho hoạt động kiểm toán nội bộ là Luật Doanh nghiệp cũ và mới. Gần đây nhất là Nghị định số 05/2019 ngày 22/01/2019 về kiểm toán nội bộ . Khái niệm đầu tiên liên quan đến kiểm toán nội bộ quy định trong luật là ban kiểm soát do cổ đông bầu ra. Tuy nhiên, vai trò, chức năng, trách nhiệm của ban kiểm soát còn quá mơ hồ.

Đối với ngành ngân hàng đã có thêm thông tư 44/2011/TT-NHNN và TT13/2018/TT-NHNN. Nhưng việc thực hiện Thông tư 44 và Thông tư 13 của các NHTM nói chung, Ngân hàng TMCP Bảo Việtk nói riêng còn rất nhiều khó khăn vướng mắc bởi thông tư chưa có hướng dẫn cụ thể về những vấn đề không dễ triển khai như:

- Lập kế hoạch kiểm toán dựa trên rủi ro là gì, đánh giá chất lượng của kiểm toán nội bộ ra sao, cách thức kiểm toán hoạt động như thế nào. Trong thông tư cũng chưa quy định về trách nhiệm của bộ phận kiểm toán nội bộ tại các NHTM nếu không hoàn thành nhiệm vụ hoặc thiếu trách nhiệm thì xử lý ra sao, chế độ lương thưởng gắn với trách nhiệm, quyền lợi của KTVNB như thế nào, cơ chế đánh giá chất lượng của kiểm toán nội bộ hoặc nếu KTVNB không nâng cao trình độ thì thế nào. Khoản 3 điều 9 của thông tư 44

quy định bộ phận kiểm toán nội bộ phải thực hiện kiểm toán Công nghệ thông tin, do đó Bộ phận kiểm toán nội bộ phải có ít nhất một kiểm toán viên đủ kiến thức, trình độ, kỹ năng thực hiện kiểm soát công nghệ thông tin then chốt và kỹ thuật kiểm toán công nghệ cao. Tuy nhiên, hướng dẫn cụ thể về nội dung, phạm vi kiểm toán công nghệ thông tin, tiêu chuẩn đối với kiểm toán viên công nghệ thông tin chưa được nêu ra khiến không ít các NHTM gặp rất nhiều vướng mắc trong thực tiễn tổ chức.

Một số nội dung khác cũng đang được quy định rất chung chung như:

• Xây dựng sổ tay kiểm toán

• Phương pháp kiểm toán định hướng rủi ro

• Nội dung đánh giá và tiêu chuẩn cho tính đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Vấn đề trách nhiệm của các bên liên quan còn được quy định không cụ thể trong thông tư, do đó không tạo cơ chế, động lực, chế tài cho việc thực hiện các kết quả kiểm toán, chẳng hạn như chỉ yêu cầu: “Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên: Ban hành quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ, Quyết định về tổ chức bộ máy của kiểm toán nội bộ; Trang bị đủ các nguồn lực; Quyết định việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ, Quyết định chế độ tài chính, cơ chế tiền lương, thưởng, phụ cấp cho bộ phận kiểm toán nội bộ và cán bộ của bộ phận này theo thẩm quyền, quyết định việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ; đôn đốc, theo dõi các đơn vị nghiệp vụ thực hiện kiến nghị của kiểm toán nội bộ”....Như vậy, hiện nay trong thông tư đang rất thiếu vắng các quy định cụ thể bắt buộc phải thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ để đảm bảo tính kỷ luật, nghiêm minh, bởi Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên...có thể quyết định thực hiện hoặc không thực hiện kiến nghị của kiểm toán, dẫn đến tình trạng ý

kiến kiểm toán không được thừa nhận, hoặc thừa nhận mà không được thực hiện nghiêm túc.

Do đó, NHNN cần cụ thể hóa các quy định trong Thông tư 44/2011/TTNHNN và Thông tư 13/2018, xây dựng các văn bản giải thích về KTNB và KSNB, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để các cán bộ ngân hàng có cách hiểu thống nhất và việc triển khai thực hiện được thuận lợi.

Thiếu trách nhiệm, thiếu sự ủng hộ của Ban lãnh đạo cấp cao.

Những hạn chế về tổ chức cũng như hoạt động của KTNB cần xem xét trong tổng thể hệ thống KSNB. Nguyên nhân cho những yếu kém này bắt nguồn trước hết từ môi trường kiểm soát, trong đó phải xét đến cơ cấu bất ổn của bộ máy lãnh đạo cấp cao làm ảnh hưởng tới tính ổn định cũng như hiệu lực của những nét văn hóa về tính liêm chính được đặt ra. Nhận thức về tầm quan trọng của kiểm toán nội bộ trong bản thân đội ngũ lãnh đạo cấp cao còn hạn chế, chưa quan niệm kiểm toán nội bộ là cánh tay phải đắc lực tư vấn các biện pháp gia tăng giá trị cho hoạt động ngân hàng. Ngoài ra, lãnh đạo NH còn có tư tưởng xây dựng bộ phận kiểm toán nội bộ để đáp ứng yêu cầu bắt buộc của pháp luật cho nên chưa xử lý quyết liệt các kiến nghị của KTV, do đó, kiểm toán nội bộ chưa thực sự mang lại giá trị gia tăng cho NH. Cũng chính vì sự thiếu quan tâm của Ban lãnh đạo cấp cao mà công việc của kiểm toán nội bộ qua nhiều năm vẫn chậm đổi mới, hầu như không có sự cải tiến nào đột phá trong nội dung, phương pháp, quy trình, công nghệ, nhân sự, chế độ, đào tạo... dẫn đến những đóng góp còn hạn chế của kiểm toán nội bộ.

Đội ngũ KT nội bộ chưa đáp ứng nhu cầu công việc.

Vấn đề nhân sự cũng là một trong những nguyên nhân cần lưu tâm. Một loạt câu hỏi đã phải đặt ra sau khi phân tích thực trạng kiểm toán nội bộ liên quan đến vấn đề nhân sự như:

(i) Liệu các kiểm toán viên có đủ về số lượng, đặc biệt là năng lực chuyên môn để có thể phát hiện ra những sai phạm ngày càng trở nên tinh vi, khó lường hơn, đặc biệt là các lĩnh vực như công nghệ thông tin, khung quản lý rủi ro, kinh doanh vốn, xây dựng cơ bản...?

(ii) Liệu các kiểm toán viên có được đào tạo liên tục để cập nhật các thông tin mới?

(iii) Liệu khi có đủ số lượng và chất lượng, có khả năng phát hiện ra các sai phạm, họ có thực hiện nguyên tắc độc lập, khách quan, không thiên vị để đưa ra ý kiến kiểm toán trung thực hay không hay vẫn bị ảnh hưởng bởi Hội đồng thành viên và Ban điều hành khi phản ánh các rủi ro trong ngân hàng?

Thực tế cho thấy, số lượng nhân sự KTNB của hiện nay còn hạn chế so với tổng quy mô nhân sự cũng như khối lượng công việc khổng lồ trong toàn hệ thống. Về chất lượng, nhân sự hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về cả năng lực chuyên môn lẫn đạo đức trong điều kiện nghiệp vụ ngân hàng ngày càng trở nên phong phú và phức tạp. Hơn nữa, Ngân hàng TMCP Bảo Việt chưa có chính sách đào tạo phù hợp với trình độ cán bộ và đặc trưng của công tác KTNB. Đặc biệt Công nghệ thông tin là mảng mà trong Thông tư 44/2011-TTNHNN và TT13/2018 quy định “Bộ phận kiểm toán nội bộ phải có ít nhất một kiểm toán viên đủ kiến thức, trình độ, kỹ năng thực hiện kiểm soát công nghệ thông tin then chốt và kỹ thuật kiểm toán công nghệ cao”, tuy nhiên hiện nay Ngân hàng cũng chưa có những cán bộ tương tự để vận hành được công tác kiểm toán ở mảng này. Các cán bộ hầu như chưa có chứng chỉ nghề nghiệp nào liên quan đến kiểm toán hoặc kiểm toán nội bộ như CFA, ACCA, CIA, CPA... và hầu hết các cán bộ được đưa lên từ bộ phận khác trong nội bộ, chưa có chuyên môn về kiểm toán.

Nhân thức, sự phối hợp của đơn vị được kiểm toán còn hạn chế

Trên thế giới, hoạt động kiểm toán nội bộ đã có lịch sử phát triển khá lâu, tuy nhiên KTNB ở Việt Nam nói chung và Ngân hàng TMCP Bảo Việt nói riêng vẫn là một hoạt động còn xa lạ. Chính vì thế mà sự hiểu biết về vai trò, chức năng, nhiệm vụ, đóng góp của hoạt động này còn ít ỏi; vẫn có sự nhầm lẫn giữa các khái niệm kiểm tra, kiểm soát nội bộ và KTNB; các tài liệu về KTNB NHTM rất ít; chưa có nhiều chương trình đào tạo chuyên nghiệp về KTNB; các cán bộ KTNB cũng chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Đâu đó vẫn có nhận thức rằng kiểm toán nội bộ là cảnh sát trong ngân hàng, chỉ tập trung tìm ra sai lầm của các đơn vị mà chưa nhận thức về một chức năng quan trọng của kiểm toán nội bộ là tư vấn, giúp đơn vị hoạt động an toàn, hiệu quả hơn. Các cá nhân, phòng ban, chi nhánh chưa thấy hết được ưu việt và tầm quan trọng của kiểm toán nội bộ nên việc phối hợp rất lỏng lẻo, miễn cưỡng, thậm chí vì trong quá trình làm việc có nhiều sai sót nên có tâm lý che giấu, không muốn vạch áo cho người xem lưng. Do bản chất, chức năng, ý nghĩa của KTNB chưa được Ban lãnh đạo NH cũng như các nhân viên trong NH nhận thức đúng đắn và đầy đủ nên việc tổ chức thực hiện KTNB tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, việc chia sẻ thông tin giữa các bộ phận cũng chưa được quy định.

Ví dụ: hiện nay chưa có văn bản chính thức về cơ chế chia sẻ thông tin nội bộ giữa các đơn vị phụ trách giám sát rủi ro ví dụ: Khối QLRR, các đơn vị hỗ trợ Phòng Pháp chế, Ban Tài chính kế toán với các bộ phận rà soát/tuần thủ ví dụ, Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ.

Cơ cấu tổ chức còn một số vấn đề

Hoạt động của bộ phận KTKSNB chuyên trách còn chồng chéo với hoạt động của kiểm toán nội bộ. Với việc tồn tại song song hai bộ phận trên trong khi chức năng nhiệm vụ không được Ngân hàng phân tách rõ ràng sẽ dẫn đến hoạt động bị chồng lấn, thậm chí nhầm lẫn, gây ra những khó hiểu từ

việc xây dựng cơ chế chính sách, đến thực hiện công việc, làm lãng phí nguồn lực. Ví dụ điển hình là Phòng Giám sát tín dụng và Phòng Kiểm toán nội bộ cùng thực hiện lập kế hoạch cũng như tiến hành kiểm tra thực địa tại Chi nhánh đối với các nội dung nghiệp vụ phổ biến như tín dụng, ngân hàng bán lẻ, trong đó phương pháp tiếp cận là như nhau đó là cùng đi tìm lỗi sai hoặc kiểm tra tuân thủ...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 của Luận văn đã đánh giá thực trạng về tổ chức và hoạt động KTNB tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt trên các phương diện: Cơ cấu tổ chức bộ máy, Nội dung, Phương pháp tiếp cận, Quy trình kiểm toán nội bộ. Bên cạnh việc nêu ra những thành tựu mà bộ phận KTNB của Ngân hàng TMCP Bảo Việt đã đạt được, luận văn đã mạnh dạn chỉ ra những mặt hạn chế trong hoạt động KTNB và nguyên nhân gây ra những hạn chế này. Các nguyên nhân sâu xa, cốt lõi được lý giải bằng các nhân tố ảnh hưởng. Đến đây, Học viên thấy rằng nếu không kịp thời có những cải tổ, điều chỉnh sâu xa từ các vấn đề như cơ cấu tổ chức của ngân hàng, quan điểm của nhà lãnh đạo, vấn đề nhân sự và tác nghiệp giữa kiểm toán nội bộ với các đơn vị...thì hoạt động kiểm toán nội bộ vẫn sẽ tiếp tục mờ nhạt, chưa phát huy được bản chất là vòng bảo vệ thứ ba trong cơ cấu quản trị của Ngân hàng. Những đánh giá này là cơ sở để tác giả tìm ra các phương hướng nhằm hoàn thiện KTNB tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt trong chương 4 của luận văn.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI NGÂN HÀNG BẢO VIỆT

4.1. Sự cần thiết hoàn thiện kiểm toán nội bộ tại ngân hàng thương mại

Xuất phát từ định hướng của Đảng và Nhà nước: Theo đề án “ Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 – 2015” Ban hành kèm theo quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 1/3/2012 của Thủ tướng chính phủ, thì một trong những nội dung then chốt đó là: “ Đổi mới hệ thống quản trị ngân hàng phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế tiên tiến, đặc biệt tăng cường hiện đại hóa hệ thống quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ” cho giai đoạn 2012 -2015. Như vậy, để quá trình cơ cấu lại đạt hiệu quả thì một trong những giải pháp quan trọng được đưa ra là đổi mới căn bản hệ thống quản trị ngân hàng, đặc biệt nâng cao hiệu quả kiểm toán nội bộ;

Xuất phát từ Thông tư 44/2011/TT-NHNN và TT13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ tại ngân hàng thương mại. Đòi hỏi các NHTM phải xây dựng và hoàn thiện bộ máy kiểm toán nội bộ cho phù hợp;

Xuất phát từ chính nhu cầu nâng cao chất lượng và tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ NHTM. Hội nhập kinh tế toàn cầu trong lĩnh vực ngân hàng là xu hướng tất yếu. Hoạt động ngân hàng ngày càng mở rộng phạm vi địa lý, danh mục sản phẩm, ngành nghề kinh doanh, đối tác làm ăn... Sự gia tăng các loại rủi ro vì thế cũng không ngừng phát triển. Bên cạnh các rủi ro truyền thống như rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất thì phát sinh rất nhiều các rủi ro mới như rủi ro hoạt động với tình trạng xuống cấp về đạo đức. Việc quản lý các loại rủi ro này cần thiết cho sự thành công của mỗi ngân hàng. Trong bối cảnh đó, bộ phận kiểm toán nội bộ đóng vai trò là công cụ của hệ thống giám sát, đưa ra ý kiến đảm bảo bằng các loại rủi ro

sẽ được nhận diện đầy đủ, chính xác, kịp thời, được đo lường và được quản lý tối đa, giúp ngân hàng hoạt động đúng hướng, phát triển bền vững.

4.2. Định hướng hoạt động của Ngân hàng TMCP Bảo Việt trong thời gian tới

4.2.1. Định hướng và mục tiêu của các hoạt động chung

Ngân hàng TMCP Bảo Việt từ khi thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ 14/01/2009. Với tầm nhìn trở thành ngân hàng hàng đầu về chất lượng dịch vụ và giải pháp tài chính toàn diện Ngân hàng – bảo hiểm – đầu tư. Hiện tại ngân hàng cũng đã đang từng bước thực hiện đề án hợp lực toàn tập đoàn Bảo Việt. Với các sản phẩm bán chéo giữa các thành viên của Tập đoàn Bảo Việt. Tuy nhiên đối với mảng tín dụng thì hiện tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt chưa có định hướng rõ ràng là sẽ phát triển theo hướng nào. Trong khi nhiều ngân hàng TMCP khác đã chỉ rõ định hướng cụ thể của mình là gì. Điều này thể hiện rõ ở kết quả kinh doanh qua các năm không cao.

4.2.2. Định hướng hoàn thiện công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ

Cùng với mục tiêu phát triển bền vững, mở rộng kinh doanh trên nền tảng ổn định và hiệu quả, gắn tăng trưởng quy mô với việc bảo đảm an toàn trong hoạt động, đáp ứng những chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, Ngân hàng TMCP Bảo Việt cũng nỗ lực xây dựng và đổi mới hệ thống ngân hàng ngày một hiện đại, hướng đến việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đặt ra, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động. Trưởng ban kiểm soát đã đề ra định hướng đối với công tác KTNB như sau:

Ø Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát để đảm bảo tuân thủ đúng quy định của ngành ngân hàng và pháp luật;

Ø Chú trọng và rà soát đánh giá để nhận diện những đơn vị có hoạt động tiềm ẩn rủi ro cao để tăng cường nguồn lực kiểm toán những đơn vị này;

Ø Phối hợp cùng các đơn vị phòng ban Hội sở để rà soát, xây dựng lại mô hình ngân hàng để phù hợp với TT13/2018 về hệ thống kiểm soát nội bộ;

Ø Nghiên cứu và đổi mới công tác kiểm toán nội bộ sao cho phù hợp với yêu cầu của Ngân hàng nhà nước.

4.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức, hoạt động kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt

Trước tình hình cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng như hiện nay, Ngân hàng TMCP Bảo Việt phải cải cách đổi mới toàn diện, để nâng cao năng lực cạnh tranh, đứng vững và phát triển an toàn trong nền kinh tế hội nhập quốc tế. Một trong những yêu cầu cấp bách nhất trong công cuộc đổi mới là phải nâng cao chất lượng hoạt động của KTNB, trong đó luôn cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

▼ Nguyên tắc 1: Tổ chức KTNB cần phải tuân thủ pháp luật và các thông lệ quốc tế. Tổ chức KTNB tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt cần phải tuân thủ tuyệt đối pháp luật của Nhà nước với tính chất là một tổ chức cơ sở chịu sự kiểm tra thường xuyên, liên tục của NHNN. Tổ chức bộ máy, nội dung hoạt động của KTNB Ngân hàng TMCP Bảo Việt phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành đối với các TCTD về KTNB và phải áp dụng các thông lệ quốc tế về giám sát nghiệp vụ ngân hàng (theo trụ cột 2 của Basel II về quy trình đánh giá, giám sát).

▼ Nguyên tắc 2: Tổ chức bộ máy KTNB phải đảm bảo tính độc lập cao đối với mọi bộ phận của ngân hàng. Bộ phận KTNB phải có mô hình tổ chức phù hợp, cho phép KTNB thực hiện kiểm toán mọi hoạt động một cách có hiệu quả và báo cáo kết quả KTNB một cách khách quan nhất.

▼ Nguyên tắc 3: Tổ chức bộ máy KTNB phải phù hợp với đặc điểm tổ chức, đặc điểm hoạt động và mục đích yêu cầu quản lý cũng như khả năng, trình độ quản lý của ngân hàng.

▼ Nguyên tắc 4: Tổ chức bộ máy KTNB phải đảm bảo tính hiệu quả trong tổ chức hoạt động của KTNB. KTNB có ra đời, tồn tại và phát triển được hay không còn phải xem xét đến tính kinh tế và hiệu quả mà hoạt động KTNB mang lại cho ngân hàng.

4.2.4. Yêu cầu đối với công tác kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt

Trưởng ban kiểm soát đã đề ra các yêu cầu đối với công tác KTNB trong thời gian tới như sau:

- Chủ động thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của KTNB; từng bước nâng cao chất lượng công tác KTNB; đảm bảo tính độc lập, khách quan và chuyên nghiệp.

- Khẩn trương kiện toàn bộ máy tổ chức KTNB (quy hoạch, bổ nhiệm thành viên KTNB, bổ sung cán bộ đủ điều kiện cho hoạt động KTNB theo quy định và yêu cầu hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro của Ngân hàng TMCP Bảo Việt).

- Xây dựng các quy trình, sổ tay KTNB phù hợp với yêu cầu thực tế hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

- Tiếp tục rà soát các cơ chế, chính sách của Nhà nước về công tác KTNB để tổ chức thực hiện đầy đủ.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, KTNB hằng năm của Ngân hàng TMCP Bảo Việt, đảm bảo sự thống nhất về mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, sử dụng nhân lực kiểm tra, KTNB.

- Đề xuất phương án cụ thể về công tác đào tạo đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác KTNB đào tạo tại chỗ, thuê ngoài đào tạo.

4.3. Giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt

Để đạt được những mục tiêu đã đề ra, Ngân hàng TMCP Bảo Việt cần tập trung nguồn lực, huy động sức mạnh toàn hệ thống triển khai hiệu quả và đồng bộ các giải pháp, trong đó không thể thiếu việc kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ. Với thực trạng công tác KTNB còn nhiều hạn chế như đã phân tích ở chương 3 thì yêu cầu đặt ra đối với Ngân hàng TMCP Bảo Việt ngay lúc này là phải có chiến lược ổn định tổ chức, hoàn thiện nội dung, phương pháp, quy trình KTNB. Muốn vậy, Ngân hàng TMCP Bảo Việt cần thực hiện một cách đồng bộ và quyết liệt các giải pháp sau:

4.3.1. Hoàn thiện nội dung kiểm toán

Phòng kiểm toán nội bộ không nên dừng lại ở kiểm toán tuân thủ hay kiểm toán báo cáo tài chính mà tiến tới cần tập trung hơn vào kiểm toán hoạt động nhằm đánh giá hiệu quả các quy trình, khung quản trị ngân hàng, quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ. Độ bao phủ của kiểm toán nội bộ cần mở rộng ở nhiều lĩnh vực theo khuyến nghị của Ủy ban Basel và IIA, đặc biệt cần quan tâm tới các nghiệp vụ nhiều rủi ro và chưa từng được kiểm toán như Công nghệ thông tin, Kinh doanh vốn, đầu tư tài chính, từng bước tích hợp thêm các nội dung sau vào chương trình, phạm vi kiểm toán:

Ù Rà soát độc lập khung quản trị rủi ro: Về cơ bản, một Khung quản trị sẽ bao gồm các cấu phần chính sau: (1) Cơ cấu quản trị, (2) Chiến lược và khẩu vị rủi ro, (3) Quy trình và chính sách quản lý rủi ro, (4) Phương pháp đo lường, (5) Công cụ hỗ trợ và hệ thống báo cáo rủi ro. Hiện tại, Ngân hàng chưa xây dựng Khung quản trị rủi ro, hoạt động quản lý rủi ro của Ngân hàng TMCP Bảo Việt còn sơ khai, chưa đầy đủ và chỉ mới tập trung chủ yếu vào giám sát hoạt động tín dụng.

Ù Đánh giá các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản.

Ù Đánh giá hệ thống đánh giá vốn của ngân hàng trong mối tương quan với các rủi ro ước lượng của nó.

Ù Đánh giá hiệu quả và mức độ tiết kiệm của nghiệp vụ Ngân hàng.

Ù Xem xét các hệ thống đã được xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu của pháp luật, quy định về hành vi và sự áp dụng các chính sách và quy trình.

Ù Tiến hành các hoạt động điều tra đặc biệt

Trong thời gian tới, khi ngân hàng triển khai xây dựng xong các mô hình đo lường rủi ro, kiểm toán nội bộ cũng cần tham gia kiểm định độc lập để đảm bảo mô hình có thể vận hành được.

4.3.2. Hoàn thiện phương pháp tiếp cận kiểm toán

Kiên quyết thực hiện phương pháp tiếp cận kiểm toán định hướng rủi ro thay thế cho phương pháp tuân thủ bấy lâu nay được áp dụng. Phương pháp này sẽ được cụ thể hoá xuyên suốt từ khâu lập kế hoạch kiểm toán năm, cho đến lập kế hoạch cho từng cuộc kiểm toán, chương trình kiểm toán... Tuy nhiên muốn thực hiện kiểm toán định hướng rủi ro thì phải có nền tảng, cơ sở, cấu phần đánh giá rủi ro mạnh mẽ, vững chắc. Trong quá trình NH xây dựng khung quản trị, KTNB nên tích cực đồng hành cùng các nhóm dự án xây dựng phương pháp luận, thiết lập hệ thống đo lường rủi ro, tăng cường kỹ năng nhận diện, đánh giá rủi ro... để tạo cơ sở đồng bộ trong công tác KTNB sau này. Trong đó, việc hoàn thiện phương pháp đánh giá rủi ro là vô cùng quan trọng.

Trước hết, KTNB cần phải xác định, phân tích, đo lường, đánh giá rủi ro và xây dựng hồ sơ rủi ro cho từng đối tượng được kiểm toán. Hồ sơ này bao gồm toàn bộ các rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát, cũng như tác động có thể có của những rủi ro này tới hoạt động của ngân hàng và khả năng xảy ra các rủi ro. Trên cơ sở việc đánh giá về tác động và khả năng xảy ra các rủi ro, từng đối tượng (chi nhánh/nghiệp vụ/quy trình) sẽ được phân loại theo

mức độ rủi ro cao, trung bình hoặc thấp. Để hoạt động đánh giá rủi ro được tổ chức một cách khoa học, đáng tin cậy, ngân hàng nên nhanh chóng xây dựng cho mình một mô hình đánh giá rủi ro phù hợp.

4.3.3. Hoàn thiện quy trình kiểm toán nội bộ

Thứ nhất: Hoàn thiện việc lập kế hoạch kiểm toán năm

Nhằm đảm bảo hoạt động KTNB đáp ứng được mong muốn của các bên hữu quan và luôn bám sát danh mục rủi ro của ngân hàng, được tiến hành một cách hiệu quả với chi phí hợp lý, công tác lập kế hoạch kiểm toán hàng năm đóng vai trò rất lớn. Đánh giá rủi ro là bước quan trọng đầu tiên cho quy trình lập kế hoạch kiểm toán, làm cơ sở cho việc thực hiện hoạt động kiểm toán trong năm tài chính. Dựa trên kết quả đánh giá rủi ro, KTNB lập kế hoạch kiểm toán, trong đó xác định đối tượng, tần suất và nhân sự cho các cuộc kiểm toán. Những quy trình nghiệp vụ được đánh giá là có mức rủi ro cao cần được kiểm toán thường xuyên, ví dụ ít nhất một lần trong một năm. Ngoài kết quả đánh giá rủi ro, KTNB có thể dựa vào một số yếu tố khác để lập kế hoạch, chẳng hạn các vấn đề đã được phát hiện trong lần kiểm toán trước, các yêu cầu cụ thể của cấp quản lý hoặc ban kiểm soát, hoặc của cơ quan giám sát hoạt động ngân hàng. Cần thực hiện đầy đủ yêu cầu của khoản 2, điều 23 Thông tư 44/2011/TT-NHNN và khoản 2, điều 26 quyết định 969/QĐ-HĐTV-BSK là định hướng theo rủi ro và đảm bảo tính toàn diện (tất cả các quy trình nghiệp vụ, các đơn vị, bộ phận điều hành, tác nghiệp của Ngân hàng TMCP Bảo Việt đều được kiểm toán; các quy trình, đơn vị, bộ phận được đánh giá là có rủi ro thấp nhất cũng phải được kiểm toán ít nhất 03 năm một lần) Sau đó, các nội dung chính cần được trình bày trong kế hoạch kiểm toán năm bao gồm:

Một là, căn cứ xác định phạm vi kiểm toán: kết quả tóm tắt đánh giá rủi ro, kỳ vọng của các bên liên quan, yêu cầu của hội đồng quản trị, ban giám đốc,

ban kiểm soát và các yếu tố khác. Yêu cầu của hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát là một trong các yếu tố quan trọng khi xây dựng kế hoạch kiểm toán. Các yêu cầu này có thể khác với kết quả đánh giá rủi ro, tuy nhiên có thể tham khảo như một xuất phát điểm.

Hai là, phạm vi kiểm toán: các đơn vị kinh doanh sẽ được kiểm toán, tần suất hoạt động kiểm toán. Khi xác định phạm vi kiểm toán, cần làm rõ: lý do đưa đơn vị kinh doanh vào phạm vi kiểm toán, các rủi ro chính cần chú ý, mô tả sơ lược về hoạt động của đơn vị kinh doanh.

Ba là, kế hoạch về nhân sự của bộ phận kiểm toán: cập nhật thời gian có thể dành cho công việc kiểm toán của tất cả các KTVNB, và kế hoạch nhân sự trong thời gian tới căn cứ vào khối lượng công việc thực tế và ước tính), thời gian thực hiện kiểm toán tại từng đơn vị kinh doanh. Khi lập kế hoạch nhân sự, cần quan tâm đến các vấn đề như sự cần thiết phải mời các chuyên gia ngành hay thuê KTNB từ bên ngoài với các lĩnh vực đặc thù như kiểm toán công nghệ thông tin.

Thứ hai: Chỉ đạo thực hiện chuẩn hóa quy trình kiểm toán

KTVNB căn cứ vào kế hoạch và chương trình kiểm toán để thực hiện kiểm toán bằng cách phối kết hợp các thử nghiệm kiểm toán hệ thống, kiểm toán riêng lẻ cùng với các kỹ thuật nghiệp vụ để thu thập bằng chứng kiểm toán. Theo học viên, kiểm toán nội bộ nên: Thực hiện đầy đủ chức năng tư vấn, KTNB không làm chức năng của một người cảnh sát, tức là tập trung vào việc phát hiện các sai phạm, mà quan trọng hơn là ngăn ngừa các sai phạm đó, đó chính là việc KTNB thực hiện chức năng tư vấn của mình. Chức năng tư vấn là việc trên cơ sở những phát hiện trong quá trình kiểm tra, đánh giá, KTNB đề xuất và tư vấn các giải pháp để khắc phục sai sót, cải tiến và hoàn thiện hệ thống KSNB, giúp ngân hàng đạt được mục tiêu của mình. Dựa trên những sai phạm phát hiện được trong quá trình kiểm toán, bộ phận KTNB cần

đưa ra các kiến nghị một cách chi tiết. Các kiến nghị này phải gắn với các sai phạm cụ thể, chỉ định rõ cá nhân nào, bộ phận nào phải thực hiện kiến nghị, các kiến nghị phải xuất phát từ việc phân tích nguyên nhân xảy ra các sai phạm, có tính xây dựng đối với đơn vị được kiểm toán và đơn vị có khả năng thực hiện được.

4.3.4. Nâng cao trách nhiệm, sự ủng hộ của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thiết lập và vận hành một hệ thống KSNB hiệu lực, hiệu quả.

Hệ thống KSNB được cấu thành bởi ba lớp phòng vệ, trong đó kiểm toán nội bộ là lớp bảo vệ, che chắn cuối cùng trước các rủi ro xảy đến. Hoàn thiện kiểm toán nội bộ sẽ không thể chỉ quan tâm tới riêng lớp phòng vệ thứ ba này, mà trước tiên cần làm tốt, cần tăng cường sức mạnh của các tuyến phòng vệ trước đó, mà làm được điều này cần có trách nhiệm rất lớn của các lãnh đạo cấp cao. Đây chính là nhân tố có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến kiểm toán nội bộ theo kết quả phân tích nhân tố ảnh hưởng trong chương 3, vì vậy việc thay đổi nhân tố này chắc chắn sẽ đem lại kết quả khả quan, tích cực đối với kiểm toán nội bộ. Một khi ngân hàng xây dựng được nền tảng hệ thống KSNB vững chắc thì công việc của kiểm toán nội bộ sẽ bớt đi rất nhiều khó khăn. Nói một cách khác, hoàn thiện kiểm toán nội bộ chỉ có thể đạt được nếu hệ thống quản lý rủi ro ngày càng được kiện toàn, trong đó đẩy mạnh văn hoá kiểm soát, tính liêm chính, tính chính trực, sự quan tâm, sự đồng tình ủng hộ, sự nêu gương của các lãnh đạo cấp cao là giải pháp và cũng là điều kiện cực kỳ quan trọng để đảm bảo sự thành công trong vận hành hệ thống kiểm soát nói chung và kiểm toán nội bộ nói riêng. Ngoài ra, ban lãnh đạo cấp cao cũng cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, về phía hội đồng quản trị:

- Cần có sự quan tâm yêu cầu rà soát, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ một cách thường xuyên, cập nhật các thông lệ, chuẩn mực quốc tế, các yêu cầu theo quy định của Ngân hàng nhà nước.

- Có chỉ đạo xây dựng Sổ tay kiểm toán nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán nội bộ. Trong quy chế kiểm toán nội bộ cần nêu rõ trách nhiệm của KTV, chế tài đối với lương thưởng, thậm chí quy định xử phạt, kỷ luật hoặc trách nhiệm vật chất đối với KTVNB.

- Trang bị đầy đủ nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo kiểm toán nội bộ hoàn thành các nhiệm vụ.

- Quyết liệt hơn trong việc yêu cầu thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ.

- Quyết định và tạo điều kiện hơn nữa về chế độ tài chính, cơ chế tiền lương, phụ cấp và chế độ khác cho kiểm toán nội bộ.

- Cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của kiểm toán nội bộ trong toàn thể nhân viên.

Thứ hai, về phía Tổng giám đốc:

- Cần tạo điều kiện thuận lợi để kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ được giao và chỉ đạo các đơn vị phối hợp tích cực với kiểm toán nội bộ.

- Đôn đốc các đơn vị thực hiện các kiến nghị đã thống nhất với kiểm toán nội bộ, thông báo cho kiểm toán nội bộ tình hình thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với kiểm toán nội bộ.

- Thông báo kịp thời cho kiểm toán nội bộ về mọi trường hợp thua lỗ, thất thoát, gian lận trọng yếu.

- Đảm bảo kiểm toán nội bộ được thông báo đầy đủ về các thay đổi, những vấn đề phát sinh mới trong hoạt động của Ngân hàng TMCP Bảo Việt, các sản phẩm mới nhằm xác định sớm rủi ro liên quan.

- Tạo điều kiện để kiểm toán nội bộ được quyền tiếp cận, khai thác các thông tin, tài liệu, phương tiện, tài sản phục vụ cho công tác kiểm toán.
- Tạo điều kiện cho kiểm toán nội bộ tham dự các buổi hội thảo, tập huấn, đào tạo của Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Thứ ba, về phía Ban kiểm soát:

Rà soát, đánh giá để đảm bảo hiệu quả của công tác kiểm toán nội bộ, chịu trách nhiệm chính về chất lượng kiểm toán nội bộ. Để đảm bảo chất lượng của kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bảo Việt cần phải có quy trình theo dõi, đánh giá chất lượng của công tác kiểm toán nội bộ và tiến hành đánh giá nội bộ đối với hoạt động của kiểm toán nội bộ. Trước tiên, cần có sự tự đánh giá lại các hoạt động kiểm toán nội bộ vào cuối cuộc kiểm toán và tự đánh giá lại hàng năm về tổng thể hoạt động kiểm toán nội bộ. Kết quả đánh giá này phải được báo cáo Ban kiểm soát và được ghi nhận trong báo cáo thường niên theo đúng tinh thần quy định tại điều 11, Thông tư 44/2011/TT-NHNN. Quy trình đảm bảo chất lượng cần nêu trình tự các bước cụ thể và các tiêu chí đánh giá hoạt động KTNB vào cuối mỗi cuộc kiểm toán và đánh giá hàng năm về tổng thể hoạt động KTNB. Muốn vậy, ban lãnh đạo cấp cao cũng cần chỉ đạo xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả công việc của Kiểm toán nội bộ (KPI). Việc xây dựng một bộ tiêu chí đánh giá kết quả công việc của kiểm toán nội bộ để đánh giá một cách cụ thể những đóng góp của kiểm toán nội bộ, mặt mạnh, điểm yếu từ đó ngày càng hoàn thiện phương pháp, nội dung, quy trình cũng như những đóng góp của kiểm toán nội bộ nhằm mang lại giá trị tăng thêm cho ngân hàng. Đây cũng là căn cứ quan trọng để thực hiện chế độ lương, thưởng đối với kiểm toán nội bộ một cách phù hợp. Ngoài ra, định kỳ, NH nên thuê đơn vị độc lập đánh giá toàn bộ hoạt động kiểm toán nội bộ hoặc đánh giá riêng lẻ từng chức năng cụ thể của kiểm toán nội bộ, từ đó thấy được chất lượng, hiệu quả thực sự của bộ phận để định

hướng phát triển cho phù hợp. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thường xuyên hoàn thiện quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ trình HĐQT phê duyệt. Ví dụ, nên sớm thực hiện ban hành sổ tay kiểm toán.

4.3.5. Tăng cường sự phối hợp của các đơn vị được kiểm toán

Bản thân các đơn vị cần nhận thức rằng, kiểm toán nội bộ hành động vì lợi ích chung của toàn ngân hàng nên phải tạo mọi điều kiện tối đa cho các KTV nội bộ thực hiện chức trách của mình, ví dụ như:

- Nhân viên và lãnh đạo của đơn vị tạo mọi điều kiện để KTNB truy cập một cách không hạn chế vào cơ sở dữ liệu của đơn vị, không che dấu số liệu.
- Giữ thái độ cởi mở, có tính xây dựng cao, luôn đáp ứng các yêu cầu của KTNB về tài liệu, hồ sơ, thông tin.
- Có sự trao đổi thẳng thắn, nghiêm túc, không né tránh với KTV trước các vấn đề cần khắc phục.
- Có thái độ tích cực trước các phát hiện của KTV và luôn cầu thị, mong muốn sửa chữa các khuyết điểm của đơn vị.
- Chấp nhận ký các biên bản kiểm toán một cách vô điều kiện nếu đó là những kết luận rất trung thực, khách quan của đoàn kiểm toán.
- Tìm mọi biện pháp để sửa chữa các khuyết điểm trong thời gian sau kiểm toán theo khuyến nghị của KTV...

Ngược lại, về phía bộ phận kiểm toán nội bộ cũng dần dần phải thay đổi định hướng hoạt động của mình thiên về tư vấn cho các đơn vị, tránh sa đà vào việc chỉ tìm kiếm các lỗi sai của đơn vị, từ đó dần dần cải thiện nhận thức của các đơn vị về hoạt động của kiểm toán nội bộ thì mới nhận được sự hợp tác tốt từ các đơn vị được kiểm toán. Có thể nói, thay đổi ý thức của một đối tượng là một quá trình lâu dài và cần có sự tương tác, hỗ trợ, thấu hiểu,

tôn trọng giữa các bên liên quan. Phòng KTNB cần duy trì được mối quan hệ mật thiết với các phòng ban khác.

4.3.6. Kiện toàn về nhân sự

Thực tế nhân sự tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt đều là những người đã có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng. Tuy nhiên hạn chế là chuyên môn về kiểm toán không đồng đều, các KTV hầu hết được điều chuyển từ các phòng ban khác sang, chưa có nền tảng về phương pháp, cách thức làm việc về công tác kiểm toán nội bộ. Để đáp ứng yêu cầu mới của ngân hàng nhà nước về kiểm toán nội bộ thì Phòng kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt cần có kế hoạch đào tạo định kỳ cho các kiểm toán viên.

Với quy mô hoạt động ngày càng mở rộng. Số lượng các Chi nhánh và điểm giao dịch không ngừng tăng qua các năm. Với số lượng KTV hiện tại không thể đáp ứng được. BKS và HĐQT cũng cần có kế hoạch nâng định biên nhân sự và có kế hoạch tuyển dụng thêm KTV để đáp ứng khối lượng công việc ngày càng tăng thêm.

Hiện tại nhân sự cho mảng kiểm toán công nghệ thông tin cũng chưa có để đáp ứng yêu cầu của ngân hàng nhà nước thì Ngân hàng TMCP Bảo Việt cần khẩn trương tuyển đủ để đáp ứng yêu cầu của ngân hàng Nhà Nước.

4.3.7. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức bộ máy có khoa học, hiệu quả, ổn định thì mới tạo điều kiện thuận lợi cho mỗi cá nhân, mỗi bộ phận phát huy được năng lực cao nhất đóng góp vào sự hoàn thành mục tiêu chung của tổ chức. Vì lẽ đó, BAOVIET Banh cần:

- Hoàn thiện hệ thống KSNB theo chuẩn mực, nguyên tắc và thông lệ quốc tế cộng với quy định tại thông tư 13/2018/TT-NHNN. cụ thể:

- Hoàn thiện môi trường kiểm soát:

 - Tăng cường tính trung thực, liêm chính, các cam kết mạnh mẽ của Ban lãnh đạo để hình thành nền tảng văn hoá của bản thân Ngân hàng.

Ù Phải đảm bảo tính độc lập giữa HĐQT và Ban điều hành, đảm bảo nguyên tắc bốn mắt trong quản lý, tạo môi trường minh bạch để thuận lợi cho nhà đầu tư.

Ù Tăng cường, hoàn thiện về tính đầy đủ và chất lượng của các quy trình, chính sách, thủ tục trong NH để đảm bảo bộ máy được vận hành trơn tru, hiệu quả.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý và đánh giá rủi ro: thiết kế và vận hành các chốt kiểm soát đảm bảo phòng ngừa, hạn chế các nguy cơ xảy ra đối với hệ thống, từ đó có nền tảng vững mạnh để kiểm toán nội bộ có thể vận hành một cách phù hợp.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ chế trao đổi thông tin: Tăng cường sức mạnh cho hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt khả năng chiết xuất báo cáo phục vụ kiểm toán nội bộ có được thông tin thuận lợi, chính xác.

- Cần làm rõ, tách bạch chức năng nhiệm vụ của kiểm tra kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, tránh chồng chéo: Thông tư 44 quy định nhiệm vụ của Bộ phận kiểm toán nội bộ là : “ **kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, hoạt động của TCTD dựa trên mức độ rủi ro và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của TCTD**”. Bộ phận KTKSNB chuyên trách (bộ phận tuân thủ) cần tập trung hơn vào công tác giám sát từ xa, chú trọng đến những giao dịch bất thường, tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Ban tổng giám đốc, góp phần bảo vệ uy tín, hình ảnh của bản thân TCTD. Một ví dụ rất đơn giản để thấy được sự khác biệt của hệ thống KTKSNB và kiểm toán nội bộ là: Khi khách hàng có nhu cầu chuyển tiền, bộ phận KTKSNB kiểm tra xem yêu cầu chuyển tiền có vi phạm luật phòng chống rửa tiền hay không. Đây là công việc thường xuyên, hàng ngày của bộ phận KTKSNB. Đối với Kiểm toán nội bộ, trách nhiệm chính là đánh giá xem quy trình phòng chống rửa tiền của Ngân hàng đã hợp lý chưa, còn lỗ hổng nào không, cần phải sửa đổi, bổ sung nội dung nào trong

quy trình...Chỉ khi nào nhận thức được chính xác chức năng, nhiệm vụ của hai bộ phận này thì sẽ giảm thiểu được sự chồng chéo, lẫn lộn về công việc như trong thời gian qua.

4.4. Kiến nghị nhằm hoàn thiện kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP

Bảo Việt

4.4.1. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước

Với việc ra đời của TT44/2011/TT-NHNN và TT13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Các nội dung của TT13/2018 đã cơ bản tiệm cận các thông lệ quốc tế, Tuy nhiên cả hai thông tư này đều rất chung chung, nhiều nội dung khi đọc xong các ngân hàng không biết triển khai như thế nào. Để cho các ngân hàng triển khai tốt các nội dung của TT13/2018 Ngân hàng Nhà nước cần có những sửa đổi bổ sung và hướng dẫn chi tiết hơn để tạo điều kiện hơn nữa cho kiểm toán nội bộ hoạt động hữu hiệu, cụ thể là:

- Cần sớm thống nhất ban hành hướng dẫn về quản lý rủi ro, cách đánh giá rủi ro, các bước thực hiện và cách chấm điểm cụ thể;

- Cần quy định cụ thể hơn trách nhiệm của từng cá nhân như Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng thành viên, Trưởng ban BKS, Tổng giám đốc...về việc phải thiết lập và vận hành hệ thống KSNB hữu hiệu. Nếu hệ thống này không được thiết kế và hoạt động hiệu quả, bị vô hiệu hoá, xảy ra tổn thất thì chế tài với các cá nhân đó là gì. Việc quy định đích danh trách nhiệm của các cá nhân sẽ làm cho các quy định có tính thực tế hơn, là động lực để các lãnh đạo chủ chốt tăng cường nỗ lực cao nhất hoàn thiện hệ thống KSNB nói chung, kiểm toán nội bộ nói riêng.

- Cũng cần phải quy định rõ, nếu Kiểm toán nội bộ bằng những nghiệp vụ kiểm toán cơ bản mà không phát hiện ra các sai phạm trong quy trình, gây tổn thất cho ngân hàng thì cũng phải chịu chế tài xử phạt, gánh một phần trách nhiệm vật chất trong tổn thất của đơn vị.

- Cần quy định về việc các KTVNB phải nâng cao trình độ, phải có chứng chỉ hành nghề kiểm toán, nếu chưa có chứng chỉ, bằng cấp tương xứng thì chỉ được làm trợ lý kiểm toán...

- Ngân hàng Nhà nước nên mở các lớp đào tạo về phương pháp và cách thức triển khai công tác kiểm toán nội bộ.

4.4.2. Kiến nghị với Chính phủ và với cơ quan quản lý nhà nước

Thứ nhất, Chính phủ cần hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động KTNB ở Việt Nam, cần phải xây dựng một hệ thống các văn bản pháp luật đồng bộ, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động KTNB. Rõ ràng trong thời gian qua, nếu như Kiểm toán Nhà nước và Kiểm toán độc lập đã nhận được sự quan tâm phát triển và do đó gặt hái được nhiều thành tựu thì loại hình KTNB chưa được quan tâm thích đáng. Quốc hội đã xây dựng và ban hành Luật kiểm toán độc lập, Luật Kiểm toán Nhà nước, tuy nhiên đối với kiểm toán nội bộ thì chưa

Thứ hai, cho tới thời điểm này ở Việt Nam chưa có một tổ chức nghề nghiệp nào về KTNB. Do đó, Chính phủ và Bộ tài chính cần khuyến khích sự phát triển của KTNB, chẳng hạn như thành lập hiệp hội KTVNB, tổ chức các chương trình đào tạo chuyên nghiệp về KTNB, tổ chức thi và cấp chứng chỉ về KTNB cho các KTVNB. Chính phủ cần xem xét những chuẩn mực KTNB quốc tế và xây dựng chuẩn mực KTNB cho Việt Nam phù hợp với các thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, Chính phủ và Bộ tài chính cũng cần có những quy định về chế độ đãi ngộ đối với những người làm công tác KTNB, ví dụ như chế độ tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp...nhằm tạo ra sức hút đối với nghề KTNB và tạo cho KTNB có một vị thế nhất định trong doanh nghiệp cũng như trong các NHTM.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Từ thực trạng về hoạt động KTNB tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt ở chương 3, trên cơ sở phân tích những hạn chế và nguyên nhân dẫn đến hạn chế của KTNB, đặc biệt là việc đo lường các nhân tố ảnh hưởng, dựa trên định hướng và mục tiêu của Ngân hàng TMCP Bảo Việt trong thời gian tới, chương 4 của luận văn đã đề xuất một số giải pháp và đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện KTNB tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt nói riêng và các NHTM nói chung .

KẾT LUẬN

Do đặc điểm của lĩnh vực kinh doanh, nên trong quá trình kinh doanh tiềm ẩn nhiều rủi ro, chính vì thế mà NHTM cần xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ vững mạnh để kiểm soát tốt các rủi ro. Trong đó Kiểm toán nội bộ là một cấu phần không thể thiếu, vốn được xem là tầng bảo vệ thứ ba, chốt chặn cuối cùng giúp phòng ngừa, hạn chế rủi ro. Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra các sai phạm dẫn đến các tổn thất cho ngân hàng. Vì vậy, để ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả thì đòi hỏi các NHTM và Ngân hàng TMCP Bảo Việt không ngừng hoàn thiện tổ chức và hoạt động KTNB. Đến nay, Học viên đã hoàn thành đề tài luận văn: **“Hoàn thiện kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt”**. Học viên xin tổng kết về quá trình nghiên cứu của mình như sau:

(1) Tìm hiểu các văn bản pháp lý cho hoạt động kiểm toán nội bộ nói chung và cho hoạt động KTNB tại ngân hàng TMCP nói riêng. Ngoài ra kết hợp với việc tìm hiểu tình hình nghiên cứu của các tác giả trong nước, các phương pháp tiếp cận của mỗi một tác giả, để từ đó hiểu được cách tiếp cận đối với đề tài cần nghiên cứu.

(2) Tìm hiểu những vấn đề lý thuyết cơ bản về KTNB trong NHTM, đồng thời trình bày quan điểm về hoàn thiện KTNB trong NHTM, làm rõ các nhân tố ảnh hưởng tới kiểm toán nội bộ, nhận định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố để từ đó xây dựng hệ thống giải pháp, kiến nghị một cách phù hợp nhất.

(3) Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết, Học viên đã tiến hành đánh giá thực trạng KTNB tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt về các vấn đề chính (cơ cấu tổ chức, nội dung, phương pháp tiếp cận, quy trình kiểm toán nội bộ) thông qua bảng hỏi và phân tích. Qua nghiên cứu có thể thấy công tác KTNB tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt đã đạt được một số kết quả nhất định, nhưng bên

cạnh đó vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Những hạn chế đó không chỉ của riêng Ngân hàng TMCP Bảo Việt mà còn là vấn đề của rất nhiều NHTM khác ở Việt Nam.

(4) Từ việc chỉ ra các hạn chế cũng như các nguyên nhân dẫn đến các hạn chế đó, Luận văn đã đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện KTNB tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, học viên hi vọng kết quả nghiên cứu của mình có thể góp phần nhỏ bé vào sự hoàn thiện KTNB của Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Mặc dù còn những hạn chế nhất định nhưng Luận văn vẫn đảm bảo giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu đặt ra ban đầu và trả lời được toàn bộ câu hỏi nghiên cứu của mình. Trong quá trình thực hiện luận văn, Học viên nhận được rất nhiều sự giúp đỡ, chỉ bảo đặc biệt tận tình của giảng viên hướng dẫn: **TS Vũ Thị Thanh Thủy** cũng như các anh chị em ở tại đơn vị công tác. Học viên xin chân thành cảm ơn Giảng viên hướng dẫn và tất cả mọi người đã giúp học viên hoàn thành luận văn này. Mặc dù có nhiều nỗ lực, cố gắng trong nghiên cứu một cách độc lập, nghiêm túc, nhưng do kinh nghiệm của bản thân còn hạn chế nên luận văn sẽ còn nhiều thiếu sót. Học viên rất mong nhận được sự chỉ dẫn, góp ý của các thầy cô giáo, các bạn đồng nghiệp...để luận văn của mình được hoàn thiện hơn.

Hà Nội, ngày... tháng ... năm 2019

Học viên

Giang Lương Kiên

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU THAM KHẢO TIẾNG VIỆT

1. Báo cáo kiểm toán độc lập dạng tóm tắt – Ngân hàng TMCP Bảo Việt các năm 2015;2016;2017
2. Báo cáo thường niên 2017 Ngân hàng TMCP Bảo Việt
3. Hệ thống các chuẩn mực kiểm toán nội bộ của IIA
4. Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12
5. Nghị định 05/2019/NĐ-CP. *Về kiểm toán nội bộ*
6. Nghị quyết số 515/2015/NQ-HĐQT về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Bảo Việt
7. Quy chế số 804/2015/QC-HĐQT về kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt
8. Thông tư 44/2011/TT-NHNN. *Quy định về hệ thống KSNB và KTNB của các TCTD, chi nhánh NH nước ngoài.*
9. Thông tư 13/2018/TT-NHNN. *Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*
10. Tài liệu đào tạo hội nhập BVB năm 2018
11. Văn bản hợp nhất 07/VBHN-VPQH 2017 Luật Các tổ chức tín dụng

PHỤ LỤC 01

Phiếu điều tra quan điểm nhân viên về thực trạng kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

PHIẾU ĐIỀU TRA QUAN ĐIỂM NHÂN VIÊN VỀ THỰC TRẠNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT

Xin chào quý anh (chị)! Tôi là học viên của trường Đại học Lao động – Xã hội. Hiện nay, tôi đang nghiên cứu về đề tài “ Hoàn thiện kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt”.

Ý kiến của quý anh (chị) sẽ là những đóng góp vô cùng quý giá đối với bài nghiên cứu của tôi. Toàn bộ thông tin thu được sẽ được bảo mật và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu. Rất mong sự giúp đỡ của quý anh/chị. Tôi xin chân thành cảm ơn!

Phần 1: Thông tin cá nhân

(Xin anh (chị) vui lòng đánh dấu hoặc **X** vào ô trống thích hợp nhất)

1. Giới tính: Nam Nữ
2. Độ tuổi: Từ 18-22 Từ 23-30 >30
3. Trình độ học vấn:
 Trung cấp, Cao đẳng Đại học Trên Đại học
4. Vị trí công tác:
 Kiểm toán viên Trưởng nhóm kiểm toán
5. Số năm công tác:
 ≤ 1 năm Từ 1- 3 năm 3-5 năm >5 năm

Phần 2: Nội dung khảo sát

Câu 1: Xin anh/chị cho biết mức độ đồng ý của mình về các phát biểu sau đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô số mà anh/chị cho là phản ánh đúng nhất ý kiến của mình trong các câu hỏi, tương ứng theo mức độ:

- (1) = Hoàn toàn sai
- (2) = Phần lớn sai
- (3) = Phần lớn đúng
- (4) = Hoàn toàn đúng

| Lập kế hoạch kiểm toán | Các phương án trả lời (%) | | | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|
| | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng |
| 1. Bộ phận kiểm toán có xây dựng kế hoạch kiểm toán hàng năm | | | | |
| 2. Bộ phận kiểm toán nội bộ có thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro hàng năm để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch kiểm toán, xác định tần suất kiểm toán và xây dựng chương trình kiểm toán. | | | | |
| 3. Việc đánh giá rủi ro khi lập kế hoạch kiểm toán có được quy định, hướng dẫn bằng văn bản. | | | | |
| 4. Rủi ro sau khi được xác định có được ghi nhận trong hồ sơ kiểm toán | | | | |
| 5. Kiểm toán nội bộ có thể bao quát tất cả các đơn vị và các vấn đề trong ngân hàng | | | | |
| 6. Việc lập kế hoạch kiểm toán năm dựa trên chu trình: Xác định danh mục đối tượng kiểm toán, xác định mục tiêu kiểm toán, xác định danh mục rủi ro | | | | |

Câu 2: Xin anh/chị cho biết mức độ đồng ý của mình về các phát biểu sau đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô số mà anh/chị cho là phản ánh đúng nhất ý kiến của mình trong các câu hỏi, tương ứng theo mức độ:

- (1) = Không bao giờ
- (2) = Hiếm khi
- (3) = Thỉnh thoảng
- (4) = Thường xuyên

| Các nguồn thông tin | Các phương án trả lời (%) | | | |
|---------------------------------------------------|---------------------------|----------|--------------|--------------|
| | Không bao giờ | Hiếm khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên |
| Lấy từ bộ phận quản lý rủi ro | | | | |
| Từ các phòng ban nghiệp vụ thông qua bảng câu hỏi | | | | |
| Từ xét đoán của bản thân bộ phận kiểm toán | | | | |

Câu 3: Xin anh/ chị cho biết phương pháp đo lường rủi ro của kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt hiện nay là gì? Bằng cách đánh dấu (x) vào ô số mà anh/chị cho là thực tế đang diễn ra tại đơn vị.

| | Định tính | Định lượng |
|-----------------------------|------------------|-------------------|
| Phương pháp đo lường rủi ro | | |

Câu 4: Xin anh/chị cho biết mức độ đồng ý của mình về các phát biểu sau đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô số mà anh/chị cho là phản ánh đúng nhất ý kiến của mình trong các câu hỏi, tương ứng theo mức độ:

- (1) = Không bao giờ
- (2) = Hiếm khi
- (3) = Thỉnh thoảng
- (4) = Thường xuyên

| Các công cụ đánh giá | Mức độ sử dụng | | | |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|---------------------|---------------------|
| | Không bao giờ | Hiếm khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên |
| Ma trận rủi ro | | | | |
| Tính điểm rủi ro | | | | |
| Bảng câu hỏi về rủi ro đối với các đơn vị kinh doanh | | | | |
| Đo lường rủi ro trên hai phương diện: khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng | | | | |

Câu 5: Xin anh/chị cho biết mức độ đồng ý của mình về các phát biểu sau đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô số mà anh/chị cho là phản ánh đúng nhất ý kiến của mình trong các câu hỏi, tương ứng theo mức độ:

- (1) = Hoàn toàn sai
- (2) = Phần lớn sai
- (3) = Phần lớn đúng
- (4) = Hoàn toàn đúng

| Thực hiện kiểm toán | Các phương án trả lời (%) | | | |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|
| | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng |
| Phòng KTNB có lập kế hoạch kiểm toán chi tiết cho mỗi cuộc kiểm toán | | | | |
| Phòng KTNB có lập chương trình kiểm toán cho từng quy trình nghiệp vụ | | | | |
| Phòng KTNB thường áp dụng phương pháp kiểm toán " theo định hướng rủi ro" | | | | |
| Phòng KTNB thường áp dụng phương pháp kiểm toán tuân thủ | | | | |
| Phòng KTNB có sử dụng phần mềm kiểm toán cho hoạt động kiểm toán | | | | |
| Kỹ năng công nghệ thông tin của anh chị là rất thành thạo | | | | |

Câu 6: Xin anh/chị cho biết mức độ đồng ý của mình về các phát biểu sau đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô số mà anh/chị cho là phản ánh đúng nhất ý kiến của mình trong các câu hỏi, tương ứng theo mức độ:

- (1) = Hoàn toàn sai
- (2) = Phần lớn sai
- (3) = Phần lớn đúng
- (4) = Hoàn toàn đúng

| Việc lập báo cáo kiểm toán | Các phương án trả lời (%) | | | |
|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|
| | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng |
| Trong các báo cáo có phân tích nguyên nhân của các sai phạm | | | | |
| Báo cáo kiểm toán được văn bản hóa, có tính liên quan và đầy đủ | | | | |
| Trong báo cáo có kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và xử lý vi phạm | | | | |
| Nội dung của kiến nghị chi tiết cụ thể | | | | |

Câu 7: Xin anh/chị cho biết mức độ đồng ý của mình về các phát biểu sau đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô số mà anh/chị cho là phản ánh đúng nhất ý kiến của mình trong các câu hỏi, tương ứng theo mức độ:

- (1) = Hoàn toàn sai
- (2) = Phần lớn sai
- (3) = Phần lớn đúng
- (4) = Hoàn toàn đúng

| Các vấn đề | Các phương án trả lời (%) | | | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|
| | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng |
| Sai phạm liên quan đến tuân thủ các quy định của quy định nội bộ | | | | |
| Sai phạm liên quan đến tuân thủ các quy định của pháp luật | | | | |
| Đánh giá hệ thống thủ tục kiểm soát thiết lập trong từng hoạt động, phát hiện các nguyên nhân sâu xa mang tính hệ thống | | | | |

Câu 8: Xin anh/chị cho biết mức độ đồng ý của mình về các phát biểu sau đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô số mà anh/chị cho là phản ánh đúng nhất ý kiến của mình trong các câu hỏi, tương ứng theo mức độ:

- (1) = Không bao giờ
- (2) = Hiếm khi
- (3) = thỉnh thoảng
- (4) = Thường xuyên

| Việc giám sát các kiến nghị | Mức độ thực hiện (%) | | | |
|-----------------------------------------|----------------------|----------|--------------|--------------|
| | Không bao giờ | Hiếm khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên |
| Có, ngay sau khi kết thúc đợt kiểm toán | | | | |
| Có, vào đợt kiểm toán sau | | | | |
| Có, vào năm sau | | | | |
| Không theo dõi | | | | |

Câu 9: Theo anh chị, các nhân tố và tiêu nhân tố sau đây có ảnh hưởng tới kết quả kiểm toán không, nếu có thì ở mức độ như thế nào?

| Các nhân tố | Mức độ thực hiện (%) | | | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|---------------|-----------------|
| | Ảnh hưởng rất ít | Ảnh hưởng bình thường | Ảnh hưởng lớn | Không ảnh hưởng |
| (1) Môi trường kinh tế | | | | |
| Môi trường kinh tế bất ổn | | | | |
| (2) Môi trường xã hội | | | | |
| Đạo đức xã hội | | | | |
| (3) Môi trường pháp lý | | | | |
| Tính đồng bộ, khoa học của hệ thống pháp luật, tính đầy đủ, thống nhất của văn bản dưới luật | | | | |
| (4) Sự ủng hộ của của ban lãnh đạo | | | | |
| Phản ứng, thái độ trước các phát hiện của kiểm toán | | | | |
| Cam kết đào tạo KTV cập nhật các kiến thức, kỹ năng, chuẩn hóa nội dung kiểm toán, thực hiện phương pháp tiếp cận kiểm toán hiện đại | | | | |
| (5) Sự phối hợp từ đơn vị kiểm toán | | | | |
| Trình độ chuyên môn của đơn vị được kiểm toán | | | | |
| Thái độ của đơn vị được kiểm toán | | | | |
| Mức độ phối hợp | | | | |
| (6) Trình độ, năng lực của KTV | | | | |
| Trình độ chuyên môn về nghiệp vụ | | | | |
| Kỹ năng kiểm toán | | | | |

| | | | | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| Trình độ tin học, ngoại ngữ | | | | |
| Kỹ năng làm việc theo nhóm | | | | |
| Kinh nghiệm thâm niên | | | | |
| Luân chuyển KTV nội bộ trong phòng kiểm toán để đảm bảo tính độc lập | | | | |
| (7) Cơ cấu tổ chức | | | | |
| Chính sách, thủ tục, quy trình hoạt động ngân hàng rõ ràng, đầy đủ, cập nhật | | | | |
| Chính sách, quy định về tổ chức, hoạt động của KTNB rõ ràng, đầy đủ, cụ thể | | | | |
| Ngân sách dành cho hoạt động kiểm toán nội bộ được quy định rõ ràng, đảm bảo hoạt động chính thức, lâu dài, bền vững | | | | |

PHỤ LỤC 02

Tổng hợp kết quả khảo sát tại phòng kiểm toán nội bộ và Ban kiểm soát ngân hàng TMCP Bảo Việt

| Lập kế hoạch kiểm toán | Các phương án trả lời (số lượng) | | | | Các phương án trả lời (%) | | | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------|---------------|----------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|
| | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng |
| Bộ phận kiểm toán có xây dựng kế hoạch kiểm toán hàng năm | 0 | 0 | 0 | 8 | 0% | 0% | 0% | 100% |
| Bộ phận kiểm toán nội bộ có thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro hàng năm để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch kiểm toán, xác định tần suất kiểm toán và xây dựng chương trình kiểm toán. | 0 | 7 | 1 | 0 | 0% | 87,5 % | 12,5% | 0% |
| Việc đánh giá rủi ro khi lập kế hoạch kiểm toán có được quy định, hướng dẫn bằng văn bản. | 8 | 0 | 0 | 0 | 100% | 0% | 0% | 0% |
| Rủi ro sau khi được xác định có được ghi nhận trong hồ sơ kiểm toán | 8 | 0 | 0 | 0 | 100% | 0% | 0% | 0% |
| Kiểm toán nội bộ có thể bao quát tất cả các đơn vị và các vấn đề trong ngân hàng | 8 | 0 | 0 | 0 | 100% | 0% | 0% | 0% |

| | | | | | | | | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|---------------------|---------------------|----------------------------------|-----------------|---------------------|---------------------|
| Việc lập kế hoạch kiểm toán năm dựa trên chu trình: Xác định danh mục đối tượng kiểm toán, xác định mục tiêu kiểm toán, xác định danh mục rủi ro | 8 | 0 | 0 | 0 | 100% | 0% | 0% | 0% |
| Nguồn thông tin để bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện đánh giá rủi ro | | | | | | | | |
| Các nguồn thông tin | Các phương án trả lời (số lượng) | | | | Các phương án trả lời (%) | | | |
| | Không bao giờ | Hiếm khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên | Không bao giờ | Hiếm khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên |
| Lấy từ bộ phận quản lý rủi ro | 0 | 8 | 0 | 0 | 0% | 100% | 0% | 0% |
| Từ các phòng ban nghiệp vụ thông qua bảng câu hỏi | 0 | 5 | 3 | 0 | 0% | 62,5% | 37,5% | 0% |
| Từ xét đoán của bản thân bộ phận kiểm toán | 0 | 0 | 0 | 8 | 0% | 0% | 0% | 100% |
| Thực trạng sử dụng các công cụ đánh giá định lượng tại ngân hàng | | | | | | | | |
| Các công cụ đánh giá | Các phương án trả lời (số lượng) | | | | Các phương án trả lời (%) | | | |
| | Không bao giờ | Hiếm khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên | Không bao giờ | Hiếm khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên |
| Ma trận rủi ro | 8 | 0 | 0 | 0 | 100% | 0% | 0% | 0% |
| Tính điểm rủi ro | 8 | 0 | 0 | 0 | 100% | 0% | 0% | 0% |
| Bảng câu hỏi về rủi ro đối với các đơn vị kinh doanh | 0 | 7 | 1 | 0 | 0% | 87,5% | 12,5% | 0,0% |

| Đo lường rủi ro trên hai phương diện: khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng | 8 | 0 | 0 | 0 | 100% | 0% | 0% | 0% |
|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------|---------------|----------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|
| Đánh giá việc thực hiện kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng Bảo Việt | | | | | | | | |
| Thực hiện kiểm toán | Các phương án trả lời (số lượng) | | | | Các phương án trả lời (%) | | | |
| | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng |
| Phòng KTNB có lập kế hoạch kiểm toán chi tiết cho mỗi cuộc kiểm toán | 0 | 0 | 0 | 8 | 0,0% | 0,0% | 0,0% | 100,0 % |
| Phòng KTNB có lập chương trình kiểm toán cho từng quy trình nghiệp vụ | 8 | 0 | 0 | 0 | 100,0 % | 0,0% | 0,0% | 0,0% |
| Phòng KTNB thường áp dụng phương pháp kiểm toán " theo định hướng rủi ro" | 1 | 7 | 0 | 0 | 12,5% | 87,5 % | 0,0% | 0,0% |
| Phòng KTNB thường áp dụng phương pháp kiểm toán tuân thủ | 0 | 1 | 6 | 1 | 0,0% | 12,5 % | 75,0% | 12,5% |
| Phòng KTNB có sử dụng phần mềm kiểm toán cho hoạt động kiểm toán | 8 | 0 | 0 | 0 | 100,0 % | 0,0% | 0,0% | 0,0% |

| | | | | | | | | |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------|----------------------|-----------------------|
| Kỹ năng công nghệ thông tin của anh chị là rất thành thạo | 2 | 5 | 1 | 0 | 25,0% | 62,5% | 12,5% | 0,0% |
| Đánh giá việc lập báo cáo kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt | | | | | | | | |
| Việc lập báo cáo kiểm toán | Các phương án trả lời (số lượng) | | | | Các phương án trả lời (%) | | | |
| | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng |
| Trong các báo cáo có phân tích nguyên nhân của các sai phạm | 0 | 8 | 0 | 0 | 0,0% | 100,0% | 0,0% | 0,0% |
| Báo cáo kiểm toán được văn bản hóa, có tính liên quan và đầy đủ | 0 | 0 | 0 | 8 | 0,0% | 0,0% | 0,0% | 100,0% |
| Trong báo cáo có kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và xử lý vi phạm | 0 | 0 | 0 | 8 | 0,0% | 0,0% | 0,0% | 100,0% |
| Nội dung của kiến nghị chi tiết cụ thể | 0 | 8 | 0 | 0 | 0,0% | 100,0% | 0,0% | 0,0% |
| Những kiến nghị chủ yếu | | | | | | | | |
| Các vấn đề | Các phương án trả lời (số lượng) | | | | Các phương án trả lời (%) | | | |
| | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng | Hoàn toàn sai | Phần lớn sai | Phần lớn đúng | Hoàn toàn đúng |

| | | | | | | | | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------|------------------------------|----------------------|----------------------------------|-------------------------|------------------------------|----------------------|
| Sai phạm liên quan đến tuân thủ các quy định của quy định nội bộ | 0 | 0 | 8 | 0 | 0,0% | 0,0% | 100,0% | 0,0% |
| Sai phạm liên quan đến tuân thủ các quy định của pháp luật | 0 | 8 | 0 | 0 | 0,0% | 100,0% | 0,0% | 0,0% |
| Đánh giá hệ thống thủ tục kiểm soát thiết lập trong từng hoạt động, phát hiện các nguyên nhân sâu xa mang tính hệ thống | 8 | 0 | 0 | 0 | 100,0% | 0,0% | 0,0% | 0,0% |
| Thực trạng bộ phận kiểm toán giám sát các kiến nghị của mình | | | | | | | | |
| Việc giám sát các kiến nghị | Các phương án trả lời (số lượng) | | | | Các phương án trả lời (%) | | | |
| | Không bao giờ | Hiếm khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên | Không bao giờ | Hiếm khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên |
| Có, ngay sau khi kết thúc đợt kiểm toán | 0 | 0 | 5 | 3 | 0,0% | 0,0% | 62,5% | 37,5% |
| Có, vào đợt kiểm toán sau | 8 | 0 | 0 | 0 | 100,0% | 0,0% | 0,0% | 0,0% |
| Có, vào năm sau | 8 | 0 | 0 | 0 | 100,0% | 0,0% | 0,0% | 0,0% |
| Không theo dõi | 8 | 0 | 0 | 0 | 100,0% | 0,0% | 0,0% | 0,0% |
| Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt | | | | | | | | |
| Việc giám sát các kiến nghị | Các phương án trả lời (số lượng) | | | | Các phương án trả lời (%) | | | |
| | Không ảnh hưởng | Ảnh hưởng rất ít | Ảnh hưởng bình thường | Ảnh hưởng lớn | Không ảnh hưởng | Ảnh hưởng rất ít | Ảnh hưởng bình thường | Ảnh hưởng lớn |

| | | | | | | | | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|------|-------|-------|-------|
| (1) Môi trường kinh tế | 0 | 6 | 2 | 0 | 0,0% | 75,0% | 25,0% | 0,0% |
| Môi trường kinh tế bất ổn | 0 | 6 | 2 | 0 | 0,0% | 75,0% | 25,0% | 0,0% |
| (2) Môi trường xã hội | 0 | 6 | 2 | 0 | 0,0% | 75,0% | 25,0% | 0,0% |
| Đạo đức xã hội | 0 | 6 | 2 | 0 | 0,0% | 75,0% | 25,0% | 0,0% |
| (3) Môi trường pháp lý | 0 | 0 | 2 | 6 | 0,0% | 0,0% | 25,0% | 75,0% |
| Tính đồng bộ, khoa học của hệ thống pháp luật, tính đầy đủ, thống nhất của văn bản dưới luật | 0 | 0 | 2 | 6 | 0,0% | 0,0% | 25,0% | 75,0% |
| (4) Sự ủng hộ của của ban lãnh đạo | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Phản ứng, thái độ trước các phát hiện của kiểm toán | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |

| | | | | | | | | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|------|------|-------|-------|
| Cam kết đào tạo KTV cập nhật các kiến thức, kỹ năng, chuẩn hóa nội dung kiểm toán, thực hiện phương pháp tiếp cận kiểm toán hiện đại | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| (5) Sự phối hợp từ đơn vị kiểm toán | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Trình độ chuyên môn của đơn vị được kiểm toán | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Thái độ của đơn vị được kiểm toán | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Mức độ phối hợp | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| (6) Trình độ, năng lực của KTV | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Trình độ chuyên môn về nghiệp vụ | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Kỹ năng kiểm toán | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Trình độ tin học, ngoại ngữ | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Kỹ năng làm việc theo nhóm | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| Kinh nghiệm thâm niên | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |

| | | | | | | | | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|------|------|-------|-------|
| Luân chuyển KTV nội bộ trong phòng kiểm toán để đảm bảo tính độc lập | 0 | 0 | 1 | 7 | 0,0% | 0,0% | 12,5% | 87,5% |
| (7) Cơ cấu tổ chức | 0 | 0 | 2 | 6 | 0,0% | 0,0% | 25,0% | 75,0% |
| Chính sách, thủ tục, quy trình hoạt động ngân hàng rõ ràng, đầy đủ, cập nhật | 0 | 0 | 2 | 6 | 0,0% | 0,0% | 25,0% | 75,0% |
| Chính sách, quy định về tổ chức, hoạt động của KTNB rõ ràng, đầy đủ, cụ thể | 0 | 0 | 2 | 6 | 0,0% | 0,0% | 25,0% | 75,0% |
| Ngân sách dành cho hoạt động kiểm toán nội bộ được quy định rõ ràng, đảm bảo hoạt động chính thức, lâu dài, bền vững | 0 | 0 | 2 | 6 | 0,0% | 0,0% | 25,0% | 75,0% |